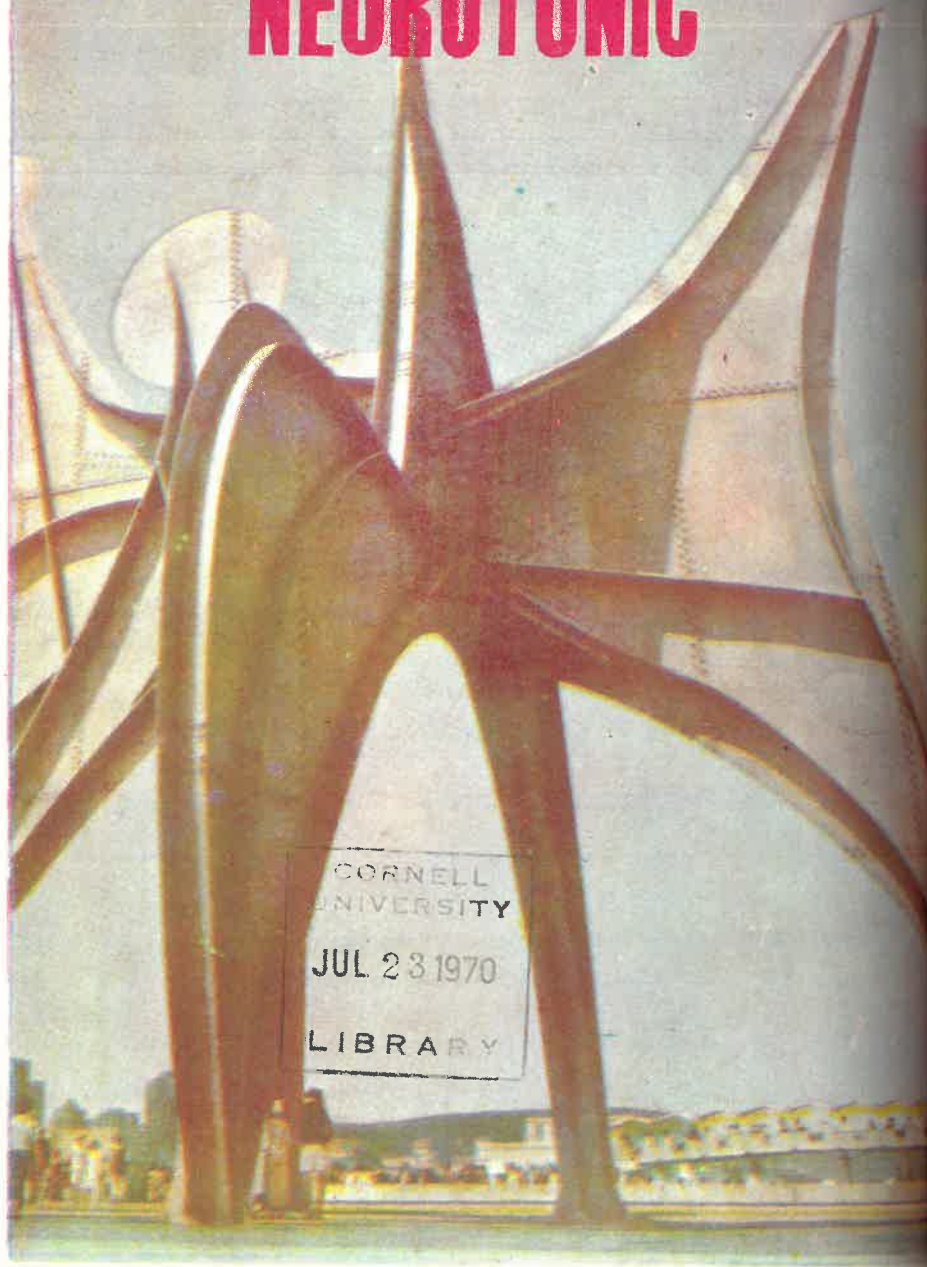


NEUROTONIC



CORNELL
UNIVERSITY
JUL 23 1970
LIBRARY

NEUROTONIC

- ★ BỒI BỔ ÓC
- ★ TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ

5000
P95
P54

GIỎ THÔNG

Giám đốc. Chũ bút Nguyễn Vũ



246

BỘ SÁCH

TUẤN,

**chàng trai
Nước Việt**

(Chứng-tích Thời-đại từ 1900 đến 1970)

đã phát-hành Toàn-Quốc

và đã được Triển-lâm ở Quartier Latin, Paris
từ ngày 15-5-70.

Gồm 2 quyển đầu :

Quyển I. 600 trang,

Quyển II, 500 trang,

Giá tổng cộng 2 quyển: 730đ

giá bán ở Việt-Nam

TUẤN,

chàng trai Nước Việt

của NGUYỄN-VỸ

(Chứng-tích Thời-đại từ 1900 đến 1970)

đã có bày bán tại các tiệm sách lớn ở Thủ Đức :

XUÂN THU đường Tự-Do,

KHAI-TRÍ đường Lê-Lợi

SỐNG MỚI đường Phạm ngũ Lão,

và khắp các tiệm sách lớn ở Đô-thành và Toàn Quốc.

* Các đại-lý tỉnh, mua sỉ, xin hỏi tại Tòa soạn tuần báo THĂNG BỜM, 522 Bis Trương Minh Giảng.

* Bạn đọc ở Quốc ngoại có thể đến xem sách và ghi tên mua tại Đại-lộ Saint Jacques, số 269, Paris VII, hoặc tại Trụ sở Hội Sinh-viên và Lao Động Phật-tử Hải ngoại (Association de Etudiants et Ouvriers Bouddhistes Vietnamiens d'Outre-Mer) đường Maxime Gorki. Chủ tịch Thượng tọa Thích Thiện Châu.

đồng thời, cũng đã phát hành

Khắp các tiệm sách Đô thành và

Toàn quốc

Những đàn bà

Lùng Danh

trong Lịch-Sử

của NGUYỄN-VỸ

dày 400 trang

do xuất bản Sông Mới

30 B Phạm ngũ Lão Saigon

PHỒ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XÂY DỰNG VĂN-HOÀ VIỆT NAM
PHO BIÊN VĂN-HOÀ ĐÔNG-TÂY KIM-CÔ

Giám-đốc, Chủ-bút; Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn: 231 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — ĐT 25861

Năm thứ XII — số 246 — 1-6-1970

1 — Hoạt động của hội Văn Thi-sĩ	Thu-Mai	8 — 10
2 — Bức thư Paris	Ng-văn-Côn	11 — 15
3 — Từ con khỉ tới Brigitte Bardot	Chu-minh-Thuy	16 — 19
4 — Vai trò Không-Minh	Tân-Nhân	20 — 27
5 — Tiềm thủy đỉnh qua các giai đoạn lịch-sử	Hữu-Trọng	28 — 32
6 — Niềm tin (thơ)	Hoài-Thi	33 —
7 — Vua Nam Chiếu	Nguyễn-tiến-Trợ	25 — 33
8 — Nguyễn-hữu-Cảnh	Ng-tâm-Thanh	41 — 47
9 — Han-Tín có phải là	Đông-Tùng	48 — 55
10 — Võ-Thuật	Trần-tuất-Kiệt	56 — 60
11 — Thương tiếc nữ-sĩ Song-Thu (thơ)	Mạch-quế-Hương	61 —
12 — Cái Tàu của Củ-Đình	Ng-tấn-Lộc	62 — 65
13 — Bức thư Nhật-Bồn	Trần-văn-Quang	66 — 70

14 — Ngồi Đền	Ng-hữu-Trọng	71 — 81
15 — Truyện ông Hoàng đảo hoa Krihna	Doãn-quốc-Sỹ	82 — 87
16 — Du cau (thơ)	Ng-ngọc-Anh	88 —
17 — Bức thư Tây-Đức	Ng-khắc-Tiến-Tùng	89 — 98
18 — Ngải và bùa yêu	Vuy-Uyên	99 — 104
19 — Tình qua lớp học đêm (thơ)	Ngô-Cang	105 —
20 — Một người đi xa mới về	Lan-Đình	106 — 109
21 — Tình yên mùa phương	Thuy-Nhân	110 — 115
22 — Một — Vời Minh — Phong-Kiến (thơ)		116 —
23 — Anh-Khờ	Đông-Tùng	117 — 120
24 — Sinh khí văn nghệ	Hoàng-Thắng	121 — 124
25 — Sách báo mới		125 — 126

- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- * Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự tiện trích đăng những bài trong tạp-chí **PHỒ-THÔNG**, nhưng yêu cầu đề rõ xuất-xứ: «Trích tạp-chí **PHỒ-THÔNG**» và đừng viết tắt.
- * Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- * Copyright by **PHỒ-THÔNG**, printed in Việt Nam.

P.T.

Hoạt động của

Hội Văn Thi-sĩ Việt-Nam

• Giai Phẩm Mùa Hè

của Hội Văn Thi sĩ Việt Nam

• Các chi nhánh của Hội V.T.S.V.N. ở Hải ngoại

SÁNG chủ-nhật 24-5 vừa qua, Ban sáng-lập Hội-Văn Thi-Sĩ Việt-Nam nhóm họp rất vui vẻ trong một căn Chùa thanh-vắng, thơ-mộng, ở Chợ Lớn. Hiện-diện có đông đủ các nhà Văn Võ-Phiến, Lê-tràng-Kiều, Sơn-Nam, Viên-Linh, các nhà Thơ Vũ-hoàng-Chương, Nguyễn-Vỹ, Trần-tuấn-Kiệt. Hai nhà Văn Bình-nguyên-Lộc mắc cười vợ cho con, và Vương-Hồng-Sên bị sưng răng, có gửi thư xin lỗi. Nhà biên-khảo Vương-hồng-Sên lại có gửi đến cả giấy trích-lục Khai-Sinh và tư-pháp lý-lich làm hồ-sơ nộp Bộ-Nội-Vụ, cùng với hồ sơ của Nguyễn-Vỹ, để hai người đứng tên xin hợp thức hóa cho Hội.

Đặc-biệt lần này người ta thấy nhà Thơ Vũ-Hoàng-Chương mặc áo dài nâu của cư-sĩ Phật Giáo...

10 giờ Khai-mạc, Thi-sĩ Nguyễn-Vỹ báo-cáo về số hội-viên đã gia-nhập rất đông, trong đó có nhà văn Lê-văn-Siêu, nữ-sĩ Minh-Quần, nhà thơ Trụ-Vũ, Thụy-dương-Tử, nhà văn Trong-Miền, Lãng-Nhân, Bà Ái-Lan, Lưu-Bảng, Thạch-Hiệp.v.v...

Ngoài ra, Hội Văn Thi-sĩ Việt-Nam ghi nhận sự tham gia rất sôi sảng của một số đông nhà văn nhà thơ Việt-Nam ở Hải ngoại, như Bác-sĩ Nguyễn-trần-Huân, Giáo-sư Đại Học Sorbonne và giáo-sư Nguyễn-văn-Cồn sẽ là đại-diện cho Hội ở Paris, ông Nguyễn-năng-Đắc, Cử-nhân Văn chương, Cao học Sử Việt-Nam, Đại diện Hội ở Dakar (Sénégal, Phi-Châu), các bạn Đại-Học Khoa học Nguyễn-tri-Thiện ở Genève (Thụy-Sĩ) Hồ-thị Mộng Điệp, Nguyễn-khảo-Tiến-Tùng ở Munich, (Sây-Đức), Nguyễn-thị-Điệu, Phương, ở Grenoble (Pháp), Trần-Lê-Vũ ở Passau (Tây Đức), Văn-Quang ở Tokyo (Nhật) Phùng-Lê-Ánh, T hạc-sĩ Hóa-học, ở Manila (Phi-Luật-Tân), Nữ-sĩ Thanh-Nhung-Tiến-sĩ Văn-chương, ở Mỹ.v.v... đều đang thành lập những Chi-Nhánh của Hội Văn Thi-Sĩ Việt-Nam ở các Thủ-đô Quốc-Tế.

Ban Sáng-Lập Trung-Uơng sắp gửi bản điều-lệ của Hội cho các Chi-hội Hải-Ngoại, mà hoạt-động chính là truyền-bá văn-học Việt Nam và Văn chương Việt Nam hiện đại trong các giới văn nghệ quốc tế, và liên lạc giữa các giới này với Hội. Sở Trung-ương Văn Thi sĩ Việt Nam ở Saigon.

Nguyễn-Vỹ có đọc cho anh em nghe những bức thư của nhiều bạn trên đây từ Hải-Ngoại vừa gửi về, những bức thư rất nồng-nàn đầy tin tưởng và thiện chí phục-vụ Văn-Học Việt-Nam.

Đồng thời có những bức thư xin gia-nhập Hội của rất nhiều các nhà Thơ, Văn ở Huế, Nha-Trang, Qui-Nhon, Long-Xuyen, Châu-Đốc.v.v.. Sự thành lập các Chi-Hội Văn Thi-sĩ Việt-Nam ở các tỉnh chắc chắn sẽ không gặp trở ngại gì.

Tiếp theo, Ban sáng-lập thảo luận rất kỹ về bản điều-lệ do hai ông Võ-Phiến và Lê-tràng-Kiều đã soạn thảo xong. Lê-tràng-Kiều thuyết trình, bạn Tổng-thư-Ký Viên Linh ghi-chép lại những câu sửa chữa hoặc bổ-túc trong khi thảo luận.

Đến 12 giờ 30 trưa, cuộc thảo luận còn đang hăng-say, nhưng vị Hòa-Thượng của Chùa mời anh em dùng bữa cơm chay. Cuộc thảo luận tạm ngừng. Sau thời trai ngộ, anh em tản-mác ra dạo chơi ngoài vườn Chùa, một khu vườn rợp bóng mát dưới những tán cây, và nhất là dưới những rặng tre xào-xạc trên bờ một bầu nước bọ bọ chung quanh Chùa. Nhà thơ Trần-tuấn-Kiệt trèo lên cây ớt cao, tìm bắt ve-ve... Anh gần chụp được thì con ve bay mất... Võ-Phiến, Lê-tràng-Kiều và Sơn-Nam đứng bên chiếc Tháp xưa, nói chuyện ồn-ào về cây đa mọc bên rìa trên ngọn tháp nạm mẽ sành. Nguyễn-Vỹ và Vũ-hoàng-Chương đứng ngắm cây bạch-mai trồng từ năm 1909 bên hông Chùa Vũ-Hoàng Chương sợ nắng nên luôn luôn đội mũ. Viên-Linh đi bách bộ chung quanh vườn.

Gần 2 giờ, Nguyễn-Vỹ mời anh em vào họp lại. Cuộc thảo luận tiếp tục chung quanh bản Điều-lệ.

Nghe nói bản Điều-lệ dày 12 trang sẽ được quay ronéo trong tuần này để nộp lên Bộ-Nội-Vụ, và để gửi đến Hội-viên ở quốc-nội và quốc-ngoại.

Xong, bản Điều - lệ, nhà văn Viên Linh đề - nghị Hội nên xuất bản một giai - phẩm đầu tiên, trong mùa Hè này. Sau một cuộc bàn cãi khá kỹ-càng, nhà văn Viên Linh và nhà Thơ Trần tuấn Kiệt được đề-cử phụ-trách về «Tuyên-tập mùa Hè». Ngày phát hành giai-phẩm này nghe đâu cũng sẽ là ngày làm lễ «ra mắt» của Hội Văn Thi-sĩ Việt-Nam.

Cuộc hội-họp đến 4 giờ chiều mới giải tán.

Vũ Hoàng Chương và Lê Tràng Kiều thăm mệt, đã xin phép chuẩn trước. Chiếc xe hơi Thăng-Bờm đưa hai ông về, rồi trở lên Chùa đón Võ Phiến, Trác Tuấn Kiệt Sơn Nam v.v...

Nguyễn Vỹ ngồi sau chiếc xe Vespa của Viên Linh làm một màn bay-bướm trên đại - lộ Trần - quốc-Toản về Sài Gòn l.

THU-MAI

BỨC THƯ PARIS

Thăng Bờm... và Mộng Thanh Bình

● NGUYỄN-VĂN-CỒN
(Paris)

LÂU quá tôi vì im hơi kín tiếng, đã làm cho vài bạn quen và vài bạn đọc-giả Phổ-Thông viết thư hỏi thăm «Bức Thư Paris». Cảm ơn tất cả và xin bảo đảm là lòng tôi không quên! Mà quên làm sao được, một khi đã đọc mấy câu thơ của Tản Đà trong «Lời Thề Non Nước»

«Nước non nặng một lời thề,
Nước đi, đi mãi không về cùng non
Nhớ lời hẹn nước thề non
Nước đi chưa lại non còn đứng
trông!»

Như thế, tức là có một việc

gì cản trở và cánh máy bay — thay cánh nhận ngày xưa — không đem về bạn «Bức Thư Paris».

Từ ngày anh Nguyễn Vỹ, giám đốc tạp-chí Phổ Thông, giao cho tôi việc viết «Bức Thư Paris», kể đã hơn tám năm tròn, tôi vẫn cố gắng đem về bạn đọc một phần nào bầu không khí và văn học của «kinh thành Ánh Sáng».

Lâu quá tôi chưa nối lại cánh nhận tin hồng, là vì từ hơn một năm nay sức khỏe của tôi không được khả quan, vả lại...

Than ôi! Chiến tranh tại quê hương đã làm cho tội âm thầm

thương sót, và đôi khi cũng đã có đôi lời tâm sự về thời cuộc.

Theo đó, có một vài tờ báo đã xuyên tạc nói đến tôi. Đáng lẽ ra, tôi cũng không nhắc đến chuyện cũ làm gì. Nhưng hôm nay tôi nói đến là cốt ý để nói ngay thẳng rằng: *«Lòng tôi yêu chuộng hòa-bình, mong ước hòa-bình, thì đâu có ai nói ngả nói nghiêng đi nữa, tôi vẫn tiến trên con đường tôi đã chọn; mà nói đến hòa-bình có tội lỗi đâu mà phải dụt-dè, ái-ngại!»*

Thế là tôi đã thanh toán những tiếng bác, tiếng chi về tôi, nhưt là những tiếng kia không đúng với sự thật!

Nhưng không phải đó là ý hành của «Bức Thư Paris» tái hợp này! Mặc dầu bận việc, và không được khỏe mạnh cho lắm, tôi cũng gượng cầm bút viết thư này, là vì tôi đã nhận được từ bên nhà gửi qua:

— Tạp Chí THẮNG BỜM

— và Mộng Thanh Bình.

Tôi vẫn biết anh Nguyễn Vỹ mặc dầu bận nhiều việc với tạp-

chi Phò Thông, cũng đã cho xuất bản tạp-chi «Thắng Bờm». Nhưng tôi chỉ nghĩ thế thôi, thật ra vẫn «bất kiến kỳ hình». Thế rồi, sáng hôm qua vào sở, tôi đã gặp «Thắng Bờm» từ Việt-Nam qua đây!

Ồi «Thắng Bé» đề thương! Nó đã ra mắt tám lần rồi mà lần này tôi mới được tiếp nó.

Bạn có biết tôi nghĩ gì khi được bắt tay «Thắng Bờm»: tôi đã nghĩ đến tất cả trẻ em ở quốc nội, những trẻ em của tất cả các tầng lớp xã hội, mà hiện nay đang sống trong cảnh chiến tranh.

Tuy nghĩ như vậy, tôi vẫn phải làm quen một cách châu đáo với «Thắng Bờm» tôi được gặp ở phòng giấy của tôi.

Phải, tôi xem xét nó rất kỹ. Trước hết nói giới thiệu với tôi một em bé Việt-Nam rất xinh xắn, tay cầm bút, đang chú ý nghe, có lẽ, cô giáo trong lớp học.

Nhưng «Thắng Bờm» biết tôi chú ý về các trẻ tại quốc nội,

nên nó nói lia-lịa, như muốn cho tôi «sống đôi phút» với tình yêu đất nước! Nó nói với tôi nhiều truyện, nào truyện «Vua Duy Tân» thuở niên thiếu, nào thơ ngũ ngôn có con «Gà, con Khỉ, con Bò-câu», nào truyện hình vẽ «Thạch Bích Sơn», truyện «Nàng Nhị Khanh». Ồi! nó còn nói nhiều chuyện khác, rất có duyên và tức cười.

Nó lại chỉ cho tôi xem hình bác Nguyễn-Vỹ đang chăm nôm, bông bế các em cô-nhi.

Nó lại đem đồ tôi «tim hiểu» hình con ngựa, con voi, con mèo, con chuột, con «girafe» cổ cao ngông...

Tôi nói chuyện với «Thắng Bờm» lâu lắm, và khi nó ngồi lên trông sách của tôi để nghỉ, tôi mới có chút thì giờ suy nghĩ; phải chăng đó là bệnh của người lớn!

Trước hết, tôi mừng cho trẻ em bên nhà đã có một tạp-chi thú vị, đã có người nghĩ đến các em, người đó là bác Nguyễn Vỹ và bộ biên tập «Thắng Bờm».

Tôi lại không quên anh Nguyễn

Vỹ đã có sáng kiến bồi bổ một chỗ thiếu sót trong ngành làm báo của xứ ta, và cũng làm cho tôi nhớ là ở bên Pháp có rất nhiều tuần báo cho các trẻ em như tờ «Tintin» (tên một con chó rất khôn) và tờ «Pabar» (tên con Voi, bạn của các trẻ em). Hai tờ này mỗi lần xuất bản bốn năm trăm nghìn số. Tôi cũng mong «Thắng Bờm» ngày thêm đông bạn! Vậy thì các trẻ em Việt-Nam nào chưa biết «Thắng Bờm» hãy tìm nó! Thú vị lắm!

Trước khi ngừng câu chuyện với «Thắng Bờm», tôi dặn nó: «Về nói với Bác Nguyễn-Vỹ và nhân viên bộ biên tập là có nhiều bài nên in chữ lớn để các trẻ em dễ đọc, và xem vui mắt hơn!»

Tôi đề «Thắng Bờm» nằm yên trên trông sách, rồi mở xem tập thơ «Mộng Thanh Bình».

Minh đang mong mỗi hòa-bình mà lại có người đem giấc mộng đẹp, thì còn gì hài lòng hơn.

«Mộng Thanh Bình», nối tiếp «Đợi Mùa Trăng», là của một thi-sĩ không xa lạ gì với bạn đọc

«Phổ-Thông», đó là Tôn Nữ Hồ Khương mà nhiều bài thơ đã đăng trong tạp-chí của anh Nguyễn-Vỹ. Tôi lại sức nhờ khi Hồ Khương cho xuất bản tập thơ đầu tiên, tôi đã nhận trách nhiệm nặng nề giới thiệu tập «Đội Mùa Trăng» và Hồ Khương với độc giả. Tôi đã viết ; «*Cả tập thơ của Hồ Khương cũng dễ thương, êm thắm, tài hoa như thể với lời đẹp, ý thanh*» (Paris ngày 25-4-1964). Tức là cách đây gần sáu năm trời.

Lúc đó, có lẽ nhiều người cũng biết tài nghệ của Hồ Khương, nhưng một khi tôi đã nhận thấy, thì tôi không ngần ngại gì, trong bài tựa «Đội Mùa Trăng» nếu cao tài hoa của Hồ Khương.

Tôi rất mừng là sự nhận xét của tôi không sai lầm, và ngày nay rất có nhiều người thưởng thức thi-phẩm của Hồ Khương, chẳng hạn như Nhạc sư Trần-văn - Khê, thi-sĩ Vũ - Hoàng - Chương, Bà Trương Phổ anh Nguyễn Vỹ v.v...

Ngày hôm nay, tôi nhận được

«Mộng Thanh Bình» của Hồ Khương, lời mời do lương được những bước kha dài của Hồ Khương trên đài thi văn, từ sáu năm nay, nghĩa là từ khi Hồ Khương, trong tập «Đội Mùa Trăng» đã gửi qua cho chúng tôi tại Pháp mấy câu :

*Rằng «Đầy tin-tức quê nhà
Kể từ năm tháng sen-hà chia
đôi».*

Tin tức ấy, Hồ Khương đã cho chúng tôi hay bằng lời thơ tao nhã, dịu dàng và đã làm cho chúng tôi thường gọi Hồ Khương là «người em gái nơi quê nhà».

«Cô em gái» ấy đã gửi qua chúng tôi «Mộng Thanh Bình», Chúng tôi đã đọc rất kỹ, và đã nhận thấy, tuy ngày nay tài nghệ của Hồ Khương đã trở nên phong phú, nhưng những lời tâm sự, những nỗi ước mơ, những ý thương nước, thương nơi vẫn còn vọng êm đềm, dịu dàng, thanh tú của «người em gái» mà ở bên này chúng tôi rất mến chuộng tài hoa, nhưt là trong bài «Thư gửi Anh» với những câu đã làm cho chúng tôi

rất cảm động :

*«Anh ơi !
Non nước trời Nam mấy ngàn
năm lịch sử
Trên bước đường sinh tử sẽ về
đâu ?*

*Nam quan đến mũi Cà-mau
Bao giờ nổi lại nhịp cầu yêu
thương*

*Thương là thương...
Thương lắm nhĩ ơi !»*

Phải ! «người em gái» của chúng tôi đang sống trong cảnh chiến tranh, và với tâm hồn thi-sĩ giàu cảm xúc, nên đã ghi những tiếng đau thương, những cảnh điêu tàn.

Và vì thế «Mộng Thanh Bình» đã cho chúng tôi biết tâm hồn của Hồ Khương :

*«Tôi ở ở mơ
Một ngày nào...
Không còn thao thức
Bởi tiếng súng vọng về
Một chế, đại bác
Trong đêm trường xé nát không
gian.»*

Nhưng rồi Hồ Khương đã cho chúng tôi một niềm hy-vọng vì đại :

*«Ai ơi !
Hãy lãnh nghe:
Trên ngàn vang tiếng hát
Dưới bề rộn câu hò
Vọng về tới chốn Thủ-Đô :
Đàn ta dựng lầy cơ đồ Việt-Nam»*

Mấy giờ sau, tôi gặp «Mộng Thanh Bình» lại, nhưng trong tâm trí vẫn còn vọng mấy câu thơ của Hồ Khương !

*«Mong sao máy Tào vẫn xây
Sớm đưa nước Việt tới ngày
Vinh quang
Tiếng cười rộn khắp xóm làng
Nhân dân vui cảnh hợp dân Bắc
Nam»*

Tập thơ «Mộng Thanh Bình» rất quý giá. Các bạn của tôi ở Pháp sẽ được thưởng thức.

Tôi đã đưa thơ và hình Hồ Khương, nhất là hình ngày cười của Hồ Khương cho các bạn tôi xem. Nếu một ngày nào nữ-sĩ Hồ Khương qua đây, các anh chị em sẽ đón rước niềm-nở «người em gái quê nhà».

NGUYỄN VĂN CỎN
(Paris ngày 6-5-1970)

□□□

TỪ CON KHỈ TỚI... BRIGITTE BARDOT

★ CHU-MINH-THỤY

MỘT tu sĩ Tây ban nha sống trong thế kỷ 16 kể lại rằng : Sau khi bị đuổi khỏi vườn địa đàng. A dong giận Ê và nên quay lưng bỏ đi. Nhưng Ê và đầu chịu sống một mình. Để chinh phục người đàn ông duy nhất đó, nàng bêu bứt vải cộng, thắt lại thành một cái vòng, đoạn mang nó vô cổ và chạy theo A dong.

Tất nhiên, đó chỉ là chuyện bịa, có thể dùng làm tài liệu trích dẫn để nói về nguồn gốc của nữ trang.

Tuy nhiên, các nhà khảo cổ sau khi khai quật các di tích tiền sử, không đồng ý như vậy. Họ cho rằng chính người đàn ông mới là kẻ sáng chế ra món trang sức.

Vào thời đại đồ đá, người đàn bà có nhiệm vụ gì đó ở nhà (hoặc hang, động). Người đàn ông, ngoài công việc săn thú, còn dành một số thời giờ đi tìm đá lửa (Siles) để biến chế ra vũ khí.

Một số đá hoa cương này, được mài gọt khéo léo, đã trở nên vật trang sức — hoặc bùa hộ mạng — của người đàn ông, vì chúng tượng trưng cho uy vũ của kẻ chế tạo và sử dụng nó.

Những người cổ sơ đó hình như cũng lượm một số đá màu trong khi đó đi đây, đoạn dán chúng lên da bằng bùn, phân thú vật, đất sét v.v...

Khuynh hướng ấy na ná như của vài giống khỉ Phi Châu mà Wolfgang Kohler nhận xét trong quyển « Tâm tánh loài khỉ » : chúng đập lên trái và ngược các hòn đá, mảnh vải, cộng cỏ...

Khoảng thế kỷ thứ 4 trước Tây lịch, người Ai Cập tìm thấy trong sông Nil những mảnh vàng vụn lóng lánh. Họ đặt tên cho thứ đó là « ánh sáng bên vũng », và chỉ lượm lặt chúng vào ban đêm. Tất cả số vàng thu được đều dùng để trang hoàng các ngôi đền thờ thần Râ (mặt trời), tọa lạc bên hai bờ sông Nil.

Các vị vua Ai Cập cho rằng không thể để mọi người giữ « ánh sáng bên vũng » ấy được, và quyết định dành độc quyền ấy cho thần thánh, pháp sư, người chết thuộc giòng quý tộc và họ mà thôi.

Tất cả các mỏ vàng, chẳng hạn ở Nubie (nubie có lẽ do « nub » có nghĩa là vàng, mà ra) đều đương nhiên thuộc quyền sở hữu của hoàng đế.

Những lúc rộng lượng, hoàng đế có thể phân phát cho cận thần tướng lãnh một số vật trang sức bằng vàng, thường thường có hình con ong. Đối với pháp sư, nhà vua ban cho món trang sức có nạm lam ngọc (turquoise) hoặc ngọc lưu ly (lapis-lazulis). Đàn bà ít khi được có hân hạnh đó.

Khoảng 2.000 năm trước Tây lịch, hoàng đế Sénouret I bắt đầu cho phép (dưới sự kiểm soát) dân chúng sử dụng vàng. Trong dân gian, người ta bắt đầu đeo trên trán các món trang sức, hoặc đội mũ bằng vàng nạm ngọc tím (améthyste) hoàng ngọc (topaze), phong tín tử thạch (Zircon). Ngoài trừ một số ít công chúa hoặc vợ quan lại giàu có, còn thì những kẻ mang món trang sức đều thuộc nam phái.

Ở Á Châu, chẳng hạn Ấn Độ, người ta thường dùng vàng và đá quý làm lễ vật dâng cúng thần linh (nhứt là trong Ấn Độ giáo) và nộp cho vua chúa. Để

quốc Tàu xưa kia vẫn coi vàng ngọc là bảo vật, bắt buộc các lân bang nhỏ phải triều cống. Việt Nam là một trong những nạn nhân của sự tham lam đó khiến ngày nay xứ ta chẳng còn lại được gì, mặc dầu là đất sản xuất nhiều thứ ngọc và món quý khác.

Theo nhà học giả Vương hồng Sên, trong Viện bảo tàng ở Đài loan, người Tàu còn cất giữ một số ngọc rất lớn và quý, hình như xuất xứ từ đất V.N.

Ở Pháp, vào thời các triều vua *méro viniens, carolingiens* và các vua đầu của giòng *capétiens*, vua quan ít khi trang sức — ngoại trừ hoàng đế Charlemagne được một Quốc vương ở Bagdad biểu cho một hộp đựng đầy đá quý.

Lúc quân Pháp chiếm Constantinople, họ đem về hàng rương hồng ngọc, xa phía, và vì không biết để làm gì hơn, mấy anh lính đeo từng chùm trên người như dân bán khai.

Năm 1355, vua xứ Navarre thất trận và bị bắt ở Rouen, ông ta và đoàn tùy tùng không thể tự mình xuống ngựa được vì trên người đeo quá nhiều vàng cùng đá quý. Tuy nhiên, thời đó, các lãnh chúa chỉ cho phép vợ con đeo nữ trang trong gia đình, và chỉ khi họ có mặt mà thôi.

Một ngày nọ, vào giữa thế kỷ 15, Agnès Sorel, một sung phi của vua Charles VII, xuất hiện trước công chúng với một xâu kim cương nơi cổ. Từ ngày đó, phụ nữ Âu mới đeo món trang sức và lần hồi, họ giành độc quyền mà trước kia ở trong tay đàn ông.

Sau khi Christophe Colomb tìm ra châu Mỹ, người Âu lấy cớ đi khai hóa để chiếm đoạt khá nhiều vàng ngọc của dân bản xứ đem về, nhất là ngọc bích và ngọc trai.

Vua François 1er mua một số ngọc quý để dành làm bảo vật của hoàng gia, và các vua sau bắt chước thêm vô lẫn lẩn.

Thời đó, Venice hết sức thịnh vượng, vì là một nước cộng hòa.

Thương thuyền ngoại quốc ra vô tấp nập, nên vàng ngọc tích trữ ở đó khá nhiều. Vàng do người Á rập đem tới, còn kim cương thì xuất xứ từ Golconde (Ấn độ). Từ Venice, nữ trang được tung ra khắp Âu Châu.

Thông thường, chỉ bốn thứ đá được xem là quý: kim cương, ngọc bích (*émeraude*), hồng ngọc (*rubis*) xa phía. Vào thế kỷ 19, đàn ông và đàn bà trở nên giản dị hơn. Phái nam không còn ưa thích mấy chiếc nhẫn rườm rà và chỉ cần một món trang sức hữu ích: chiếc đồng hồ, có vỏ vàng hoặc bạc. Đàn bà cũng bán báu vật trong gia đình lấy tiền đầu tư vô kỹ nghệ.

Năm 1866 (có thuyết nói là 1817) người ta bắt ngờ tìm thấy mỏ kim cương ở Nam Phi, nhờ đó kim cương hạ giá. Các thứ đá hiếm như hoàng ngọc, lam ngọc, ngọc thạch... cũng lần hồi được ưa chuộng, dùng làm món trang sức không quá mắc.

Vào năm 1900, một thợ kim

hoàng Pháp, Lalique, bày ra một nữ trang dựa theo hình thể hoa lá, gồm nhiều đường uốn cong mà tới gần đây, người ta vẫn còn ưa chuộng.

Nhưng từ năm 1953, nhiều khuynh hướng khác ra đời, trong số đó có nhóm của Torun (nữ nghệ sĩ kim hoàn Thụy điển, Constanza (người Pháp), Jean Dieu văn (Ai Việt). Người ta còn sao những món trang sức ở thời Thượng Cổ (Ai cập, Hi Lạp).

Năm 1964, ở Saint Tropez, bác thợ may Jean Bouquin trong khi thử cho cô đào Brigitte Bardot một bộ đồ nhái theo lối Ấn độ đề nàng mặc trong buổi dạ hội tối đó, tình cờ có sáng kiến tròng vào cổ nàng một sợi giây nịch làm bằng khoen. Suốt mùa hè năm đó, ở Saint Tropez rồi lan rộng ra khắp thế giới, con trai con gái đua nhau đeo vô cổ đủ thứ giây, và đó là nguồn gốc của một nữ trang hippy.



VAI TRÒ KHÔNG - MINH TRONG HOA DUNG TIỂU LỘ

- Một thiên tài hay một gian hùng ?
- Con người vì dân vì nước hay vì cá nhân chủ nghĩa ?

*** TÂN.NHÂN

THÔNG thường khi người ta thất bại một chuyện gì, thì thường đưa ra một câu nói để an ủi, tự dối mình và dối người là: «mạng trời» (thiên lý dị nhiên) một lối giải thích đơn giản mà không kém phần hữu hiệu. Nhưng đồng thời nó cũng đã làm xuyên tạc không biết bao nhiêu là sự thật trái ngược với ẩn ý nguy hại của hạng người cá nhân vị kỷ, chỉ đặt quyền lợi cá nhân trên quyền lợi quốc gia Dân tộc, cho nên

mọi hậu quả của một giải pháp lừa đảo gian ngoa cuối cùng phải thất bại (đó là lẽ tất nhiên) thì nó cũng đưa luôn quốc gia Dân tộc đã dù muốn hay không muốn nằm trong tay thao túng của họ cũng cam chịu thất bại theo! Đó là bài học Không-Minh.

Không Minh Gia-Cát-Lượng là một thiên tài lỗi lạc trong thời Tam-quốc tương tranh không cần phải giới thiệu gì thêm nữa. Một vị quân sư mà người đời đã cho là «Tri bá niên tiền, bá

niên hậu», ông ấy đã rời bỏ thảo-lư xóm Ngọa-Long về với Lưu-Bị sau 3 lần chịu lụy (tam cố thảo-lư) đến đổi để lại cho đời nay một thành ngữ: «cầu như cầu ông Không!». Làm cho ai nghe đến đều hình dung được một tầm quan trọng của con người ấy là dường nào rồi.

Hướng chi thời Tam-quốc có 3 bậc thiên tài là: Gia-Cát, Phụng Sồ và Từ-Thứ. Người ta thường nói nếu ai được một trong 3 người đó cũng đủ làm nên cơ nghiệp! Mà trở trêu thay Lưu-Bị lại có cái diễm phúc được cả 3! Tôi dùng chữ trở trêu là vì hậu quả của cái gọi là diễm phúc của Lưu-Bị đã lật ngược một cách quá bi đát của sự nhận định trên.

Đành rằng không phải luận Anh hùng bằng vào thành bại nhưng phải xét ở sự quyết tâm phục vụ một cách vô tư cho quốc gia dân tộc hay không? Như Trương-Lương, Nguyễn-Trải.. Những con người ấy buổi đầu họ rất «dở» gần như không có gì cả nếu đem so với Không-

Minh, nhưng họ làm nên sự nghiệp chỉ vì họ có mỗi một món mà Không-Minh không có, đó là: *Tinh thần vì dân vì nước một cách vô-lư.*

Thật vậy, tôi nói Không-Minh có tất cả, nhưng thiếu một món là: *Vị-quốc Vô-tư* nên ông thất bại. Việc này biểu lộ trên hành động của ông mà di-chứng lịch sử còn lưu lại những nét rõ ràng không chối cãi được. Nhưng vì ông là một nhà mưu lược quán thế, ẩn ý của ông hằng năm chưa được phát giác, để cho hậu thế có dịp học thêm bài học tiêu cực của ông, tránh phí phạm thiên tài đem dùng vào một mục tiêu oan uổng là thay vì phục vụ cho quốc gia dân tộc, hoặc nhân loại; nó chỉ nhắm vào quyền lợi cá-nhân, ích-kỷ. Nhưng cái cá-nhân ấy dù là thiên tài mà tách rời, hay đối nghịch với quyền lợi đa số quần chúng nhân dân thì nó còn có nước tự an ủi là: «Nhân nguyện như thử, như thử; Thiên lý dị nhiên, dị nhiên».

Đem Không-Minh ra mà xét đi

Đúc kết thành một bài học, tìm ra «yếu tố chiến thắng» là một việc làm không phải của tôi, con người vừa buồn chán phăng. Thử đề cập đến đề tài, như vậy tự mình đã cảm thấy thiếu tự trọng; nhưng vì có thật tâm và nhiệt huyết. Có lẽ sự vui đập lòn lóc trong đời sống quá nhiều nước mắt và mồ hôi đã giúp cho tôi có cái cảm nghĩ mà hôm nay tôi dám mạo muội trình bày ra đây với một ước nguyện mong đóng góp được phần nào trong bài học làm người.

Nhận xét về Khổng-Minh, chỉ nội trong một vụ Huê-dung-đạo cũng đủ yếu tố để phát giác về ẩn ý của ông rồi.

Tất cả những ai xem truyền Tam-quốc-chỉ đều có một cảm nghĩ như nhau là nếu thay cho Trương-Phi, hay Triệu-tử-Long vào Huê-dung-đạo là đã chấm dứt cuộc đời Tào-Tháo, hoặc sau khi Quang vân Trường tha Tào thì chỉ cần một đạo quân tầm thường nào cũng có thể bắt hết lũ Tào A-Man khi mà bọn họ người hết lương, ngựa hết cỏ.

Mà hề đẹp được giặc Tào thì Đông-Ngô không còn thành vấn đề, cơ nghiệp nhà Hán chỉ một lần đầu ra tài của Khổng-Minh đã thấy thành công. Nhưng... tất cả (cả tại chữ nhưng này !) tại sao Khổng-Minh lại không làm như vậy ? Ông không đủ tài làm như vậy sao ? Không ai tin như vậy. Ngược lại ông biết rõ hơn ai hết là trận Xích-bích chỉ cần kết quả như vậy là ông đã đạt được yêu cầu rồi. Nghĩa là ông chỉ muốn đánh một trận biểu dương tài thao-lược của ông để bắt Lưu-Bị chịu lụy thêm nữa. Tào-Tháo cần phải sống để làm áp lực, làm mối lo ngại thường xuyên cho Lưu-Bị nghĩa là tạo đất dụng võ cho Khổng-Minh, cốt duy trì không khí «Tam cố thảo lĩnh» và bắt Quang vân Trường phải chịu trách nhiệm đó (ném đá giấu tay).

Khổng-Minh biết rằng trách nhiệm thắng bại là ở nơi ông, vừa là tham mưu trưởng, vừa là Tổng tư lệnh, muốn diệt Tào ngay trận đầu rất dễ hơn là tha Tào mà không phải chịu trách nhiệm. Nhưng thâm nôi, *yêu cầu*

của cá nhân ông là tha Tào !

Muốn diệt Tào ngay trận đầu để, là vì có được nhiều yếu tố thắng lợi trong tay ông : Yếu tố bất ngờ vì Tào chưa đánh giá tới mức tài thao lược của Khổng-Minh (mới văn kỹ thịnh) với tánh tự cao, tự đại của Tháo ; Thục Ngỗ liền kết đánh Ngụy, thì lấy hai đánh một, một liên minh lý-tưởng ngàn năm một thuở.

Nhưng Khổng-Minh chưa muốn diệt Tào vì : ông không có một tinh thần thiết tha yêu nước, ông nghĩ cá nhân ông nhiều hơn. Bằng cứ là bậc tài trí như ông mà điềm nhiên tọa thị ngồi nhìn nhà Hậu Hôn vận nước suy vong, gian nịnh chuyên quyền, lương dân đồ thân... nếu ông có tinh thần yêu nước thiết tha như Trương-Lương, Nguyễn-Trãi thì đâu cần đợi gì đến Lưu-Bị «Tam cố thảo lĩnh» Đời sống lý tưởng của giới Sĩ phu như ông thường đặt đời sống cá nhân lên trên quốc gia dân tộc (Hứa-Do, Sào-Phủ) Ngay theo về với Lưu-Bị là một sự miễn cưỡng vì không còn cách

gi chống từ trước những lời quá khản khoản kêu đòi lòng yêu nước của ông.

Ông nghĩ cá nhân ông trước : Vì là hạng Sĩ-phu, hơn ai hết ông biết rõ quy luật «Đặng chim bẻ nà» của vua chúa thời phong kiến. Ông không muốn đem tài thao lược và xương máu ra làm hàng rào bảo vệ ngai vàng cho bọn vua chúa trong thời loạn : để rồi phải làm nạn nhân, làm vật hy sinh trong thời bình. (Hết thú rừng làm thịt chó săn !), mà ông chỉ tạo cho cá nhân ông một sự chịu lụy cho thỏa chí tự-tôn. Cái cá nhân vị kỷ trong giới Sĩ phu của ông nội cái chết của Phụng-Sò đã xác nhận rồi. Cùng là Tả, Hữu quân sư với nhau Phụng-Sò lại sợ Khổng-Minh cướp công đến đời phải chết thê thảm ở Lạc-phụng-ba : Từ-Thứ đặt gia đình lên trên Tổ-quốc nên muôn đời ân-hận !!! Ngoài ra ông còn cần một môi trường sống để thí-nghiệm những cái ông đã học trong sách vở tự bấy lâu nay. Như thế ông cần còn giặc Tào để ông còn được tôn-trọng — đó là trả

lời lý do Tào phải sống.

Chính ra Khổng-Minh mới là người thả tào ở Huê-Dung-Đạo

Khổng-Minh tha Tào, với tài mưu lược thâm hiểm Khổng-Minh biết rõ đặc tính ành hùng cá-nhân của Quan vân Trường và chần-chịch tinh nghĩa với Tào khi thất thủ hạ-bì thì thế nào ông cũng tha Tào khi sa cơ thất thế hết sức khốc lóc khẩn cầu. «Bất sát hạ mã chi nhơn». Để chắc ý hơn, bắt phải làm cam đoan trạng đề rồi lên mặt buộc tội Quan Công cốt che dấu âm mưu tha Tào của mình. Quả thâm độc như Khổng-Minh gầm lại mấy ngàn năm không còn ai qua được bậc quân sư «tri bá niên tiền, bá niên hậu» ấy.

Tội nghiệp Quan vân Trường chỉ là viên tướng võ hiền, ngay thẳng thật thà, có anh hùng tính, trách chi lại chẳng mắc mưu một Khổng-Minh quá thâm hiểm như vậy, để rồi vì cái hậu quả thâm hiểm ấy đã đưa bao nhiêu công lao hạn mã cơ đồ nhà Hôn suy vi!

Sau trận Xích-bích, Tào đã bắt đầu ý thức được tầm nguy hiểm của đối phương, tập trung mọi khả năng mưu lược để đối phó, chiêu tập nhơn tài như nhóm Tư-Mã-Y... Còn trái lại Khổng-Minh bắt đầu gặp phải phản ứng của một địch thủ lợi hại. Đem so tài Tào Tháo tuy kém Khổng Minh nhưng Tào Tháo có những điểm cá biệt mà Khổng Minh không có: đó là *lòng quyết tâm* (vì Tào làm cho Tào, còn việc phò Hôn Đế chỉ là thủ đoạn bình phong) Sự quyết tâm ấy nó đã làm cho Tào dám áp dụng mọi biện pháp dù tàn nhẫn đến đâu đi nữa chỉ để đạt chiến thắng là được.

Còn Khổng-Minh vì yếu tố bất ngờ đối với Tào đã qua và giải pháp: Liên-kết lấy 2 đánh 1 không còn nữa. Mặc dù Khổng Minh cố tìm cách tạo lại nhưng hoài công (vụ cầu hôn Giang-tả là cốt tạo lại Liên minh Ngô-Thục đó).

Bỏ lỡ cơ hội ngàn năm một thuở, sau trận Xích-bích tương quan lực lượng đã thay đổi hẳn vượt

ra ngoài khả năng của Khổng Minh nên ông phải thú nhận một cách chua ngoa rằng: «nhân nguyên như thữ, như thữ; thiên lý dị nhiên, dị nhiên» từ đó tin cậy ông cùng với gian san nhà Hôn từ từ sụp đổ điều tàn

Nếu đem Trương Lương và Nguyễn Trãi ra đây mà đối chiếu so sánh thì lại giúp cho ta thấy sáng tỏ vấn đề hơn. Trương Lương tên ông và việc làm của ông là phản đề của Khổng Minh rồi. Trước thảm họa vong quốc ông thấy tui nhục, biến đổi tui nhục thành căm thù, dẫn căm thù đến hành động. Buổi đầu ông quan niệm vấn đề còn đơn giản (chứng tỏ thiên tài của ông không phải đã có ngay từ lúc đầu) là tìm một lực sĩ ám sát Tần-thủy-Hoàng, nhưng việc bất thành, người lực sĩ bị bắt, Ông chạy thoát thân rút ra được một bài học thực tế rất quý báu. Ông thấy rằng khắp các nước Trung nguyên thời bấy giờ nhân dân đang sống trong cảnh dầu sôi lửa bỏng vì chế độ bạo Tần. Cả một chế độ tàn bạo ấy mà chỉ

nhắm vào một vài cá nhân như bạo chúa dù có giết được thì còn có người khác thay thế; tai họa của nhân dân đâu có vì đó mà được giải quyết sao? Căn bản vấn đề là phải đập tan chế độ tàn bạo đó mới vọng cứu dân, cứu nước ra khỏi vòng nô lệ. Vấn đề quá lớn lao, việc làm khó khăn nguy hiểm nó vượt ngoài tầm sức của một dũng sĩ (Kinh Kha) một quốc gia đơn cô thần tụy; mà phải động viên cho được toàn dân. Liên kết cho được các quốc gia nạn nhân của chế độ thống trị bạo Tần, nghĩa là phải làm một cuộc nổi dậy của toàn dân, toàn diện mới thay đổi được cái xã hội tàn bạo ấy.

Xuất phát từ lòng yêu nước cao độ, kết hợp với kinh nghiệm thực-tiền ở hành động cứu nước, sự quyết tâm đã giúp ông nảy sanh ra sáng kiến. Lòng thiết tha yêu nước, yêu Dân tộc căm thù bọn xâm lược giúp ông đề ra một sách lược rất quang minh, tập hợp được mọi tầng lớp nhân dân quy tụ được nhiều

anh hùng nghĩa sĩ như : Hàn-Tin, Kỷ-Tin... và liên kết lại được các quốc gia chống xâm lược giải phóng cho nước nhà,

Muốn thực hiện cho được một chương trình cứu quốc vĩ đại đó phải có một đường lối chiến lược, chiến thuật, mưu cơ, quân lược... theo yêu cầu thời cuộc đòi hỏi. Ông tự thấy mình còn kém cỏi nên quyết tâm học tập để nâng cao trình độ để phục vụ đắc lực hơn. Gương 3 lần lội xuống sinh lầy để lượm dép cho Huỳnh-thạch-Công đã nói lên sự quyết tâm ấy.

Đập tan được chế độ bạo Tần, đem Hòa bình hạnh phúc lại cho nhân dân 7 nước lớn ở trung nguyên (trong đó có cả nhân của Tần) vị Trương Lương tập trung được mọi đức tính cần thiết: **YÊU NƯỚC THƯƠNG DÂN HY SINH**. Những điểm này Khổng Minh không có, vì sao khi thành công ông tự bỏ công danh phú quý, không màng đến quyền lợi cá nhân.

Cũng như Trương Lương,

Nguyễn-Trãi của Việt Nam ta buổi đầu cũng không phải đã sẵn là bậc thiên tài kinh luân, mưu lược. Bằng có là khi đành chịu bó tay để cho giặc bắt cha là cụ Nguyễn-Phi-Khanh trong chánh sách thủ tiêu nhân tài đất Việt, hủy diệt mọi đề kháng của một dân tộc để đặt ách nô lệ đời đời lên đất Việt. Việc làm của Nguyễn Trãi trước thảm cảnh đó chỉ là **KHÓC!!!** Cụ Nguyễn-Phi-Khanh đã khi khải bảo rằng: : «nếu thương cha, con phải thương nước; mà cái khóc của con nào có giải quyết được gì?» Vâng lời cha ông gạt nước mắt trở về, đặt thù nhà nợ nước lên trên, đem ngày trao đời kinh sử, quyết chí phục thù. Không phải chờ «tam cố thảo luận» mà tự, tìm đến cùng Bình-Định-Vương Lê-Lợi đem hết tài ba mưu lược ra giúp nước, ông đã toại nguyện: Đền được nợ nước, trả được thù nhà.

Nguyễn Trãi của «**BỈHH NHÔ ĐẠI CÁO**» sau này cũng chính là Nguyễn Trãi **KHÓC** ở Trấn-nam-quan trước kia, có khác là

khác, Ông không còn khóc nữa, khi mà Đồng bào của ông cũng không còn khóc nữa vì cũng như, Trương Lương ông biết tủi nhục trước họa vong quốc biến tủi nhục thành căm thù, dẫn căm thù đến hành động. Ông cũng tập trung được 3 đức tính cần thiết: Yêu nước thương dân và hy sinh.

Cái thành công của Trương Lương và Nguyễn Trãi đối chiếu với cái thất bại của Gia-Cát, Phụng-Sò, Từ-Thứ đã đúc kết

cho ta được một bài học rất quý báu, đã chỉ cho ta thấy được một **YẾU - TỐ CHIẾN THẮNG** là **VÌ NƯỚC VÔ-TU**. Có được yếu tố đó, dù dở như Trương Lương, Nguyễn Trãi (buổi đầu) cũng sẽ tiến đến thành công; Ngược lại, chỉ **VỊ KỶ CÁ-NHÂN** thì dù thao lược tài ba quán thế **GIỎI NHƯ KHỔNG MINH CŨNG PHẢI THẤT BẠI**.

T.N.

□□□

● PHÉP LỊCH SỰ

Cu Tèo lên tám, vừa ngốn bánh mì thịt, xong thì vào lớp, miệng còn dính mỡ. Cô giáo nhui mắt, bảo :

— Đi học mà quên rửa mặt, rửa miệng, xấu lắm. Nếu cô cũng ở dơ như em, thì em nói sao ?

— Thưa cô, em chẳng nói sao cả. Em cần phải giữ phép lịch sự ạ.

TIỀM THỦY ĐÌNH

qua các giai-đoạn lịch-sử

□□□ HỮU-TRỌNG

TRONG cuộc chiến-tranh nguyên-tử ngày nay trên toàn thế-giới các cường quốc Tây-Phương như Hoa-Kỳ, Nga-Sô v.v... đều tận-dụng khả năng của mình vào công cuộc chiến-đấu và phòng thủ bằng đủ mọi phương-tiện, trong số những khí giới nguy-hiểm và tối tân hiện-hữu, tiềm thủy đình là một trong những chiến-cụ được liệt vào hàng đầu công cuộc chạy đua để chiến-thắng quyết - định chung cho nhân-loại.

Với một thứ khí-giới đã tạo được ít nhiều tên tuổi cũng như địa vị quyết - định cho thế - giới trong cuộc chiến hiện nay. Tiện đây tôi xin phép được trình-bày

cùng các bạn một vài nét về lai lịch cũng như người khai-sinh chiến cụ đó qua lịch sử xưa này.

*

Chiếc tàu ngầm đầu tiên thế-kỷ XVI

Năm 1588, Hải-Quân hoàng-gia Anh đã chiến thắng oanh liệt trước một hạm đội hùng hậu của hải-quân Y-Pha-Nho (Espagne), nhờ vào chiến-thuật tiềm thủy. Người Anh trong thời gian lúc bấy giờ đã chế tạo được một thứ tàu ngầm loại bỏ túi; một loại tàu ngầm chỉ có một chỗ ngồi và chỉ lặn trong vài phút! Thật ra đây chỉ là những «quả chuông»

cổ lớn mà người Anh đã thả xuống nước và kéo lên không khác gì một chiếc thang máy.

Đến mùa Thu năm 1820, khi nhà hàng hải PILGRIMS khởi sự cuộc hành trình đi tìm tân thế giới thì CORNELIS DREBBEL, một kỹ-sư người Đức đã đóng xong một chiếc tàu ngầm trên sông Thames ở Luân - Đôn. Công việc đóng tàu của Drebbel có phần cải tiến. Sườn tàu được ráp bằng cây, vỏ tàu bằng da thuộc và bần ín làm những mối hàn. Có 6 máy chèo chia ra khỏi mạn tàu và cần đến 12 người thật khỏe để làm động cơ vận chuyển. Với 12 buồng phổi làm việc cấp bách trong một khoang tàu nhỏ hẹp và thiếu dưỡng khí là một trong những nguyên nhân khiến tàu ngầm của Drebbel chẳng bao giờ lặn sâu thêm được nữa.

Mãi đến năm 1776, đúng lúc cuộc Cách-Mạng nước Mỹ bùng nổ DAVID BUSHNELL một sinh-viên thuộc viện đại học Yale đã giúp phe Cách-Mạng của tướng George WASHINGTON đóng một tàu ngầm lấy tên là «TURT-

LE». Người Anh không ngờ những hạm-đội hùng mạnh của họ lại bị tấn-công một cách bí-mật.

Tàu ngầm «TURTLE» của Bushnell trông giống như một quả trứng khổng lồ. Phía trên có một cánh quạt, hình thức giống như một phi-cơ trực thăng, ngày nay dùng để lặn sâu xuống hoặc trồi lên. Phía lái có chân vịt làm động-cơ di-chuyển. Tất cả đều qua một hệ-thống dây chuyền SYNCHRONIZING, người điều khiển muốn lặn thì dùng tay để quay, tiến thì dùng hai chân giống như một người đi xe đạp.

Cuộc mạo-hiểm đầu tiên

Đêm mồng 6 tháng 9 năm 1776, hạm đội Anh phong-toà hải-cảng Nữ-Uớc. Chiến thuyền chỉ huy «EAGLE» của Hải-Quân Anh mở đầu cuộc hải-kích vào thành phố. Trung sĩ EZRA LEE, tình nguyện lái tàu ngầm «TURTLE» đi giải vây thành phố. LEE mang theo 150 cân thuốc nổ, đây cũng là quả thủy lôi đầu tiên trong lịch sử thế giới được phát minh,

có gắn đồng hồ thời chính. Thật là một hành động phi thường. Viên trung-sĩ LEE chỉ cần một thời gian không đầy 30 phút đã hoàn tất công tác phá hoại và thoát hiểm một cách tốt đẹp. Những công tác « phá hoại » được tiếp nối trên giòng sông Hudson. Tàu ngầm « TURTLE » đã thực sự đi vào lịch-sử và cuộc chiến từ đó.

Mở đầu cho một kỷ-nguyên mới

Hơn 20 năm sau, năm 1797, ROBERT FULTON, một người Hoa-Kỳ sang lập nghiệp tại Ba-Lê, với chủ tâm phát triển ngành tiềm thủy. Trong suốt thời gian 3 năm Robert Fulton đã không ngừng nghiên cứu và cải-tiến tiềm thủy đỉnh NAUTILUS của ông và được hạ thủy vào năm 1800.

« NAUTILUS » của Robert Fulton mô phỏng theo kiểu chiếc « TURTLE » của Bushnell nên có hình dáng giống như một chiếc khinh-khí cầu bình thuận. Chiều dài hơn 7 thước, 2 thước bề ngang. Vỏ tàu làm bằng hợp chất

đồng, thân tàu rất kiên cố. Đặc điểm của tàu ngầm « NAUTILUS » có tháp tiềm - vọng, có hầm chứa nước làm tăng giảm trọng-lượng mỗi khi cần lặn xuống hay nổi lên. Robert Fulton đã chế tạo một bộ phận đàn hồi, điều khiển bởi áp-xuất không - khí, Nautilus đã chính thức mở đầu kỷ-nguyên cơ giới hóa trong lãnh vực tiềm thủy.



Sự phát minh của người Mỹ (di dân) trên đất Pháp nên có phần lệ thuộc vào quyền quốc-hữu địa phương. Nhất là trong lúc Pháp đang lâm chiến với Anh, một quốc-gia mà lực lượng Hải-Quân đang dần dần thế giới lúc bấy giờ. Những trận hải-chiến bắt thắng lợi nên Pháp không thể giải-quyết được chiến-trường Âu-Châu, mặc dù đại quân Pháp toàn thắng trên bộ. Sự kiện này khiến tướng NAPOLÉON BONAPARTE không thể không trưng dụng Nautilus. Chính hoàng-đế Napoléon Ier đã giúp vốn cho Robert Fulton trang bị một tiềm thủy đỉnh đầy đủ hơn hầu triệt hạ các

chiến hạm Anh đang vây hãm bờ cõi nước Pháp.

Một ngày đẹp trời vào tháng năm năm 1801, tướng Napoléon đến chủ tọa cuộc lễ trình diện của tiềm thủy đỉnh Nautilus trên giòng sông Seine. Trước sự hiện-diện của vị nguyên thủ và hàng vạn dân Pháp đang nô nức chào đón một kỳ công của khoa học ngành tiềm-thủy. Robert Fulton và thủy thủ đoàn phụ tá của ông đều khiến Nautilus từ từ lặn sâu xuống lòng sông thật ngoạn mục. Nautilus lặn sâu được 8 thước và chừng 20 phút, mọi người hồi hộp chờ đợi mãi đến khi cánh cửa biển 3 hải lý Nautilus mới trôi lên với vận tốc 2 knots.

Một cuộc thí-nghiệm khác tại hải-cảng BREST, Robert Fulton và thay thủ đoàn gồm 3 người đã làm cho tướng Napoléon càng tin tưởng nhiều hơn. Ông tuyên bố đã đến lúc đại quâ Pháp trau quyền làm chủ đại dương.

Robert Fulton ra điều kiện 4000 quan Pháp cho mỗi chiến thuyền Anh bị Nautilus đánh đắm. Tuy

nhien, Fulton vẫn nghi ngờ tham vọng của Napoléon, có thể sau khi đánh bại quân Anh Pháp sẽ không dung thứ cho một quốc-gia nào, kể cả Hoa-Kỳ. Hơn nữa trọng lúc ấy bộ Hải-Quân Pháp không tán thành Nautilus hợp tác. Họ cho rằng các hạm đội Pháp đủ sức đương đầu với Hải-Quân Anh :

Đó là lý do khiến Robert Fulton vượt biển Manche qua vùng đất Anh. Nơi đây ông lại được chính phủ Anh nâng đỡ trong kế hoạch tiềm thủy đỉnh. Nhưng Robert Fulton từ chối, ông nghĩ rằng mục đích của người Anh cũng như người Pháp mà thôi :

Trong năm này Robert Fulton trở về nước và ông được quốc-hội Hoa-kỳ trao cho những dự-án phát-triển thương thuyền và tiềm-thủy, chi-phí lên đến 5.000 Mỹ kim. Nhưng Robert Fulton vẫn không chối bỏ ý định đóng một tiềm thủy đỉnh tối tân và rộng lớn hơn Nautilus lấy tên là (MUTE). Chiều dài của tiềm thủy đỉnh MUTE dài gần 30

thước và 5 thước chiều sâu.
Một thành phần thủy thủ đoàn
gồm 90 người. Nhưng... chẳng
bao giờ Mute được hạ thủy vì
Robert Fulton đã qua đời trước
khi Mute được hoàn tất.

★

Ngày nay, khoa học đã tiến bộ
và vượt ra ngoài sức tư tưởng
tượng của con người. Từ những
chiếc tàu ngầm cổ điển ở thế kỷ
XVI đến đệ nhất, đệ nhị thế chiến
và cho đến ngày nay đã được
thay thế bởi những tiềm thủy

định nguyên tử xuyên băng có
tầm hoạt-dộng xa hàng ngàn hải
lý và sức chịu đựng cả hàng mấy
tháng trường dưới lòng biển sâu!
Nhưng dù sao thì những cái
tên Drebbel, Bushnell, Robert
Fulton và Nautilus, Mute vẫn
được người đời sau
ghi nhớ mãi mãi vì đó chính là
những người đã khai nguyên ra
tiềm thủy đình và những chiếc
tàu ngầm đầu tiên trên thế giới
vây.

HỮU-TRỌNG

□□□



● BÍ MẬT NHÀ NGHỀ

Quan tòa : Tờng thì cáo, cửa ngõ đều khóa, chó dữ
liền bực đề trong tủ sắt. Anh làm cách nào mà vào lấy được?

Kẻ trộm : Xin Quan Tòa tha lỗi. Chúng tôi đã trót thề
không bao giờ truyền nghề lại cho ai biết.

Niềm tin

Tôi yêu màu áo chiến
Yêu điệu nhạc quân-hành
Yêu cờ vàng quyết-tiến
Và súng-thép vai anh

★

Với cuộc đời vất-vả
Giải nãg lại dăm sương
Gian-nan anh nào sợ
Ngày đêm bạn bụi đường

★

Những ngày đi hành-quân
Trong rừng sâu hiểm-trở
Chao ôi là cực-khò
Anh nào có ngại-ngần

★

Gặp những lúc màu mưa
Sáng, chiều cũng như trưa
Băng rừng và lội suối
Bùn sơn áo : khổ chưa ?

★

Nhưng anh nào nản-chi
Mệt-nhọc có sợ-gì
Chỉ cầu mong tâm-tri :
Sáng-suốt vạch đường đi...

HOÀI-THI

(Ninh-Hòa : 66)



VUA NAM-CHIẾU

★ THUY DƯƠNG-TỬ

(tiếp theo và hết)

**Đám lưng rồng hại con
mà không hay**

NHƯ đã hẹn, Cao-Biên đến và đưa cho nàng Thiệu-Khôi một lưới gươm nhỏ trên về nhiều đạo bùa chẳng chặt. Cao-Biên bảo nàng bưng lễ vật đi theo lên núi. Đền lưng chừng triền núi khoảng uốn cong cong ra bờ sông nơi tạo ra Hàm Rồng (mà người ta thường gọi là Cửu Khúc Hồi Hoàn chính mạch) Cao-Biên bảo nàng bày lễ vật ra và dặn nàng đọc chú và

đóng lưới gươm này xuống lưng núi, Thiệu-Khôi làm y theo. Khi gươm đóng vừa lút cán nàng hốt hoảng la lên rồi té xỉu xuống vì máu ở dưới phun lên từng vòi thấm quanh cả triền núi. Cao-Biên bỏ mặc nàng nằm đó và chạy như bay xuống bờ sông đầy thuyền và bơi ra giữa Hàm Rồng hoạ bùa đọc chú rồi đưa gươm vàng lên cắm mạnh xuống nước. Thế là giòng nước đang màu xanh đen bỗng chốc biến thành màu máu tràn hết cả lòng sông, Cao-Biên lại phóng mạnh lưới gươm vàng

xuống Hàm Rồng. Thực hiện xong mưu đồ : Trảm Long Trà-Khúc. Cao-Biên quay về Gizo-Châu để đánh Nam-Chiếu.

**Thần Rái báo tin
Nam để mất ngôi**

Đương hăng say đánh giặc bỗng Vua Nam-Chiếu ôm mình đau đớn và truyền lệnh ba quân dừng binh lui về thế thủ. Tất cả tướng sĩ đều ngạc nhiên về hành động của Vua Nam-Chiếu.

Một tướng lãnh thấy vậy liền tâu.

— Thưa Vương đế, trong lúc quân ta đương hăng say giết giặc để như chẻ tre có sao Vương chúa không cho tiến đánh nước Tàu ?

Nam-Chiếu buồn bã nói nhất gừng : «Truyền lui binh» Tất cả tướng sĩ đều im lặng tuân theo không dám hỏi một câu gì nữa.

Liên tiếp một tháng Nam-Chiếu mê man như người mất hồn, bình ăn bếng ngủ, việc binh bị bỏ phế mặc cho ai muốn làm gì thì làm. Tất cả ba quân đều ngạc

niên về cử chỉ kỳ khôi ấy của Vua nên tâm thần của mọi người cũng bấn loạn theo.

Thế rồi một hôm Vua Nam-Chiếu nghe ba quân tâu rằng : Cao-Biên đang cỡi binh mã tiến đánh thành ta xin Vua cho chúng tôi ra nghinh chiến. Nam-Chiếu lắc đầu buồn bã : Vận ta đã mặc rồi, còn gì mà đánh với không :

Những cận thần nghe vậy thất kinh đồng tâu rằng :

— Chẳng hay Bệ hạ nói vậy là có ý nghĩ gì ? Vua Nam-Chiếu nước mắt lưng tòng mà rằng : Liên tiếp mấy hôm nay ta nằm mơ thấy cha ta thành Thần hiện về mà bảo rằng : Mẹ ngươi đã giết nhà ngươi vì nghe lời Cao-Biên đã cắm gươm xuống lưng

REGAST .T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
BAO TỬ. Bảo chế theo
công thức Hòa-Lan

Rồng và chính Cao-Biền đã chém đức Rồng ở giữa dòng sông, ngôi để Vương của người bị mất và nay mai người sẽ bị Cao-Biền chém đầu, ta đau lòng lắm ! Thôi, ta đi đây».

Đúng ba đêm như một lời nói ấy văng vẳng mãi bên tai ta. Ta biết thời ta đã mặc vận rồi ! Thôi các khanh và tướng sĩ cho giải tán binh lính về quê mà làm ăn còn để ta ở lại đây mà chịu chết.

Tất cả nghe Vua Nam - Chiếu nói vậy đều khóc mà rằng :

— Chúng tôi từ ngày theo phò Chúa đến nay sống chết có nhau, Bệ hạ đã từng cứu dân ta ra khỏi cơn binh đao của nhà Đường và thân giang sơn về một mối. Nay Vương sắp bị lâm nạn chúng tôi nở nào bỏ Vương mà đi được sao ? Một lần cuối xin Chúa cho chúng tôi cử binh đánh với Cao-Biền. Nam-Chiếu nghe vậy khóc ròng ròng : Thôi được, ta chấp nhận cho các khanh đánh một trận cuối thắng bại ta không cần biết, chỉ mong một điều là các người nghe ta mà về lại quê quán làm

ăn. Nói rồi Vua tôi lay tạ nhau rồi lui ra. Chỉ còn lại ông đội Hậu (ông Đội này theo phò Vua Nam-Chiếu từ lúc mới khởi sự Vương nghiệp, ông được Vua Nam-Chiếu tin yêu và cho hầu cận bên Ngai nên mới có tên là Đội Hậu). Vua Nam-Chiếu dặn ông rằng : Sau khi ta bị chém nhà người hãy đem đầu ta về quê quán mà chôn, người nên chú ý một điều : Khi mang đầu ta đi, giọt máu thứ ba rơi ở đâu thì phải chôn đầu ta ngay đó». Dặn bảo xong xuôi Nam - Chiếu lên cơn sốt run rẩy nên Đội Hậu và mọi người kiệu Nam-Chiếu vào cung.

Giờ cuối cùng của vua Nam Chiếu

Cao-Biền tiến đánh dữ dội,

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG

ĐAU NHÚT, CẢM CÚM

quân tướng Vua Nam Chiếu thua liền liền tiếp năm sáu trận (sự thật thì Vua Nam-Chiếu chỉ cho đánh một trận thôi rồi giải tán, nhưng không ngờ tướng sĩ quá trung kiên không nỡ bỏ Vua mà đi nên quyết chí đánh đến chết thôi) vì lý do đó mới có sáu trận đánh là vậy.

Cao-Biền bắt được Vua Nam-Chiếu trước khi hành hình Cao-Biền hỏi Nam-Chiếu rằng :

— Trước khi nhà người bị chém đầu, nhà người muốn xin một điều gì không ?

Nam-Chiếu buồn bã nói rằng :

— Thời ta đã mặc vận, nhà người đã phá mạch Đế Vương của ta ! Trước khi chết ta chỉ xin người một điều : là cho người Đội Hậu này đem đầu ta về lại quê hương để mẹ ta được trông thấy. Ta chỉ có bấy nhiêu thôi, nhà người cứ giết đi.

Cao-Biền nghe Nam-Chiếu nói vậy giật mình mà suy nghĩ : Việc ta chém Rồng có ai biết đầu thế mà Nam-Chiếu lại biết, kể ra nó

tài tình thật. Nghĩ vậy, Cao-Biền đồng ý lời xin của Nam-Chiếu.

Giờ hành quyết đã bắt đầu. Đầu Nam-Chiếu rớt xuống lăn long lóc trên bờ cỏ, máu từ cổ phun lên cao thành từng vòi Cao-Biền trông thấy cũng giật mình.

Y lời dặn, Đội Hậu quỳ xuống ôm đầu Vua Nam-Chiếu bỏ vào tầm vải điều rồi lên đường đi ngay.

Trải qua những ngày đêm băng rừng mệt nhọc Đội Hậu vừa đến Cổ-Cò làng Thanh-Quít thuộc phủ Điện-Bàn Quảng-Nam thì giọt máu thứ ba chảy ra ngay đó. Đội Hậu liền đào đất chôn Vua Nam-Chiếu và cho tàn quân dựng Miếu thờ Ngai ngay làng Giáp-Nam Cò Cò (hiện nay Miếu này

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chích PENICILLINE-G

vấn còn) rồi Đới Hầu ở luôn lại đó mà lo nhang đèn hương khói.

Nàng Thiệu-Khôi nghe tin con bị giết mà chết ngất, mới hiểu có sự. Cao-Biên lợi dụng mình để ém huyết Long phát để của con, vô tình nàng giết con mà không biết.

Kể từ đó bên ni giòng sông Trà-Khúc nước vẫn đỏ như màu máu mà theo người hiểu chuyện này đó là máu của Rồng bị Cao-Biên chém đứt.

Mãi cho đến ngày nay sông Trà-Khúc vẫn còn bên trong bên đục, có lẽ vì thời gian quá lâu mà máu đã loãng đi để lại một màu vàng lợt như màu đất.

Cao-Biên thoát chết vì Long mạch tối linh

Từ khi Cao-Biên : Toạ Ấn bình sơn ở núi Chúa Quảng-Nam rồi đến : « Trâm Long Trà Khúc ở Quảng-Ngai. Cao-Biên chưa chỉ bỏ mộng chiếm Long Mạch để làm Vương nên ông ta quay về Giao-Châu mà lấy cuộc đất : Phụng Hoàng Ấp Noãn (Phụng-Hoàng ếp trứng). Cuộc đất này nếu tăng

xác chết vào trong đó thì sau một trăm ngày sẽ hồi sinh và trường sanh bất lão. Đợi đời làm đệ Vương, danh vang bốn bể.

Cao-Biên liền tìm một bà cụ già ở một mình gần huyết Phụng-Hoàng ấp trứng cho tiền bạc và dặn rằng. Cụ hãy thắp đèn tối một trăm nén hương cho đúng một trăm ngày nơi này rồi hãy gọi tôi thức dậy lấy nước. Nói rồi Cao-Biên chui xuống huyết ấy lấp đất lại.

Mệnh trời muốn làm Vương đâu có dễ mặc dầu tìm thấy Long huyết phát để nên sử Cao-Biên quên yếm thần đất mà lại ngang xương chiếm đất khai để. Không hiểu vì lý do gì bà cụ lấy mắt ba thê nhan đề cúng ông bà chỉ còn chín mươi bảy thê mà thôi.

Khi thắp xong hết nhan bà cụ liền ra mà gọi lớn rằng :

— «Cao-Biên, Cao-Biên ta đã thắp đủ một trăm ngày rồi dậy mà lấy nước». Cao-Biên ngờ gác ngời dậy ra mặt đất mới được chín mươi bảy ngày nên Cao -

Biên không làm được việc gì cả, người cứ bản run lên như thừng lẳng đứt đuôi.

Cao-Biên biết là vận trời không cho, thất vọng mà ra về tự nghĩ rằng : Hai lần đã chiếm huyết làm Vương là hai lần suýt bỏ mạng nên không dám mơ tưởng lấy đất Giao - Châu để làm đế nữa. Không làm đế được thì phải phá, phải triệt đất cả mạch để nước Nam không ngóc đầu lên được rồi Cao - Biên viết sớ vàတွှng thuật đầy đủ địa lý Long mạch phương Nam về vua Đường định đoạt.

«Từ núi Côn-luân miền Tây-Tạng sang qua Đông phương có hai ngã : Một ngã qua nội địa Trung-Hoa chạy dài đến Mông-Cổ Mãng-Châu rồi qua Cao - Ly Nhật-Bản. Một ngã tiếng xuống miền Nam qua Khu Vân Nam vào Giao-Châu. Sông Hồng-Hà nhỏ bắt trong hai con sông Dương - Tử và Cửu - Long giang làm đường dẫn mạch chính vào phương Nam tạo nhiều Long mạch. Trung-Hoa không những thần tính được Việt - Nam mà ngược lại một ngày kia dân Giao-Châu lấy luôn Trung-Quốc. Địa-

lý Việt - Nam còn quý hơn ở Mông-Cổ và Mãn - Châu nhiều lắm ! «Giao-Châu hữu chi địa, Đại la Thành tối hùng. Tam giang dẫn hậu mạch, Song Ngu Trí tiền phong. Tảo Sơn cư càn vi, Đào Sơn cư cấn cung, Thiên phong hồi Bạch Hổ, Nội khí tối dương sinh. Tô-Giang chiêu hậu hữu, Nùng Sơn cư chính Trung, Chúng tinh giai cũng bắt vận thủy hấp triều Đông, nhưng năng cư thử địa, ức niên bão tạo bang».

Có nghĩa là : Giao - Châu về bên phải thành Đại - La có ngôi đất hùng lâm ba con sông dẫn mạch ở đằng sau đến hai núi hình con cá chầu trước mặt. Núi Tân-Viên ở cung Kiền, núi Tam Đào đóng cung Cấn Tay Hổ, tay Long nghìn con châu quanh. Địa thế bên ngoài Cực - xa, thế trong rất

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM * NGON * NGỌT

hẹp, giong sông Tô - Lịch lượn
dạng sau núi Nùng ở chính giữa,
nhiều gò đất hình ngôi sao phía
Bắc, ngọn nước chảy về phía
Đông. Nếu ở được ngôi đất này
thì nghìn muên đời đền vững,
ngài vàng không mất.

Và Long mạch thứ hai ở làng
Cổ-Bi Gia - Lâm thì Cao - Biền
chép rằng :

«Nhược luận trung chi địa. Cổ-
Bi hình tối cường. Thiên Đức
Bắc dẫn mạch, Ba đường Nam
tụ đường, Hữu Bi hội Long
mạch Hồ Thủy nhiều điệp cương.
Ngũ Hồ tiện án tính. Tam đảo
hậu cung ngang, Bách Thần giai
cũng phục. Vạn quốc hiệu thê
hàng thứ thị trung chi địa, cư chi
vạn thế xương».

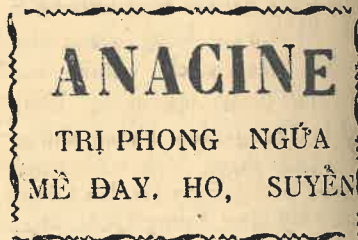
Có nghĩa là : « Ở Trung-Châu
đất Cổ-Bi mạnh vô cùng sông
Thiên-Đức dẫn mạch từ Bắc lại,
Đầm Ba-Đình tụ thủy trước mặt,
mạch Long ở vũng nước nơi chên
chéch, Hồ thủy bao quanh Gò
Đông, mặt trái ngũ Hồ đứng áng
trước, Tam đảo ở đằng sau. Trăm
thần đều qui hàng, vạn nước tới

nuông nhờ. Thật là ngôi đất hiếm
có, muôn đời phát đế ».

Thật ra đất nước Việt-Nam rất
nhiều Long mạch tối linh nên Cao-
Biền chỉ ém được một phần nào
thôi. Tuy vậy, cũng làm suy giảm
đi sự hưng thịnh của đời Việt
không phải là ít.

Nay thuật lại chuyện Vua Nam-
Chiếu để chúng ta cùng thấy rõ sự
quan trọng của Địa-lý. Đồng thời
cũng nhắc lại một trang sử, đã sử
hay huyền sử nhưng đó là kho
tàng quý báu của tinh thần Văn-
Hoá Việt. Và đồng thời cũng nêu
lên một câu hỏi với những nhà
viết sử :

Vì sao không ghi chuyện Vua
Nam-Chiếu trong sử sách, mà lại
cho là giấc Nam-Chiếu ?



NGUYỄN - HỮU - CẢNH

(1650-1700)

(tiếp theo và hết)

Mùa xuân tháng 3 năm ấy,
bộ đội Trần thượng Xuyên làm
Tiên-phương tiến sát thành Nam
Vang. Để trợ-lực cho tinh-thần
chiến đấu của binh sĩ. Nguyễn-
hữu Cảnh mặc đồ nhung phục đứng
trước đầu thuyền đích thân đốc
suất quân-sĩ cấp chiến. Nặc ông
Thu trông thấy khiếp vía bỏ chạy.
Nặc ông Yêm con của Nặc ông
Đôn và bầy tôi là Tham Địch ra
hàng.

Nguyễn hữu Cảnh vào thành
Đỗ an dân chúng và nhờ lòng
khoan dung của ông mà tháng
sau (tháng 4) Nặc ông Thu
cũng về xin hàng.

Nguyễn hữu Cảnh bảo Nặc
ông Thu về thành La-Bích chiêu-
tập an dân, tự hậu chằng nên
phần phúc.

Đẹp xong Cao Mên, Nguyễn
hữu Cảnh từ Mộc Bài (?) kéo
quân về Chăng-Cà-Nà (1) thuộc

(1) tên 1 con rạch thông với sông
ông Chưởng thuộc xã kiều An,
quận chợ mới ngày nay. Xưa
kia chỗ này có cất dinh thờ
thần Nguyễn hữu Cảnh. Nhưng
vì đất sụp lở nên dời chỗ khác
cách địa phận trên lối 1000 mét.
Và được dân làng đặt tên là

→

Cù lao Tiêu Mộc (tức cù lao Ông-Chường ngày nay) đề khao binh thắng trận và đồng thời sai người báo-tiếp về triều.

Trong lúc đóng quân ở Cù lao Tiêu mộc để chờ lệnh chúa, thì vào một đêm bỗng nhiên có mưa to, gió lớn hình như báo trước một điều gì không may. Đêm ấy, Nguyễn hữu Cảnh nằm mộng thấy thần nhân bảo rằng : «Tướng quân nên sớm kéo về, nếu ở lâu c bất lợi» (Thần nhân cáo viết : Tướng quân nghi tảo hồi viên, cứu nguy bất lợi).

Nguyễn hữu Cảnh nói : Định mạng của con người là bởi trời, há có phải tại đất này đâu». (Hữu Cảnh tiêu viết : mạng nãi tại thiên, khởi tại thử địa dã !) rồi giật mình thức dậy, cảm thấy thân thể mệt mỏi bất an. Sáng hôm sau có quân vào báo cho biết gò đất trước mồm vì lao gọi là lao đôi (1) bị sụp mất.

Hai việc cùng xảy ra một lúc,

quả là điềm bất tường song Nguyễn hữu Cảnh vẫn cương quyết và tin tưởng ở thiên số nên vẫn dừng binh nơi này.

Nhân Tết Đoan ngọ, năm Nhâm Thìn, Mặc dầu bệnh chưa thuyên giảm song Nguyễn hữu

Dinh Ông. Dinh Ông (xem hình kèm theo) ngày nay rất được dân chúng trong làng kính trọng và sùng bái vì rất linh hiển. Bởi thế người ta vẫn truyền tụng câu :

Em ơi tôi xép chằng cả
Nhờ mua vàng bạc rượu và
cúng Ông
(lời người chồng dặn vợ khi ghe gần tới dinh Ông)

(1) Liệt truyện ghi là núi lau đôi.

Nhưng ở địa phương này xưa nay không có núi non chỉ cả theo chúng tôi nghĩ lau đôi là gò (đôi gò đất) đất cao có nhiều cây lau mọc. Hiện nay, vùng này lau sậy vẫn mọc san sát.

Cảnh vẫn gắng gượng cùng các tướng tá hội âm liên hoan. Đang khi trò chuyện, thành linh mưa ra một cục máu ông bèn lấy tay áo che lại, không cho ai biết để an lòng binh sĩ.

Đến khi biết mình không thể nào thoát khỏi số trời ông bèn than rằng : «Ta cũng muốn nối thừa tiên chí, ngật nhưn lực vị tham, thiên ý hữu định». Nói xong có ý mê man... Lương y tới chữa giầy lâu mới tỉnh. Đoạn Nguyễn hữu Cảnh truyền lệnh, giục binh trở về. Khi tới rạch gằm (1) ông bệnh ngật mà mất vào ngày mồng 2 tháng 5 năm 1700. Hưởng thọ 51 tuổi.

Nghe tin chằng lành này, chúa Hiền-Ông lấy làm thương tiếc cho một trung thần hết lòng vì nước mà chằng may bị đoán số nên ban cho ông chức *Hiệp tán công thần, Đặc tấn chưởng dinh thủy là Trung Cẩn* và ban cho vàng lụa tâu liệm rồi cho đưa linh cữu về cù

lao Phố (2) thôn Bình hoàn, huyện Phước Chánh thuộc Trấn (tức ấp Bình kính, xã Hiệp-Hòa, tỉnh Biên hòa ngày nay) mà hậu táng.

Năm 1737, đời chúa Tác-Tông (Nguyễn phước Trú) có trung cấp cho dân số ngụ lộc 50 người.

Năm Nhâm-tuất 1802, truy cấp cho 5 người từ phu, mỗi năm chi tiền công khổ 10 quan để sắm lễ cúng tế.

Năm Ất sửu Gia long thứ 4 (1805) truy tặng cho ông phẩm hàm : *Tuyên lực công thần đặc tấn phụ quốc thượng tướng quân, cầm y vệ Đô*

(1) Nay thuộc Vĩnh Kim, quận sầm giang tỉnh Định trường.

(2) Hiện tại nơi này còn lưu giữ 1 đôi giầy và áo mào của Nguyễn hữu Cảnh.

Theo Lương văn Lưu đăng trong nhật báo Dân-y).

chỉ huy sử ty. Đó chỉ huy sử, Đô đốc chương phủ sự phó tướng chương cơ : được biệt vào hạng công thần thượng đẳng tòng tự nơi Thái miếu. Con cháu nối đời được một người tập ấm làm Đội trưởng để phụng tự, lại cấp cho 15 mẫu ruộng và người mộ phu (1).

Việc này có ghi rõ ràng trong gia phả của ông Nguyễn hữu Thuyên, cháu nội Nguyễn hữu Cảnh như sau :

«Năm Gia-long thứ 4 (1806), ngày mồng 2 tháng 10 chiều chỉ rằng : «Nguyễn hữu Hiệp, quán thuộc Quý-hương (Thanh-hóa) tiên-tâ nhà người là Chương cơ Lễ Tài-Hầu, sẵn có tài năng, sanh trưởng trong nước, dòng dõi làm tướng, có danh tiếng đời đem binh đến Đông phố dẹp loạn, quân Mọi sợ hãi thất hồn, xông pha hiểm trở, ruổi ngựa qua tới Nam-vang, cam tâm liều chết, xứng đáng bậc chỉ huy, những kẻ dưới quyền đều là danh tướng

cả : đã từng khó nhọc, định yên nước nhà lập nyn công nghiệp lớn lao, đương thời người ta cảm nhớ ơn đức, lập miếu thờ tự ngàn năm, nhưng gặp cơn ly loạn, hương khói lững lơ. Nay ta nghĩ đến công lao người trước, chuẩn y lời cộng đồng đề nghị, đem vào hàng đệ nhất khai quốc công thần tòng tự thái miếu, chuẩn cho con cháu (chánh phái) một người được thế tập Đội-trưởng, cấp sai phu và tự điền đê được phụng sự.

Vậy chuẩn cho Nguyễn hữu Hiệp tập Đội-trưởng Hiệp Tài Hầu giám thủ việc tế tự cho Chương cơ Lễ Tài Hầu. (2)

Năm Canh ngọ, Gia long thứ 9 (1810) Nguyễn hữu Cảnh được liệt vào miếu Khai quốc Công thần.

(1) Theo Đại Nam liệt truyện tiền biên do Nguyễn Tạo dịch đăng trong văn hóa nguyệt san số 47 tháng 12 (1959 trang 1651).

(2) Nguyễn Thúc — Thơ nôm trang 27-28.

Năm Tân Mão. Minh Mạng thứ 12 (1831) ông lại được truy tặng Khai quốc công thần. Tráng võ tướng quân, Thần cơ Dinh Đô thống cải thụ là Tráng Hoan, phong Vĩnh An hầu, tòng tự như cũ (nơi Thái-miếu) (1).

Năm Tân hợi. Tự Đức thứ (1851) tháng 11 ngày 29, sắc phong Nguyễn hữu Cảnh làm «Thống suất lễ thành phủ quân tôn thần nguyên tểng Thác Cảnh Uy viễn chiêu ứng thành cảm hiển linh Thượng đẳng thần giữ nước cứu dân... Nay nhớ công lao tểng phong. Thác cảnh Uy viễn chiêu ứng thành cảm hiển linh trác vĩ thượng đẳng thần. Chuẩn cho huyện Đông xuyên, làng kiến thanh, y lệ cũ thờ phượng để thần cùng giúp đỡ và bảo vệ lê dân» (2)

Để ghi nhớ ơn dày đức cả của ông. Việt kiều ở Nam vang và dân chúng ở Châu Đốc, Long Xuyên, Định Tường, Biên

Hòa... có lập miếu thờ phượng, hằng năm cúng tế linh đình (3)

(1) Theo Đại Nam liệt truyện tiền biên — Nguyễn Tạo dịch đăng trong văn hóa nguyệt san số 27 tháng 12 năm 1959 trang 1651.

(2) Nguyễn văn bản sắc thần ở Long Kiến, quận Chợ Mới :

«Sắc thống xuất Lễ thành phủ quân tôn thần. Nguyên tểng Thác Cảnh Uy viễn chiêu ứng thành cảm hiển linh. Thượng đẳng thần hộ quốc ti dân niệm trít linh ứng từ kim phủ ứng. Cảnh miển niệm thần phủ khả gia tểng Thác Cảnh Uy viễn chiêu ứng thành cảm hiển linh trác vĩ thượng đẳng thần. chuẩn Đông xuyên xuyên luyên, kiến thanh thôn y lệ cũ phụng sự thần kỳ tướng hữu bảo ngã lê dân. Khâm tai !

Tự đức ngữ viên, thập nhưt nguyệt, nhị thập cửa nhật»

(Tài liệu này do ông Võ tuần Đức người sở tại đã ghi lại



Mấy mươi năm trước đây ông Nguyễn liên phong tác giả quyền «*Điều cô hạ kim thi tập*» cũng có đôi liên và một bài thơ ai điều sau đây :

«*Đẹp Chiêm Thành, sắp đặt Cao man, làm tướng, làm tướng, làm thần, vinh sống thác Dân Ngũ Quảng, mỡ mang Lục lĩnh, dày công dày đức, tạc non sông*» (4)

Thi rằng :

*Từ ngày vưng lệnh Trần bình
Khương
Bờ cõi mở thêm mấy dặm
trường
Vùn quét cội nển noi tỏ
phụ
Giải dầu tên đạn giúp quân
vương
Chúo Mên vừa nép bên màng
hỗ
Sao tướng liền sa giữa giọt
Trương
Hương khói bốn nơi đều hiển
hách*

*Trải bao lâu biển móc mùi
sương* (5)

nhân dịp sao lại sắc thần).

(3) Riêng tại tỉnh An giang có đến 4 chỗ thờ Nguyễn hữu Cảnh.

— Một tại Vàm sao, ấp An thị, xã An Thạnh trung ghi là *Dinh quan chưởng lễ*.

— Một tại rạch Chưà Đùng, ảo Long Định, xã Long kiến, ghi là : *Chưởng binh Lễ thành hầu*. Tại đây hiện nay còn giữ một tờ sắc chỉ truy tặng Lễ thành hầu Nguyễn hữu Cảnh của vua Tự Đức.

— Một tại ấp Phú hạ, xã kiến an, ghi là : *Dinh Ông*. Ở đây có sắc chỉ truy tặng của vua Bảo Đại.

— Một chỗ tại ấp thị, xã Long điền ghi là *Dinh chưởng binh Lễ thành hầu* :

— (4) Hai câu đối này được ghi trong đền thờ *Dinh Ông* ở Kiến An.

→

Và Thượng-Tâm thị lúc còn dạy học ở Lục tỉnh, cũng có làm bài thơ tưởng niệm :

*Noi dấu tôi công tự thuở
giờ
Cù lao ông Chưởng đò tro
tro
Xanh um mấy cụm bần theo
bãi
Trắng xóa đôi bên sóng phủ
bờ
Người chết nhang đèn chong
vẫn tỏ*

*Tên còn tre lụa nét không
mờ
Nghìn Thu trở xuống nhiều
ân sót
Châu đốc Nam vang có miếu
thờ.
Thượng-Tân-Thị
NGUYỄN-TÂM-THANH
suu tầm.*

(1) Bài thơ này có ghi lại ở đền thờ Nguyễn hữu Cảnh tại Châu đốc nhưng không đề tên tác giả là ai.



● Chữa bệnh.

Bác sĩ : Ông có đủ tiền trả không, nếu tôi bảo là bệnh ông cần phải chữa gấp ?

Bệnh nhân : Ông thấy có cần phải chữa gấp không nếu tôi không có đủ tiền trả ông ?

CHÚNG TÔI THƯƠNG XÁC VỚI NHÀ VĂN SAO BIÊN
VỀ NHÂN VẬT HÀN-TÍN

HÀN-TÍN có phải là

« một thằng vô liêm sỉ không ? »

● ĐÔNG-TÙNG

(Tiếp theo P.T 245)

KHI tới Nam-Chính là một thị trấn của Bảo-Trung đã thuộc chánh quyền Lưu-Bang trong lâu nay.

Thoạt kỳ thủy họ Hàn với một nha môn, nơi này gọi là chiêu hiền quán, do Bằng Công và Hạ-Hậu-Anh phụ trách. Họ Hàn bụng bác dạ:

— Phút đầu tiên mà mình đã vội đem giấy giới thiệu của Trương-Lương ra, như vậy là chính mình đã làm tổn thương tới giá trị mình.

Cho nên việc trước nhất là, mình phải là cho họ biết mình là một người như thế nào đã.

Nghĩ như vậy rồi họ Hàn biến tên họ, quán chỉ nộp vào nha môn, xin yết kiến Đăng-Sông.

Sau khi đọc mấy giòng chữ của họ Hàn, Đăng-Công cho người mời vào nhà hỏi:

— Ngài đang phò Sở, sao lại tới đây?

— Hạng-Vũ là một người dũng nhi vô mưu, lại không tri nhân, cho nên không dùng được

người. Vậy vấn đề khừ ám tự mình, xuất cốc thiên kiều là một sự dĩ nhiên như Ngài đã từng thấy trong lịch sử.

Đăng Công hỏi tiếp:

— Đường San-Đạo đã bị đốt phá, núi non hiểm trở Ngài làm sao mà tới đây được?

Họ Hàn trả lời như không cần suy nghĩ:

— Đường đi không khó vì ngăn sông cách núi mà chỉ khó vì lòng người ngại núi e sông, núi non hiểm trở trùng trùng điệp điệp tới đâu cũng không cần nổi chí hướng con người, những con người quyết tâm chí hướng.

Đăng-Công lại hỏi tiếp:

— Ngài đã xem kỹ những tiêu chuẩn của chúa thượng chúng tôi đã được niêm yết trước cửa chưa?

— Thưa đã, Hàn-Tín trả lời:

— Theo 13 tiêu chuẩn ấy, Ngài giỏi về tiêu chuẩn nào?

Họ Hàn trả lời tiếp Khẩu:

— 13 tiêu chuẩn ấy vẫn chưa đủ.

Đăng Công ngạc nhiên hỏi lại:

— Còn thiếu tiêu chuẩn nào nữa theo ý Ngài?

— Còn thiếu một tiêu chuẩn, đó là: « Văn võ toàn tài, ra trận làm tướng võ, về triều làm Tướng Văn, đủ Đức tài, làm phá Sở nguyên nhung, nếu chúa thượng có ý muốn dùng tôi, xin cho thêm vào tiêu chuẩn ấy... »

Đăng Công khi nghe tới danh từ Phá-Sở nguyên nhung, một danh từ chỉ có Lưu-Bang và Trương biết tới, nay được nghe từ cửa miệng một ông khác mới tới, Đăng-Công giật nảy người, vội vàng mời Ti nan tọa rồi hỏi:

— Bấy lâu nay nghe tiếng Ngài, nay mới hân hạnh được gặp, quả thật là lời đồn không sai. Ngài tới đây không những cho hồng phước chúa công mà thôi mà còn là cứu tinh của cả thiên hạ.

Hai Tin khiêm nhường đáp:

— Đại nhân đã có nhã ý như vậy, thì tôi mới dám thổ lộ làm tinh.

Thưa ngài, đời này làm tướng, chỉ biết học thuộc kinh pháp mà không biết linh động xử dụng. Như vậy dù có học thuộc lâu Tôn - Ngô, Lục - Thao Tam lược cũng vô ích, làm tướng hơn thua nhau ở chỗ biết áp dụng binh pháp hay không, còn học cho nhớ sách, thì kẻ tầm thường cho mấy cũng học được.

Đặng-Công hỏi :

— Thế nào là một vị tướng biết áp dụng binh thư, binh pháp ?

— Tin đáp :

— Tôi xin đơn xử việc này : Vua ở nước Tống có một người có một phương thuốc gia-truyền, cực kỳ linh diệu trong khoa chữa bệnh rét công tay. Nhà anh ta ở gần sông, làm nghề thợ giặt, dù trời lạnh tới đâu anh cũng không sợ, nhờ đó lấy nghề thợ giặt làm nghề sinh nhai, cha truyền con nối. Một hôm có một người khách ở nước Ngô mang một trăm nén vàng đến mua phương thuốc ấy. Anh ta suy hơn độ thiệt, rồi nói với vợ con : Làm nghề thợ giặt chẳng qua chạy gạo hàng ngày,

chi bằng ta bán quách phương thuốc cho người thì ta sẽ trở nên phú hữu có phải hơn không ?

Người khách mua được phương thuốc thần hiệu ấy mang về bên Ngô. Gặp lúc Ngô-Việt — đánh nhau, trời rét đông nước, quân Ngô công tay không cầm vũ khí được. Người khách đem phương thuốc ấy vào yết kiến vua Ngô rồi phương thuốc được thi dụng. Khi thuốc được thoa vào tay, binh sĩ không ai còn công tay nữa. tung grom đánh cho quân Việt đại bại. Ấy vậy, cùng một thứ thuốc mà nước Tống chỉ dùng làm nghề thợ giặt, trái lại người nước Ngô dùng để đánh giặc cứu dân.

Đặng Công nghe xong nói :

Hiền sĩ quả là một nhân tài, tại sao Sở bá Vương lại không biết dùng ?

— Thưa Đại nhân câu chuyện Bách-Lý-Hề ở Ngô và sang Tần còn nằm trong lịch-sử.

Sau buổi tọa đàm này rồi, Đặng - Công đưa Hàn - Tin tới thăm Tiều - Hà. Sau bao nhiêu

ngày luận bàn thế sự, quốc kế quân cơ, Tiều - Hà hoàn toàn bị Tin chinh phục. Sau đó cả hai người cùng đi với Tin yết kiến Lưu-Bang, đồng thanh tiến cử Hàn - Tin giữ chức «Phá Sở Nguyên Nhung», nhưng :

Lưu - Bang vẫn là người biết nổi Hàn - Tin.

Chắc sẽ có người thắc mắc hỏi lại chúng tôi rằng : Lưu - Bang là một người tri nhân thiện nhiệm, tại sao chúng tôi lại bảo Lưu-Bang không biết nổi Hàn - Tin ? Tại sao lại dùng được họ Hàn làm đại tướng.

Thắc mắc như vậy, không phải là không có lý, nhưng đó mới là cái lý của cái quả, mà chưa xét tới cái nhân.

Mở đầu bộ Tiền Hán Thư, tác giả Ban-Cổ viết : «Đề hoát đạt đại độ, hiếu mưu năng thịnh, tri nhân thiện-nhiệm, ngũ tài nhi thành để nghiệp, tuy nhật bất hạ cấp, quy mô hoành viện mỹ» (vua chỉ Lưu-Bang) là một người thông suốt, rộng lượng bao dung, ham mưu lược, biết nghe lời, khéo dùng người, chỉ có 5 năm xây dựng được đế

nghiệp tuy trong một thời gian ngắn ngủi, đã tạo thành một quy mô rộng lớn).

Trước hết chúng tôi không đồng ý với Ban-Cổ khi cho rằng Lưu-Bang là một người hoát đạt đại độ. Thiệt ra Lưu-Bang chỉ là một người hẹp hòi nghi kỵ, nếu không muốn nói là một tên chúa phong kiến tàn nhẫn, đê tiện.

Chứng cứ là sau khi công thành sự tất, đang tay bỏ tù Tướng quốc Tiều-Hà, Tru di tam tộc Hàn-Tin, bỏ ra hàng ngàn nén vàng treo giải thưởng cho ai bắt được Anh-Bổ, đến nổi mưu thần Trương-Tử-Phòng vì minh triết bảo thân, cấp lưu dung thoát, nên đã giả thác kế đi tu tiên để tránh cái chết và nhục. Một con người như Lưu-Bang mà bảo là đại độ được thì quả là đời trắng thay đen. chỉ hưu ra ngựa.

Có kẻ so sánh cái chết của Hàn Tin, ở tử của Tiều-Hà cũng oan khiên như cái chết của Úc-Trai Nguyễn-Hà ở Việt-Nam. So sánh như vậy không đúng. Vì Úc-Trai Nguyễn-Trải, vua Lê

tới ngũ nhà bị trúng ác phong mà chết, rồi bọn quyền thần nhân cơ hội buộc cho ông cái tội giết vua để tranh vị địa vị và ảnh hưởng. Vậy cái chết của công thần Nguyễn-Trải, chỉ là một vết nhơ chung trong chế độ phong kiến, riêng nhà Lê không hoàn toàn chịu trách nhiệm trước lịch-sử, nếu có cũng chỉ là một phần nào thôi. Còn cái chết của Hàn-Tin thì không còn biết đổ cho ai được hết. Cái đầu giả của Lưu-Bang là dùng bàn tay vợ (Lã-Mậ) để giết kẻ đã có đại công với mình.

Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với ông Hồ-Tri-Đường, một nhà phê bình lịch-sử Trung-Hoa, khi ông bình luận về đoạn Lưu-Bang tru di Hàn-Tin, bỏ tù Tiêu-Hà, tằm nã Anh-Bổ ông viết :

«Rõng đất chó rom, người ta chỉ kính trọng trước giờ chúa cúng người ta cũng sẵn sàng vất đi sau khi tổ rồi (Thỏ long sô cầu trọng ư vị đảo chi sơ, nhi tiện ư kỷ đảo chi hậu).

Đại-ý Hồ-Tri-Đường cho rằng : Lưu-Bang chỉ quý trọng Trương-Lương, Tiêu - Hà Hàn - Tin khi

đại cuộc tru Tần diệt Hạng của ông chưa thành và cũng sẵn sàng phụ bạc bỏ tù và giết sau khi ông đã thống nhất thiên hạ. Nói đúng danh từ thời đại, chanh vắt hết nước thì sẵn sàng vắt xác đi.

Bảo rằng Lưu-Bang là một người tri - nhân, nhưng trường hợp Hàn - Tin là nhờ cái biết nghe lời (năng thích của ông.

Sau đây là những chứng liệu :

Sau khi Tiêu-Hà và Đổng công biết được Hàn - Tin không phải là tay tầm thường, cả hai cùng lên bệ kiến Lưu - Bang xin đại dụng Hàn - Tin, rồi cũng thế, một, hai, ba bốn cho tới hàng chục lần Lưu-Bang cũng vẫn cử giở cái giọng như Hạng-Vũ nói với Phạm-Tăng khi cực lực tiến cử Hàn-Tin cho họ Hạng, nghĩa là họ Lưu cũng nói : Hàn - Tin là một kẻ bất tài, bất lực, vô dụng đi cầu ăn xin và lừa hàng. Thậm chí có lần Trương quốc Tiêu-Hà cùng với Đổng Công cả hai xin lấy thủ cấp mình làm vật bảo đảm, nếu Hàn-Tin làm không nên chuyện, nhưng cuối cùng Lưu - Bang cũng chỉ dùng

Hàn - Tin vào chức vụ coi kho vẫn không có gì khác với Hạng-Vũ dùng Hàn - Tin làm cai lĩnh gác cả. Cuối cùng Hàn-Tin cũng bỏ họ Lưu đi. Nếu không có Tiêu-Hà và Đổng-Công cõng ngựa chạy theo níu trở lại thì Hàn - Tin cũng lại một lần nữa bỏ Lưu-Bang đi như Hạng - Vũ đi lần trước. Nhưng sao hết số dĩ Lưu-Bang dùng được Hàn - Tin là nhờ sự giới thiệu của Trương-Lương qua bức giác thư. Vì những bằng chứng cụ thể trên cho nên chúng tôi mới dám quả quyết nói rằng ở trường hợp Hàn-Tin, thì Lưu - Bang cũng là người bất tri nhân, bất tri, bất tri nhân, nhưng cuối vẫn dùng được Hàn-Tin, ngoài những yếu tố khác, đã giúp ông thì yếu - tố «năng thích» của ông ta cũng cần phải kể tới cho hợp lẽ công bình.

Nói về Hàn-Tin sau khi được Lưu-Bang trọng dụng làm đại tướng với chức vụ phá Sở Nguyên nhung, Trong khi họ Hàn-Tin cũng Lưu-Bang đang tu luyện binh mã, mua sắm khí giới, tích trữ lương thảo thì được tin từ ngoài Trung Nguyên

cho hay là Hạng-Vũ bỏ thủ đô Hàm-duong, thiên đô về Bành-thành là một điều hết sức thất sách mà Phạm-Tăng đã bao nhiêu lần khỏ gián, nhưng Hạng-Vũ vẫn cứ không nghe. Cơ hội tốt đã đến, Hàn-Tin bèn mật tấu với Lưu-Bang, phong Phàn Khoái làm tổng giám đốc công binh đem quân đi tu bổ Sơn-Đạo.

Trong công tác nào họ Hàn có hai dụng ý :

1.— Rêu rao tu bổ lại Sơn-Đạo cốt để đánh lạc hướng Hạng-Vũ hiểu lầm, đường Sơn-Đạo cốt để đánh lạc hướng Hạng-Vũ hiểu lầm, đường Sơn-Đạo dài 300 cây số, có hàng nghìn chiếc cầu đã bị đốt phá, tu bổ xong cũng phải hàng mấy năm, Hạng-Vũ sẽ yên tâm như vậy rồi không còn lo ngại là quân Hàn có thể ra Trung-Nguyên bằng một con đường tắt nào khác.

2.— Bố trí kế hoạch cho Phàn-Khoái, cho mật số cán bộ nội tuyến đi sâu vào hàng ngũ quân đội Sở bằng cách trang tác những người đàn phu bị bắt đi đắp đường, Bắc cầu, bị Phàn-Khoái đánh đập hành hạ, bỏ

trốn ra Bành-Thành, đầu hàng quân Sở. Quả nhiên Hạng-Vũ trúng kế, rồi số cán bộ đó nằm lỳ trong hàng ngũ quân Sở cho mãi tới khi Hạng-vũ chết, Lư-Bang thống nhất thiên hạ, họ mới hoàn tất nhiệm vụ, trở về với Hán. Chiến thuật đi sâu và nằm lỳ của Hàn-Tin kể trên tới nay đã gần hai ngàn năm, nhưng người ta vẫn thấy rất mới như cận và hiện đại.

Ví dụ : Đại chiến thứ hai, có những cán bộ gián điệp của Nga Cộng đi sâu vào quân đội Đức Quốc xã Hit-Le, cứ nằm lỳ mãi cho tới khi Đức, Ý, Nhật đầu hàng mới trở về Nga, cũng như gián điệp của Trung Cộng có một số còn đi theo họ Tưởng ra Đài-Loan, cho tới nay vẫn còn nằm lỳ ngoài ấy.

Một tay mạng tướng đầy mưu lược như vậy, cho nên người ta không lạ khi thấy ông xuất quân ra khỏi Bao-Trung đánh Sở, tới đâu như nơi đó không người : Lược định Tam - Tần, bắt Chương - Hàm, đánh tan nước triệu, nước Yên, chém Long Thã, đánh chiếm nước Tề v.v... Trong

khi đó Trương-Lương và Lư - Bạng kéo quân đi sau, nhận tin chiến thắng từ các mặt trận do Tin gửi về.

Hạ xong Tề quốc, ông hoàn thành một Võ Công vĩ đại nhất, nhưng cũng từ khi hạ xong Tề - Quốc, đời Tần bắc đầu bước vào một khúc ngoặt. Khúc ngoặt ấy, nếu ông biết sớm nghe lời nhà tri cơ minh - triết, Khoái - Triệt, thì người thống nhất thiên hạ sau Tần, không phải Hạng - Vũ, cũng không phải là Lư - Bạng mà chính là ông.

Nhưng rồi vì những yếu tố nội tâm, những hoàn cảnh phức tạp Xã-hội buộc ông thành một người dăm nghĩ mà không dăm làm, để rồi phải chết chém trong tay một người đàn bà - nữ kẻ tác quái là Lã-Hậu - vợ Lư - Bạng.

Sau đây những chứng liệu :

Tây Hán hồi thứ 71 viết : «... bình định xong nước Tề, Hàn-Tin chuyển quân về lâm tri, kinh đô nước Tề. Nơi đây cung điện nguy nga, phong cảnh thiên nhiên tuyệt mỹ, Hàn-Tin rất thích ý.

Khoái-Triệt có lẽ là người biết rõ tài ba của Hàn-Tin và cái đa nghi, đố kỵ của con người Lư-Bạng nhất, nên ông mới bàn nhỏ với họ Hàn.

•Đất Tề phong phú, Đông có Lang-gia, Tây có Trọc - hà, bốn bề kiên cố, đây đúng là nơi đất đứng đề tiến tới thiên hạ. Căn cứ vào hiện tình thiên hạ mà bàn : thống nhất thiên hạ không phải là Hạng - Vũ, cũng không

phải nữa là Lư-Bang mà chính là ngài. Vì trước tâm con mắt của người thời đại, thì Hạng - Vũ và Lư - Bạng thì bóng dáng đã lu mờ trước những võ công vô cùng bách trạc của ngài.

Vậy - theo thiên kiến của tôi, việc trước nhất ngài nên sơ về cho Hán-Vương, xin giữ lấy ấn tin nước Tề để bình định đầu ra đấy rồi sẽ hay.

(Còn nữa)

Da đen Làm Sao Trắng

Thí dụ : Những dân tộc ở Bắc Phi, họ là những dân tộc da màu (đen) thì không làm sao cho trắng được.

Riêng dân tộc Việt Nam, vốn là dân tộc da vàng. Tuy nhiên, có những người vì phải xê dịch nhiều hoặc vì quá lam lũ làm ăn bị ánh nắng mặt trời thiêu đốt nên màu da đen sạm. Trường hợp này làm cho hết đen được, bằng cách : tuyệt đối ở trong mát 1 tháng, năng tắm và kỳ rửa mặt bằng khăn nhám.

Ở các nước văn minh có bào chế thứ kem và phấn đặc biệt, dùng nó không bị nắng ăn chỉ hiêm giá rất đắt. Ở Việt Nam vừa sáng chế được thứ kem và phấn vừa đề trang điểm vừa có công dụng chống nắng như vậy, nhưng giá trị thì rất bình dân. Đó là CRÈME THORAKAO.



VÕ THUẬT

TRẦN-TUẤN-KIỆT biên soạn

(Tiếp theo P.T. 245)

Luyện Khí

TRONG những phần trước, đã ghi đặt cương một số căn bản về phương thức tập luyện võ thuật môn *Thiếu Lâm*, môn võ Ta và tiếp theo đây là phần căn bản của phái *Võ Đang*, đó là phần luyện *Khí*.

Võ Đang do người sáng lập (theo các sách võ thuật ghi lại của Trung hoa) thì sư tổ là đạo sĩ

Trương Tam Phong. Ông trước kia vốn theo học *Thiếu Lâm Tự*, rất rành về môn quyền thuật *Thiếu Lâm*. Nhưng sau Ông luyện theo đạo *Lão*, (*Lão Tử* — Đạo đức Kinh), và lên *Võ Đang Sơn* lập thành phái *Võ Đang*. Phái này có bài quyền chính là *Thái Cực Quyền*. Có người cho đó là của đạo sĩ *Trương Tam Phong* áp dụng ngược lại với *Thiếu lâm quyền*, chuyên dùng nội lực, còn gọi là *Nội gia*

PHỒ-THÔNG — 246

quyền. *Thái Cực Quyền* lấy *Khí* để áp đảo địch thủ và luyện thân. Có thuyết thì bảo thời *Nam Tống*, đạo sĩ *Trương Tam Phong* nằm mộng được *Huyền Đế* truyền cho quyền thuật, gọi là *nội gia quyền*. Không biết có phải đó là bài *Thái Cực Quyền*, hay là các bài quyền, phương thức luyện tập của phái *Võ Đang* là *nội gia quyền* ? Sau truyền lại cho *Vương Tông*, vân vân...

Nhưng tóm tắt để nói về một mục đích duy nhất ở đây là *Khí*. Do phái *Võ Đang* mà ra. Từ cách luyện *Thái Cực Quyền* về sau, bên *Nhật* theo đó sửa đổi tân tiến hơn lập thành môn *Hiệp Khí Đạo* ngày nay. Vì võ học mênh-mông, không biết môn *Thái Cực Quyền* có thật sự là đài anh của *Hiệp Khí Đạo* hay chăng ? Nhưng theo phép luyện tập và của cụ *Trần vi Minh* soạn (*Thái cực Quyền toàn thư*), nhà *Hồng Lĩnh* đã xuất bản, và quyển *Hiệp Khí Đạo* trong đời sống hàng ngày, của *KOICHI TOHEI* vừa được *Hội Hiệp Nhu Đạo Việt nam* xuất bản cũng thấy đôi bên đều chuyên chú

đến sự tập trung tinh thần. Giữ lấy *Khí* từ huyết *Đan điền* mà người *Nhật* gọi tên nơi đó là *SEIKA - NO - ITTEN*. (Dưới rún độ 5 phân) Tập trung khí lực nơi đó, phát xuất từ đầu chí gót để giữ *Khí* và phóng *Khí* ra chống lại kẻ địch. Phương pháp này sẽ ghi rõ ở phần sau. Đây chỉ là tiết mục đại cương nên bản sơ lược qua mà thôi.

ĐIỀM HUYỆT. Theo như phép *Châm cứu* Đông phương truyền lại thì trong cơ thể con người có hàng ngàn cái huyết ly ti, nhìn vào bản huyết ghi không đếm không hết. Nhưng môn phái *Thiếu Lâm*, có nhiều vị *Thiền Sư* vì sự võ công mà phải dùng theo phương pháp thí nghiệm, mổ xẻ thú rừng để tập cách trú điểm huyết đạo, đồng thời với việc nghiên cứu y-lý, về thể xác con

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM ★ NGON ★ NGỌT

PHỒ-THÔNG — 246

người. Chọn ra các huyết đạo để áp dụng vào quyền cước. Tất nhiên là để cho môn võ công càng thêm siêu việt, dùng nó vào việc *Thiện* của môn đồ nhà Phật. Bài quyền căn bản của Thiếu Lâm còn truyền lại đến ngày nay, mà các võ đường của xứ Ta đem ra dạy đầu tiên cho môn đệ là *Mai Hoa Quyền*, *Tứ Trụ*, *Thập Bát Liễu Châu Quyền*... sau đó có hằng trăm bài quyền khác được sáng tạo nên, và một bài lưng danh là *La Hán Quyền*; — *La Hán Quyền* của Thiếu lâm Tự cũng như bài *Thái Cực Quyền* của phái Võ Đang Sơn, là các bài căn bản và là bí quyết của môn phái được kết tụ tinh hoa võ thuật thật tinh vi trong mỗi bài đó, Thiếu lâm Tự còn bài *Mai Hoa Thung* để luyện thuật *Khinh Thân*, nhẹ nhàng nhưng không kém phần dũng mãnh, chuyên đi trên cọc mà giao đấu. Người luyện tập bộ pháp thật vững chắc, thân pháp thật uyển chuyển nhẹ nhàng, thủ pháp thật nhanh nhẹn mới có thể đi quyền trên các cọc gỗ được.

(Phần này cũng là ghi theo

đại lược mà ra, đến phần quyền cước giao đấu và phép *Kinh Thân*, sẽ có đầy đủ hình ảnh và bản qua tám thể luyện *Thất Tinh Bát Đầu* tập trên *Mai Hoa Thung*.

Tập luyện học võ: Sách võ học thì nhiều, môn phái nào cũng có rất nhiều kinh sách soạn ra từ những đời trước, để lại bằng ngàn, bằng vạn quyển, Tuy nhiên, học võ phải chăm *Luyện*, bằng kiên nhẫn và tự tin. *Văn Ôn Võ Luyện* là thế.

Tinh thần luyện tập phải chỉ huy thể chất, không phải chỉ có một thân thể cường tráng chứa đựng một ý dũng cảm mà thôi. Tinh thần tập-trung để tạo sức mạnh cho thể xác, cho sự thành

PENI-V	200.000 đv
	400.000 đv
	500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới **PENICILLINE-V** uống dễ dàng mà công hiệu như chích **PENICILLINE-G**.

về mọi hành động, hoặc công việc học hỏi nữa.

Ta luôn-luôn tâm niệm là sẽ chiến thắng hết mọi gian khổ để đạt lấy tự-do.

Đến đây tinh thần võ học đã gặp nguyên lý vũ trụ âm dương theo dịch học.

Tôi xin mở một dấu ngoặc để bàn rộng ra một chút. Với sự thô thiển về cái học võ nghệ và nghiên cứu non sót nên chưa dám xác định thắng là võ học Thiếu lâm Tự, và Dịch Học cũng những môn phát lớn của Trung Hoa mà sau này gây ảnh hưởng về đường văn học, triết học, và võ học đều khai nguyên ở nước Việt cổ sơ của ta mà truyền lên Nam Bắc Trung Hoa. Cũng nhiều tài liệu về Dịch — Kinh Dịch, một bộ tự tư tưởng trầm thống lớn lao nhất trải qua nhiều thời đại làm sách gối đầu cho các học giả Đông Tây, chưa chắc của người Trung hoa mà là người Việt ngày xưa tạo thành!

Võ học Trung hoa bắt nguồn

suy niệm về Thái Cực mà sinh ra. Nếu kinh Dịch của người Việt, thì môn võ học của Trung hoa cũng có thể? là của người Việt sáng tạo nên! Tuy nhiên chúng ta không thể mang giả thuyết này mà phủ nhận Võ Thuật của các vị danh sư của Trung Hoa được — Đến đây xin đóng dấu ngoặc. Phần tiếp theo, sẽ xin bàn về *Chương pháp*. Vì *Chương Pháp* cũng là một bộ môn như *Quyền Pháp*, tuy nhiên đặc tính khác nhau và cái hay của *Chương Pháp* khác cái hay của *Quyền Pháp*.

Thời xưa người ta dùng *Chương pháp* nhiều hơn dùng *Quyền pháp*. Về *Chương pháp*, chúng tôi sẽ bàn qua bài *Nội Gia Bát Quái Chương*, và những cách thức tập luyện tay chân để dùng theo *Chương pháp*.

Nơi Tập Luyện Võ Thuật. Vì thiếu điều kiện thiên nhiên, người tập luyện võ thật ngày nay phải tập luyện võ trong các phòng tập, hay trong các sân tập nhỏ hẹp. Đáng lý ra người tập võ

phải tập trên núi, chọn địa điểm tốt. Nơi bình nguyên đầy sinh khí của trời đất. Học võ thuật là đem con người tiểu ngã hòa với đại ngã của vũ trụ. Tập luyện cho thần thể hòa được với mưa nắng, chịu đựng được sương gió, người tập võ dẻo dai, rắn rỏi, trong cơn nguy hiểm không còn, trong lửa đỏ không biết sợ. Trút bỏ hết mọi ràng buộc nhỏ nòi về lo nghĩ chung quanh trong lúc tập dượt. Đó là một phương pháp tu luyện hoàn toàn theo thiên-tính. Gát bỏ phiền lụy để học phép dưỡng sinh. Đi đứng tập thở, tập quyền pháp trong thiên nhiên để hít thở bầu không khí sạch sẽ, luân lưu dưỡng khí trong cơ thể, chứa đầy khí âm áp dương hòa để tránh bệnh tật, và nhất là tránh mọi đòi hỏi làm sa-sút tinh thần trong cái phóng túng của khả năng xác thân ta.

Người học võ, noi theo đường tốt, gọi là võ đạo.

Chỉ có võ thuật mới sửa đổi con người thanh sạch hoàn toàn, từ tấm cơ thể xương máu đến cả tinh thần song song với thân

thể ta.

Ta cứ xem những vảo gia, thi nhân, triết nhân suốt ngày suy tư một mối, nhưng cơ thể không động, thần trí có mở mang kỳ-tuyệt, nhưng thần thể gày guột, chác chùng, bệnh tật luôn. Vì thế ta phải chọn cái dung hòa của sự luyện tập cho thần trí mở mang đều đặn với xác thân thanh sạch tiến triển để nhẹ nhàng khinh linh, ảo diệu.

Nếu ta có phương tiện hòa hợp được với sớm chiều trên bờ sông rộng, trên đồng nội, hay trên núi cao. Nơi đó là những nơi thoáng khí, để đào luyện cho cơ thể và tinh thần tiến triển nhanh chóng trên đường võ đạo vậy.

(còn nữa)



Thương tiếc Nữ-sĩ Song-Thu

I

Đêm nay buồn trời khúc quan hoài,
Tròn dậm, trăng sương khuất đỉnh tây.
Mưa gió hồng trần tẻ dạ khách,
Hận sâu non nước chạnh hồn mai !
Lầu lầu vẫn sử hàng hoa gấm,
Rõ-rõ thi chương nét ngọc đài.
Bát-ngát cung thơ : tài, trí, hạnh.
Người đi, thương tiếc, lệ rơi đầy.

II

Về miền lạc cảnh toại nhân du,
Mây nước thiên điền nặng túi thơ.
Phủ sạch trần dáu niềm khổ lụy,
Suy tầm ngọc khuyết mối huyền cơ.
Đêm thanh, đứng-đỉnh nơi non hạc,
Ngày lịch, nghèo-ngạo chốn thạch hồ.
Say với quần tiên cờ mấy cuộc.
Hương nồng phảng-phất bóng sầu mơ.

MACH-QUẾ-HƯƠNG

Vĩnh Bình đêm 11-4-1970.

CÁI «TÁU» CỦA CỬ ĐÌNH

TRONG các giai thoại về nhà nho ta ngày xưa xác tếu lâu cả những cái tau mà thường được thể nhân nhắc đến trong khi trà dư tửu hậu như chuyện câu học trò và ông quan huyện đối đáp nhau. Ông quan nọ ra câu đối :

«Mà mẹ bà đời cửa tướng»

Đề rồi tức giận vì câu đối của câu học trò :

Mồ cha tám kiếp nhà ôn.

Gần đây người ta còn nhắc đến cái tau của một chiến sĩ cách mạng Cần Vương. Đó là cụ CỬ ĐÌNH.

CỬ ĐÌNH tên thật là Lê TRUNG ĐÌNH sinh năm 1862 quán làng Phú Nhơn huyện Sơn Tịnh Quảng Ngãi con cụ Lê trung Lượng đậu CỬ NHÂN làm Tri Huyện ở huyện Nam đản Nghệ An lúc nhỏ theo học ông

Án Sát Nguyễn Cung tục gọi là Án Cung. Ông là người tướng kỹ lạ hai bàn chân cong lại thông minh rất mực có nhiều khi khai năm 15 tuổi đã thuộc lau kinh sử văn chương xuất sắc bầu Cử Nhân Ngộ 1882 tại trường thi Bình Định. Ông cùng Tú Tân đề hoạt động cách mạng chống Pháp và bị Pháp xử trảm năm 1885.



Câu chuyện đầu tiên là lúc Cụ còn đang đi học thấy học của Cụ là Án Sát Nguyễn Cung. Ông này có cô con gái là đồng môn Cụ Cử có nhiều nhan sắc nhưng phải cái tính tình nghịch thường hay tiểu tiện nơi hiên trường. Tuy vậy chẳng ai dám chọc cô ta Cử Đình thấy tức một hôm cô ta quen thói cũ Cử Đình liền giở trò chọc phá nhưng bị Án Cung bắt gặp nên đem vào căn nọc mà đánh Cụ bèn ứng khẩu rằng:

*Khoan khoan con nói đề thầy
nghe*

*Mới vật xuống đây chữa kịp
đề.*

*Hai cánh hường môn còn
khép kín*

*Ngọn cờ xinh xi mới lo
le.*

Nghe tục mà thanh nện Án Cung tha tội.

Câu chuyện nửa xảy xa lúc ở trường thi Bình Định. Có tiếng là văn hay chữ tốt nhưng Cụ đã bị trượt ở khoa thi Kỳ Mão 1879 để khoa thi năm Nhân Ngộ 1882 cụ tin tưởng thế nào mình cũng nắm chắc Thủ Khoa nhưng đến ngày treo bảng thì lại là ông Phạm văn Chất đậu Thủ Khoa còn cụ chỉ đậu thứ nhì. Có ý ghen tức từ đó nên Cử Đình mới nói mớ với Thủ khoa Chất trong bữa tiệc hôm nọ rằng Quan Chấm trường ngốn anh đậu Thủ Khoa thi chỉ việc xem ở máy cậu của tôi là đủ. Ông Chất không đồng ý nên có một cuộc cãi vã nhau sôi nổi tức giận sẵn có Cử Đình quơ ngay chiếc quạt trên bàn đánh vào đầu Thủ Khoa Chất

Câu chuyện lọt đến tai Quan Tổng Đốc nên Quan Tổng Đốc cho vời cả hai lên hạch tội và bắt Cử Đình nằm sấp đánh mười roi, Nhưng Quan Tổng mới đánh chỉ hai roi Cửa Đình vội đứng dậy mà nói

Bồ tiên thị nhục

Bồ tiên là cây roi Bồ tiên đơ Hòn Lư Khoan đời nhà Hán làm ra để dạy dân những tội nhẹ thì cây roi Bồ Tiên để đánh tội nặng thì dùng hình phạt khác. Ở đây ý Cụ Đình nói là có tội thì đánh một hai roi để cảnh cáo cũng đủ rồi há chi phải đánh đủ tới mười roi Quan Tổng Đốc nghe hết giận tha ông liền ứng khẩu

*Đầu Thủ khoa năm ba giáo
quạt*

Đít Cử nhì sáu bảy lần roi

Tau thật dám lấy cái đầu của một Thủ Khoa để đổi lại với cái đít của mình !

Trên đường từ Bình Định trở về ông có ghé vào nhà cửa người bạn học cũ tên là Đờ Duân để thăm nhặng không có Duân nên cha của Duân là Phó

Bảng Đề ra tiếp. Trong lúc nói chuyện Cử Đình thềm trầu nên lấy hủ vôi để tem trầu ăn thay vì lấy xong để vào chỗ cũ không để lại để ngay trước mặt cụ đề ông Đề cho rằng hành động đó là xác lảo vô lễ nên quở Thầy cử khí qua, khí như anh Lượng khí xưa.

Nguyên thân sinh của Cử Đình là Lê Tung Lượng một ông Quan liên chính có lần dám phê phán chỉ trích về chính sách của Triều Đình kết tội là khi quân đèm chém nhưng nhờ có dân cả huyện Nam Đàn tâu xin nên được tha tội. Nay ông Đề nhắc lại việc làm của cha mình có ý nói cũng vì thói đó mà ngày xưa cha Đình suýt mất mạng

Cử Đình bèn nói Bật cụ cha con xưa có khí thật nhưng khí đạo khí nghĩa chứ không khí tặc vi chí khí thành như tâu,,

Nguyên ông Đề lúc đầu Phó Bảng năm Thiệu Trị thứ 2 1842 được bổ làm Bố Cảnh Đình Tường nhưng bị cách chức năm Tự Đức thứ mười hai 1859 vì ông giữ thành Đình Tường không nổi nên bỏ chạy. Nay bị Cử

Đình nhắc lại có ý trêu tức uên giận lắm

Lại một chuyện nữa xảy ra ở Huế nhân ngày thi Hội ông cùng Cử Võ và Thủ Khoan Điền khẩn gói ra Huế dự thí Hôm đó ba Cụ ngồi trong quán nước các học trò ở Quảng Bình và Nghệ An cũng vào thi Tri diện nay gặp mặt Cử Đình nên có ý chọc phá bèn cách bảo hai cô gái ra gheo rằng “

*Tam nơn đồng tọa thượng
hạ lục đầu”*

Cử Đình chẳng nhịn liền đáp :

*«Nhi nữ song hành tung
hoành tứ khẩu»*

Hai cô gái thẹn đỏ mặt nên rút êm

Cũng tại quán nước này đang gọi cùng bầu bạn để bán về thi phú kinh Sử ông ông làm xấu xi hơi ầu nên vôi ứng khẩu hừa thẹn:

*Lê Trung Đình ,
Bụng sinh kè bụng sinh
Ông võ còn kinh
Huống chi điều binh*

*Mùi tợ bánh khô chi vị,
Tiếng dưng pháo Tết chi
binh*

Ngoài cái tấu Lê Trung Đình còn là một con người có khí khái cảm xúc trước cảnh mất còn của đất nước nên đã cùng Cụ Nguyễn Tự Tân Nguyễn Viện Huỳnh Hiệu Bùi Điền hưởng ứng phong trào Cần Vương nổi lên làm cuộc cách mạng chống Pháp. Trong cuộc kéo quân từ chiến khu Truyền Tung về

Chánh Tộ Tỉnh lý cũ của Quảng Ngãi để đánh Pháp chiếm được tỉnh lý chưa đầy tuần nhật thì bị nội phản nên ông bị bắt và bị giết chết năm Ất Dậu 1885.

Ông Cử Đình đặt đánh xiêu biền cái khí khách của người dân Quảng. Nghĩa.

NGUYỄN TẤN LỘC
KBC , 4744



● Lanh lệ

Chàng và nàng cặp tay đi chơi vừa bàn tính việc trăm năm giai lão... Thành linh nàng ngồi xuống gục đầu, óm bụng rên. chàng hốt hoảng hỏi làm sao... Nàng cứ làm thỉnh. Một lát sau, nàng ngẩng đầu lên, đứng dậy cười nói :

— May quá, em vừa thấy chồng em đi ngang. Em lanh lệ ngồi gục đầu. anh ấy không trông thấy em !

Tiếng nói chân thành

của sinh viên Việt Nam tại Nhật

★ **TRẦN VĂN QUANG**

Sinh Viên kỹ sư Hóa học OSAKA

★ *Thế giới ca tụng những tiến bộ về khoa học kỹ thuật của Nhật Bản. Nhưng phải là người ở Nhật lâu ngày mới biết «Dân Nhật vốn tính lạnh lùng và hầu như không có tình láng giềng».*

Sinh - viên Việt - Nam tại Nhật - Bản.

SINH viên VN đến Nhật-Bản thường với 3 tư cách: Tư - phí, quốc - phí do chánh phủ Nhật đài thọ về quốc-phí do chánh - phủ VN tài trợ. Trong 3 cái kể, trên thì người sung sướng nhất là người đi với tư cách quốc-phí do chánh phủ Nhật đài thọ. Những người

này được ưu đãi nhất được lo cho chu đáo nhất từ chỗ ăn, chỗ ở, chỗ học v.v... Kể đến là anh sinh - viên quốc-phí do chánh phủ VN đài thọ. Sau cùng là tư-phí. Cuộc đời của một sinh viên tư-phí tại Nhật cũng có nhiều buồn vui lẫn lộn. Với tư cách một sinh viên tư-phí và đã qua Nhật gần 3 năm tôi xin kể lại.

Trước hết tôi xin nói đến:

chuyện học - hành và sau đó là đời sống.

Đối với những anh đến Nhật sớm khi niên học chưa bắt đầu đầu thì những ngày mới đến là những ngày huy hoàng và đẹp nhất vì chỉ có ăn, ngủ rồi đi chơi bay bướm. Nhưng anh không may mắn đến lúc niên học đã bắt đầu thì bận rộn luôn từ đó. Trước khi vào đại học sinh viên VN cũng như ngoại-quốc đều phải qua 1 năm Nhật ngữ và học ở trường «The international student institute» hoặc những đại học có phân khoa dạy Nhật ngữ như Waseda, kéo Takusoku, Tokai v.v... Sau khi học hết năm Nhật ngữ rồi các sinh viên phải lo thì vào Đại học. Cuộc thi vào Đại học cũng đầy chông gai và khó khăn. Trong những năm gần đây, mỗi năm có lối một trăm mấy chục ngàn (120.000 — 140.000) học sinh Nhật tốt nghiệp trung học rồi mà không vào được Đại học. Những học sinh này phải ở lại. Một số đi làm còn một số lo-luyện thi để năm tới tiếp tục con đường

mình đã chọn. Ở Nhật không có một phân khoa nào vào không cả. Tất cả đều phải qua kỳ thi nhập học kể cả văn học bộ, luật học bộ, kinh tế học bộ v.v...

Khó nhất là ngành Y-khoa, Kỹ-sư và Dược.

Hàng năm kể từ khoảng giữa tháng 2 đến cuối tháng 3 là những ngày mà tất cả các Đại học Nhật Bản mở kỳ thi nhập học. Những ngày mà những giọt nước âm thầm đổ rơi trong đêm tối. Quý bạn thử tưởng tượng bên ngoài là mùa Đông trời lạnh buốt và tuyết rơi thế mà trong tay cầm những tờ giấy báo tin rớt từ trường này đến trường khác mà không được một lời an ủi hay khuyến khích của gia đình hoặc người thân yêu. Còn cảnh nào nản lòng và buồn hơn nữa. Kể viết bài này tin rằng quý bạn nào đã từng trải qua những kỳ thi cử, đã từng nếm mùi thất bại trong trường thi thì có lẽ thông cảm rất nhiều.

«Đoạn trường ai có qua cầu

mới hay*.

Kể đến tôi xin trình bày đến đời sống của sinh viên Việt - Nam. Trong năm đầu học Nhật ngữ thì có kẻ sống trong ký túc xá của trường. Một số khác phải mượn phòng trọ bên ngoài để ở vì trường không có đủ phòng. Đối với những người sống trong ký túc xá của trường thì hưởng rất đủ tiện nghi từ miếng ăn đến chỗ ở. Ăn thì có phòng ăn của trường. Đại khái không khác gì cuộc sống bên nhà cho lắm. Riêng đối với sinh viên mượn phòng trọ ở ngoài tôi xin kể thật kỹ lưỡng từng chi tiết và những điều gặp phải. Nếu là mới qua vì không biết tiếng Nhật nên phải nhờ một anh lớn đã qua trước và rành tiếng Nhật dẫn đi mượn nhà cũng như đi bác sĩ khám bệnh, Tục lệ Nhật rất kỳ cục không như ở bên nhà mình là ở tháng nào trả tiền tháng đó và ở đến bao lâu cũng được. Ở Nhật trước khi mượn phòng phải qua một trung gian là nơi chuyên chỉ dẫn nơi nào có phòng trống.

Sau khi mình đồng ý mượn rồi thì trước nhất mình phải trả không cho người trung gian giới thiệu 1 tháng tiền nhà và cho ông chủ nhà 2 tháng tiền lễ (bằng 2 tháng tiền nhà). Số tiền này kê như đi đứt. Ngoài ra mình phải đóng tiền thuê chân 2 hay 3 tháng tiền. Số tiền này khi ra mình sẽ được trả trở lại. Sau đó mình bắt đầu trả tiền nhà kể từ ngày mình ở. Nhưng cái giao kèo này chỉ ký có 2 năm. Nếu ông chủ nhà từ tế thì cho 3 hay 4 năm. Tối đa là 4 năm. Nghĩa là theo luật lệ mình chỉ được ở căn nhà đó trong vòng 2 năm mà thôi và sau đó nếu muốn ở nữa thì phải ký lại giao kèo khác và mình phải đóng tiền lễ như lúc bắt đầu. Sinh viên Việt Nam ai cũng cho là đập đổ và ăn ở không có hậu. Nếu mượn căn nhà 6 chiếu (cỡ lớn) tức là bề ngang lối 3m80 và dài lối 4m80 thì tại Tokyo bây giờ lối 15.000 yen mỗi tháng. Một dollar : 359 yen (1 dollar : 359 yen). Dân Nhật thường ở 3 chiếu hay 4 chiếu rưỡi. VN vì không quen nhà

chật nên mượn 6 chiếu. Vào nhà thì trong nhà không có cái gì hết. Hoàn toàn trống không mình phải mua từng cái bóng đèn, giường, đèn học, bàn ghế, soong, chảo, nồi v.v... Khổ cho cuộc đời lắm. Học sinh làm gì có nhiều tiền mà phải mua cho đầy đủ.

Kể đến là vấn đề tắm rửa : Dân Nhật nói chung và sinh viên mình nói riêng thì phải đi vào những nhà tắm chung gọi là OFURO. Tại đây thì nam riêng và nữ riêng. Vào đây thì không còn mặc cỡ là gì nữa. Tất cả đều phải cởi ra hết, nói nôm na là hoàn toàn không còn mảnh vải gì che thân hết và vào ngâm trong 1 cái bồn nước nóng rộng lớn chung cho mọi người. Không biết cảm giác của nữ sinh viên VN ra sao khi phải vào những phòng tắm như vậy. Nếu không có nơi nào để tắm cả. Riêng đối với nam sinh viên lúc mới qua thì khi mới vào có vẻ ngượng ngịu và mặc cỡ lắm. Thét rồi cũng quen dần. Tại Nhật nhà thường không có phòng tắm ngoại trừ

một vài nhà quá sang và đặc biệt. Mỗi lần đi tắm như vậy theo thời giá thì lối 35 yen (Tương đương với 35 đồng VN bây giờ). Tiếp theo là vấn đề ăn uống và phương tiện đi học.

Đối với những cô và những anh biết nấu ăn thì thỉnh thoảng mới ăn ngoài tiệm còn thường thường thì tự mua đồ về nhà nấu ăn. Như vậy vừa ngon và vừa rẻ tiền. Vì Nhật là 1 nước Á châu như mình nên cũng có những món ăn và đồ giống VN như : nước mắm, tàu hủ, thịt, cá v.v... Còn đối với những anh không biết nấu ăn thì mới là điều khổ đây. Ở Nhật thì đủ các loại đồ ăn hết. Từ ngon cho đến dở đều có. Ngặt đồ ngon thì quá mắc nên túi tiền học sinh không cho phép nên buộc lòng phải ăn đồ tầm thường thành ra ngán và ốm lẩn vì không đủ chất bổ. Nhiều lúc quá ngán mà không biết làm sao đây nên đành bấm bụng và tự an ủi :

« Ăn để mà sống chớ đâu phải sống để mà ăn ».

Kẻ viết bài này xin đề nghị với quý bà bên nhà ai muốn ốm bớt để làm đẹp lòng phu quân thì cố-gắng xin giấy tờ qua Nhật và thưởng thức những món bình thường do Nhật nấu chắc chắn sẽ toại nguyện. Kẻ viết bài này đã có ăn rồi và thấy hiệu quả lắm.

Đối với phương tiện di chuyển đến trường thường là đi bộ, xe buýt và xe điện. Có anh ở những nơi cách xa trường mình học trên 100 cây số và hằng ngày phải đi học bằng xe điện đi và về mất lối 3 giờ đồng hồ. Máy anh đó phải đi chiếc xe lửa tốc hành chạy mau lối trên 100 kmlg. thí dụ như những anh ở Shinyuku đi học ở trường đại học Tokai đi và về mất gần 4 giờ. Trường Meisei, Toyo thì gần 3 giờ v... v... ở Nhật và gần với sinh viên Nhật nhà cách trường trên 100 km là thường. Các học sinh này ngày 2 bữa vẫn đi và về một cách vui vẻ và không chút gì mệt nhọc vì Phóng tiền di chuyển của Nhật quá tiện lợi và mau

chóng. Chuyện này hoàn toàn có thật tại xứ Nhật. Ở Nhật các sinh viên muốn liên lạc với nhau thường dùng điện thoại vì quá rẻ. Nếu quay trong thành phố thì mỗi lần quay chỉ tốn 10 yen mà thôi. Điện thoại Nhật thì rất nhiều, nơi nào cũng có và quay rất dễ dàng. Nhờ điện thoại này mà sinh viên tuy sống xa nhau cũng không thấy buồn lắm và khi đau ốm thì có thể gọi ngay bác sĩ đến nhà hay bạn bè để chúng đến giúp mình. Nếu không có điện thoại thì kai đau ốm rất phiền phức và có thể chết trong phòng mà không ai hay. Dân Nhật vốn tính lạnh lùng và như không có tình láng giềng. Mạnh ai nấy sống và ai chết mặc ai. Nước Nhật tuy tiến bộ nhưng tính tình dân Nhật, rất khó thương. Chúng chỉ sống cho hình thức và hình thức mà thôi. Sống ở Nhật lâu mới biết rõ dân Nhật và không lầm lẫn về hân.

TRẦN VĂN QUANG
(Sinh-viên kỹ-sư hoá học)
OSAKA JAPAN

PHỒ-THÔNG — 249

NGÔI ĐÈN

Nguyên tác : Rabindranath Tagore

Nobel 1913

Bản dịch : NGUYỄN - HỮU - TRỌNG

Rabindranath TAGORE sinh tại Calcut ta năm 1861 con một gia đình qui tộc và sùng đạo. Tên Tagore do tên Thakhur viết theo văn Anh vẫn có nghĩa là quý nhơn.

Thuở nhỏ Rabindranath Tagore theo học hết bậc tiểu học tại Quê nhà đến năm 16 tuổi được gia đình đưa sang Anh Quốc du học.

Ông lập gia đình từ năm 23 tuổi nhưng chẳng được bao lâu khi tuổi chưa tròn 40 ông đã phải khóc vợ rồi hai người con, một gái một trai.

Sau khi gặp cảnh đau buồn ông liền mở trường dạy

PHỒ-THÔNG — 246

71

học sau một thời gian du lịch tại một số quốc gia châu Âu và châu Mỹ. Niềm hoài vọng lớn lao nhất của Tagore là mong sẽ đào tạo được một lớp người có lý tưởng cho tương lai Ấn Độ.

Trong thời gian này ông làm văn và làm thơ.

Năm 1916 khi cuộc đại chiến thứ nhất đang đến hồi dữ dội nhất, ông đã đọc bài diễn văn kết tội và lên án chiến tranh nhờ đó tên tuổi Tagore được coi như một thứ thần tượng của lớp người yêu hòa bình trong nhân loại.

Năm 1925 ông sang Ý đến năm 1930 Tagore sang Hoa Kỳ và ở tại tiểu bang Oxford.

Các tác phẩm nổi tiếng của Tagore gồm có:

— Tâm tình hiến dâng (*L'Offrande ly rique*)

— Người làm vườn (*The Gardener*) 1914.

— Mảnh trăng non (*La jeune Lune*) 1933.

— Giỗ trái cây (*La Corbeille de fruits*) 1921

— Đắm tàu (*Le Nau rage*)

— Tôn giáo và con người (*La Religion de l'Homme*), 1933.

— *Sadhnahay thực hiện mục đích tối cao.*) *Realisation du but supreme*.

Năm 1913 ông được trao giải thưởng Văn chương NOBEL, đồng thời ông cũng là nhà văn đầu tiên của Châu Á chiếm được ngôi vị cao quý này với tác phẩm *Tâm tình hiến dâng*.

Năm 1947 thi sĩ Rabindranath Tagore qua đời gần Bolpur thuộc vùng Bengal, hưởng thọ 80 tuổi.

Truyện ngắn sau đây được trích dịch từ bản Pháp Văn nhan đề *LE VAGABOND*, một truyện ngắn được coi như là tác phẩm tiêu biểu của Rabindranath Tagore Bằng một lối hành văn trong sáng và giản dị mang đầy đủ những sắc thái đặc biệt của Ấn Độ đồng thời với truyện ngắn *Ngôi Đèn tối* chắc chắn nó sẽ giúp các bạn thấy được văn tài xuất chúng của Rabindranath Tagore, người Á châu đầu tiên chiếm giải thưởng Nobel Văn chương vậy.



VÀO một buổi sáng kia bên ven đường, có một thằng bé đang đánh cuộc với một thằng bạn thân, cùng lứa tuổi của nó về một hành động đòi hỏi sự táo bạo dị thường. Hai đứa trẻ bàn cãi với nhau, để biết xem trong cả hai đứa nó có thể nào đủ can đảm đi hái những đóa hoa madhabi mọc theo bờ tường ngôi đền hay không? Một trong hai đứa nói một cách quả quyết:

«Nhất định tao sẽ hái được những đóa hoa ấy, trong khi thằng bạn nó một mực cho rằng thằng bé này không bao giờ hái được những cành hoa kia như đã nói.

Có thể nào một công việc rất tầm thường như thế mà lại làm thành quả khó khăn. Đó là một việc mà chúng tôi thấy rằng cần phải giải nghĩa.

Joy Kali Devi, góa phụ của

Madhavachandra Taravachaspati người đàn bà được trọn quyền thừa hưởng ngôi đền thờ thần linh Krishna này. Lúc chồng bà còn sống, người là một vị giáo sư, người chưa bao giờ dù chỉ một lần thôi để cho vợ mình thấy rằng cái danh hiệu Tarkavachaspati mà trường hợp ngôn ngữ Sanskrit đã ban tặng cho ông. Tuy nhiên cũng có một vài luật sư lại quả quyết và cho rằng danh hiệu và ngôi vị ấy được biện minh trong khuôn thước luận chứng và ngôn từ tất cả đều thuộc vợ ông, còn đối với ông, với tư cách của một người chồng đã được hưởng tất cả mọi quyền lợi mà ngôi vị vợ ông đã dành cho ông ta. Trên thực tế, thì Joy Kali là một con người không thích nói nhiều, tuy nhiên gần như trong mọi trường hợp bà chỉ cần nói một hai lời nói, hay ích kỷ hơn chẳng nói ra một điều gì, song như thế có một vài lúc trong hành động ít nói kia bà vẫn có thể làm câm miệng những người hay nói nhất.

Joy Kali là một con người đàn bà to lớn, vóc dáng nở nang cứng cỏi, vững chãi, mũm

nhon.v.v... bà là một con người thông minh hoàn toàn. Khi chồng bà còn sinh tiền, gia tài của đôi vợ chồng này gồm có những cơ sở chuyên về tôn giáo, nhưng những cơ nghiệp này đều nằm trong tình trạng kiệt quệ, sắp phá sản, đến khi chồng bà mất đi bà cho tân trang kiến tạo lại tất cả sự nghiệp kia lại, thu về tất cả những món tiền mà người mướn của bà còn thiếu và đặt lại các đường ranh giới, đổi lại các khu vực mà từ trước đến giờ vợ chồng bà đã bị mất chủ quyền. Những con nợ cũng như những người thiếu của bà, trong mọi trường hợp đều không một ai dám lừa dối bà cả, dù chỉ là một đồng bạc mà thôi, Sở dĩ mọi người đối với bà như thế vì hành động cư xử của bà thật cao thượng, đàn ông. Chính cũng vì thế cho nên bà luôn luôn thiếu những người bạn thành thật. Bọn người đàn ông thường lo sợ và kiêng nể bà rất nhiều, cả ngay cá nhân bà cũng không ưa thích những chuyện ngồi lê đôi mách, những cuộc đàm luận vô bổ của những hạng người thừa cơm thiếu việc và những lời tả oán, trách đất

phiên trời. Đối với những người thuộc nam giới, họ cũng rất ngán bà, bởi vì đối với họ thì bà luôn luôn nhìn họ với đôi mắt nghiêm nghị đầy vẻ khắc khổ và mang nặng tính chất khinh miệt của bà đã làm cho họ phải tự thấy xấu hổ, thẹn thùa. Với một bệnh kinh niên của giai cấp thợ phủ, cường hào, đó là tinh thần cầu an, ý lại và lười biếng, trong dân làng, trong khi cá nhân họ thường hay phung phí thời giờ một cách quá lố trong sân đền. Bằng một cái nhìn sắc bén của bà như đâm thủng tính tình lãnh đạm đầy kín như da thuộc của họ và đâm thẳng vào tim họ, Người góa phụ cao niên ấy quả thật có một tư thế phi thường để chấp nhận tất cả mọi sự khinh miệt tảo bạo đang âm ỹ dâng lên trong thâm tâm bà và đồng thời cũng để biểu dương sự khinh miệt kia một cách mãnh liệt nữa. Chỉ cần phát biểu qua một ngôn từ hay sự im lặng hoàn toàn. Chỉ cần một hành động bà đã có thể áp đảo được một người mà chính bà đã tự cho là một thủ phạm trong một việc có tính cách xúc phạm.

Không chán nản và mệt mỏi bà luôn luôn có mặt trong mọi buổi lễ, trong mọi biến chuyển vui buồn của ngôi làng thân mến ấy. Bất cứ một nơi nào trong khu làng ấy, đối với mọi người bà đều có thể chiếm một chỗ ngồi rất đặc biệt, bà có thể tìm được cho mình một chỗ ngồi chễm chệ, xứng đáng bởi vì bà là một con người xứng đáng hoàn toàn với địa vị ấy. Chỗ nào có mặt của bà thì, tất cả mọi người cũng ngay chính cá nhân bà đều không một ai nghi ngờ về sự ưu đãi hiếm có của bà.

Bà chẳng những được mọi người nể nang mà thôi, bà còn là một nữ khán hộ mát tay. Tuy nhiên có điều đáng nói là những bệnh nhân đều sợ bà chẳng khác sợ tử thần Yama, Bởi vì chỉ cần làm sai một vài điều kiêng cử trong cách ăn uống hoặc dùng thuốc men bừa bãi một tí cũng đủ làm cho bà nổi giận; sự giận dữ của bà cũng đủ làm cho con bệnh sốt rét và có giá trị gấp trăm ngàn lần cơn hành hạ của bệnh chứng.

Người góa phụ có tấm thân

cứng cổ, cao lớn mang đầy vẻ khắc khổ đứng sừng sững bên trên ngôi làng không khác nào một ngọn roi sắt tượng trưng cho nền công lý của Thượng-Đế, không một người nào dám coi thường bà và đi xa hơn chẳng có một người nào có đủ can đảm yêu mến bà cả.

Bà luôn luôn đoàn kết chặt chẽ với dân làng, dù thế nhưng chẳng có một ai cô đơn, lẻ loi như bà.

Bà ta là một người góa phụ hiếm hoi, bà chẳng có một mụn con, nhưng bà đã mang hai đứa cháu trai mồ côi cha mẹ đem về nuôi dưỡng. Vì thế, không một ai dám tin tưởng rằng hai đứa bé trai kia không được đặt dưới quyền giám hộ của một người đàn ông, và cũng không một ai đã dám nghĩ rằng chúng đã bị đặt dưới một tình thương mù quáng và sự nuông chiều của một bà đi đã làm chúng trở thành hư thân mất nết,

Đứa lớn được mười tám tuổi đã có một vài nơi ngờ ý muốn làm xuôi cùng bà và chính cậu ta cũng không lơ là hay từ chối với những chuyện ấy. Nhưng

khô thay, đối với những câu chuyện như thế mà không có một lần nào bà đi tỏ ý ưng thuận trước những viễn ảnh tương lai đầy trong sáng của cậu trai ấy. Bà không như những người đàn bà khác, bà không bao giờ chú tâm theo dõi đến những câu chuyện yêu đương giữa những người tuổi trẻ vừa cưới nhau mà ở đó có một cái gì thích thú, kỳ diệu. Mặt khác, đối với bà công việc ấy bà có thể coi như là một việc làm mà bà ta không bao giờ có thể ưng thuận được sự kiện có thể sẽ xảy ra ấy là việc cháu bà lập gia đình để rồi vì gia đình cậu cháu trai của bà sẽ sinh ra chèn ép, suốt ngày ở trong xô nhà giống như bao kẻ đàn ông khác hiện đang sống trong vùng, càng ngày càng nở xác to ra, và chỉ vì vợ nuông chiều để rồi cuối cùng trở thành những gã đàn ông hư đốn. Công việc trước tiên là thằng Pulin, cháu bà phải tự lực cánh sinh, một mình tự làm lấy đủ nuôi thân trước đã, bà đã không ngần ngại dứt khoát cho rằng, từ đó về sau nó mới có thể nghĩ đến việc mang một cô vợ về nhà. Nghe được những

lời lẽ khác nghiệt quá quát ấy, nhiều cô gái trong làng đã thấy tìm mình hoàn toàn vô vọng.



Ngôi đền thờ phụng thần tiên toạ lạc trong khu vực mà bà KALI săn sóc mỗi ngày một cách thật chu đáo vô cùng bà tỏ ra cần mẫn và siêng năng trong công việc thờ cúng cũng như săn sóc ngôi đền. Từ miếng ăn thức uống đến cách trang phục của các vị thần thánh trong đền nhất nhất đều được bà chăm sóc một cách cẩn thận không bao giờ tỏ ra sơ suất trong bất cứ điều gì. Trong ngôi đền hai vị đạo sĩ có trách nhiệm gìn giữ ngôi đền đã sợ bà còn hơn sợ những vị thánh thần. Đã có lúc thần thánh trong ngôi đền không được săn sóc chu toàn vì lúc đó vị tu sĩ có trách nhiệm trong nom việc cúng tế còn đang bận phải săn sóc một vị nữ thần khác trong mật điện của ông ấy một người đàn bà tên là Nistarini, vì thế cho nên những lễ vật như bơ sữa vàng và bột lúc đó đã chia cho thiên cung và địa ngục. Song ngày nay thì thần thánh lại được trông nom

chu đáo hơn kể từ ngày bà Kali đảm nhiệm công việc chăm sóc những thần thánh giả mạo đều phải đi nơi khác.

Bằng sự săn sóc cẩn thận và kỹ lưỡng của bà, sân đền luôn luôn được quét tước sạch bóng không một cọng cỏ nào còn mọc được trước sân đền. Vòng rào của đền được phủ kín bằng những dây hoa madhadi. Joy Kali đã chu đáo bảo vệ sạch sẽ ngôi đền một cách tuyệt đối bà không bao giờ chấp nhận bất cứ sự khiếm khuyết nào đối với ngôi đền thờ thần linh của bà cả. Những hoa madhadi bao kín sân đền mỗi lần có một chiếc hoa nào rụng xuống là bà lập tức nhặt đi bỏ ngay. Ngày xưa khi bà chưa lãnh trách nhiệm săn sóc ngôi đền này thì từng bọn trẻ con thường ngày hay rủ nhau đến sân đền làm trò chơi bắt trốn trong những góc sân và những bầy dê con, một đôi lúc cũng đến sân đền để ăn cỏ và gặm vỏ cây. Nhưng ngày nay những cảnh ấy không còn diễn ra được nữa. Ngoại trừ những ngày đại lễ còn lại ngày thường đám trẻ con đều cấm ngặt không được dùng sân đền, làm

trò chơi đuổi bắt nữa cả, ngay đến bầy dê con cũng thế, chúng không còn bèn mảng đến đây được vì mỗi lần chúng kéo đến đều bị những làn roi quái ác thẳng tay xua đuổi chúng ra khỏi cửa làm cho chúng chạy tán loạn.

Không riêng đối với những người xa lạ, cả đến chính những người thân thích của bà cũng bị cấm ngặt nếu lối sống của họ không thích hợp với tôn giáo trong đền. Đã có lần một người em rể của bà đến thăm và ngỏ ý muốn vào, đền vốn là người có tính thích ăn thịt gà do người đầu bếp Hồi giáo nấu gà muốn xin vào trong sân đền nhưng bị bà khước từ và cũng chính vì thế mà Joy Kali đã giận luôn cả mấy cô em gái và sự giao thiệp giữa chị em càng ngày càng phai nhạt gần như đoạn giao. Vốn là người có tính hay xét đoán một cách nghiêm ngặt là lạ lùng, cả ngay đến những công việc không cần thiết, trong những việc làm trong đền bà đã làm cho mọi người khó chịu và người ta cho rằng chính thái độ đó của bà chứa đựng ít nhiều hành động thoái quá điên cuồng.

Trong tất cả những nơi khác Joy Kali luôn luôn tỏ ra là một người nghiêm khắc và có một nếp sống cách biệt hẳn với mọi người, Song, ở đây, trong phạm vi ngôi đền bà tỏ ra là một người mực thước và hết lòng sùng bái các thần thánh mà bà là người có trách nhiệm làm mẹ, làm vợ và cả người tôi tớ phục dịch nữa. Trong vấn đề thờ cúng các vị thần, bà đã tỏ ra rất mực cung kính và dịu hiền. Ngôi đền và những tượng đá vô tri kia đã như có một ma lực tạo cho bà đầy đủ một nữ tính cần thiết của một người đàn bà. Ngôi đền và những pho tượng đá vô tri kia là chồng, là con trai là tất cả thế giới riêng biệt của cá nhân bà.

Bằng tất cả bấy nhiêu điều vừa kể, hẳn bạn đọc đã biết rằng hai chú bé táo bạo kia đến mức nào khi cả hai đánh cuộc với nhau về việc chúng nó sẽ hái những đóa hoa madhabi mọc dọc theo đền. Thắng bé đã to gan dám quả quyết là thắng cuộc trong cuộc đánh cá kia không ai xa lạ mà là chính đứa cháu trai út của Kali. Sở dĩ nó tin tưởng như thế vì nó không lạ lùng gì tinh nết nghiêm ngặt của di nó, song

với bản chất li lợm và gan lì nên nó nhất định không chịu cúi đầu chấp nhận mệnh lệnh của bà đi. Nó cảm thấy óc mạo hiểm đang nung nấu trong tâm hồn nó, nó muốn dẫn thân làm một chuyện vô cùng nguy hiểm vào một nơi mà nơi đó, vòng rào kỷ luật đã được thiết lập từ lâu, trong thâm tâm của nó luôn luôn bị thôi thúc bởi những ý muốn bất phục tùng. Người ta có thể cho rằng lúc còn niên thiếu, chắc chắn di nó cũng đã có những bản tính kỳ lạ như hiện nay nó đã mang trong lòng.

Vào giờ này, Joy Kali còn đang mãi mê tay lần tràng hạt, miệng lầm rầm khấn nguyện và tin tưởng mãnh liệt bằng dáng lòng thương yêu đậm đà của tình mẹ thương con với lòng sùng bái thiêng liêng.

Thằng bé li lợm đầy mạo hiểm kia nhẹ nhàng bằng mình leo lên phía sau và đứng lại trước đám hoa leo. Nó trong thấy rọ ràng tất cả những đóa hoa phía dưới thấp đã bị hái khá nhiều trong những lần cúng kiếng. Bây giờ nó tiếp

tục leo dọc theo hàng rào một cách thật thông thả và vô cùng thận trọng. Trong lúc nó đang vươn cánh tay và cả thân mình lên cao để hái một vài nụ hoa đang phô sắc mà nó vừa trông thấy được ở tận phía trên cao, trong lúc nó đang mãi mê theo với tay để hái những đóa hoa kia thì bất ngờ vòng rào ngã sụp xuống dưới sức nặng của nó, khiến cả giàn hoa lẫn chú bé đều ngã nhào xuống đất.

Joy Kali chạy vội ra phía ngoài sân và bà trông thấy rõ ràng là đứa cháu trai của bà đang làm một hành động vô cùng táo bạo. Bà nắm lấy cánh tay và lôi nó lệch thếch vào trong. Về phần thằng bé, vừa bị té khá đau, nhưng nó không biết gì cả, bởi lẽ việc ngã đau đó không phải là một phản ứng vô ý thức đã xảy ra một cách tự nhiên phải có. Đối với nó sự trừng phạt có ý thức chính là Joy Kali đang phủ lên người nó bằng một trận đòn chí tử làm cho thân thể rã rời. Nó im lặng, không nói một lời nào và cũng không khóc lóc gì hết. Cuối cùng, sau khi đánh xong, bà đi nó đưa nó vào buồng và nhốt lại trong đó, đồng thời

để trừng phạt nhiều hơn bà ta đã cho nhịn đói cả buổi ăn chiều của cậu ta.

Người tớ gái Mokshada lúc biết được thằng bé bị bỏ đói thì khóc lóc xin tha tội dùm cậu, với tất cả vẻ sầu thảm chân thành. Tuy nhiên, dù cho cô đầy tớ có khóc lóc, có van xin Joy Kali vẫn không lay chuyển. Trước sự cứng rắn quá nghiêm ngặt ấy, trong nhà không một người nào dám cãi lại lệnh bà. Sau đó, Joy Kali cho người đến sửa chữa lại hàng rào vừa sụp đổ, đoạn bà trở lại bên trong hàng hiên tiếp tục lần tràng hạt niệm kinh. Một hồi sau, Mokshada tiến đến bên bà bằng một giọng rụt rè, sợ hãi nói với bà :

— Xin bà cho phép tôi mang sửa đến cho cậu ấy, vì cậu đã khóc nhiều vì quá đói. Thưa bà.

Joy Kali vẫn chưa vui con giận dữ, nên bà buông lên một tiếng khô khan : «không».

Mokshada, cúi đầu im lặng rút lui.

Với những tiếng khóc than thảm thiết của Nolin vắng vắng vang lên, chẳng bao lâu tiếng

khóc than chỉ còn là những tiếng ảm ức như oán hận cho đến lúc nó ngắt đi vì mệt, những tiếng thồn thức, van nài thỉnh thoảng vang lên trong khi bà đang làm râm tụng niệm cầu kinh.

Khi tiếng khóc than của Nolin m bật thì bất ngờ, ở phía gần đấy một tiếng kêu của một sinh vật khác lại vang lên bằng một giọng kinh hoàng, tiếp theo sau à những tiếng ồn ào của một đám đàn ông, lúc đầu còn xa sau nghe gần hơn và làm vang động phía trước sân đền.

Bất ngờ có nhiều tiếng chân vang động phía trong sân đền Joy Kali quay lại thì thấy những dây hoa của vòng rào bị bứt rơi trên mặt đất lay động.

Bà ta giận dữ gào to:

— Noblin.

Không có tiếng trả lời. Bà lại cho rằng có lẽ Noblin đã tìm được cách nào đó nên đã thoát ra khỏi phòng giam và nó lại đến làm phiền bà thêm lần nữa, Nghi như vậy người góa phụ nghiêm khắc đứng lên, hai hàm răng cắn chặt với một quyết định không ai có thể van nài

được đi thẳng ra sân,

Ra đến phía ngoài đứng trước khoảng dây hoa bao phủ bà hét to

— Noblin.

Vẫn một sự im lặng không có tiếng đáp lại. Đưa tay vệt đám lá bà trông thấy một con heo rất bần thủ đang cuống quít tìm chỗ chốn chạy trong đám dây leo. Giữa những bức tường phủ đầy hoa leo kia đó là một khu vốn tượng trưng cho khu Brindaban với làn hương thoang thoang và thơm ngào ngạt bốc ra từ những đóa hoa gọi lại trong hơi thở và dư vị của những cô gái du mục và nó cũng thầm nhắc lại vùng mộng mơ kỳ ảo bên dòng Kalindi nơi mà ngày xưa thần Krishna đã đắm mình vào những thú vui trăng gió. Khu vườn thiêng liêng và đầy kỷ niệm kia Joy Kali đã bỏ ra không biết bao nhiêu công lao khó nhọc để săn sóc nay bỗng nhiên biến động vì sự việc kia làm cho mảnh vườn trở thành ô uest.

Vị tu sĩ có trách nhiệm trông coi ngôi đền trông thấy thế

liền xách cây xua đuổi con vật tanh hôi. Song Joy Kali đã xua tay ngăn chặn và bà đã nhanh nhẹn đóng kín cửa ngôi đền phía trong lại.

Tiếp theo đó một toán người ủa kéo đến trước đền họ la hét vang ầm và yêu cầu trả lại con vật của họ. Joy Kali đứng trước cánh cửa đền vừa khép chặt bà nói với họ.

— Các người hãy về đi đừng đến đây làm ô uest ngôi đền này của ta nữa,

Đám người kia dần dần rút đi. Họ không thể tin tưởng được rằng Joy Kali người đã cố công chăm sóc ngôi đền thiêng liêng kia lại có thể chứa chấp một con vật dơ bẩn như thế trong đền thờ vị anh hùng của vùng Padma, mặc dù họ đã trông thấy tận mắt.

Vị Chúa Tể Thiêng Liêng của muôn loài chắc đã hoàn toàn sung sướng vì sự biến chuyển đơn sơ này, mặc dù là vị chúa nhỏ nhoi của ngôi làng mệnh danh là xã hội đã vô cùng bối rỗi.



Truyện ông Hoàng đào hoa **KRISHNA**

● DOÃN QUỐC-SỸ

THẦN giáng sinh vào lúc hoàng tộc có sự bất hòa: Kansa truất ngôi cha, hạ ngục chị là bà Devaki, cùng chồng bà là Vasu-deva. Không những chỉ hạ ngục anh chị, mà còn hạ lệnh giết bất cứ người con nào của chị sinh ra vì có lời tiên tri Kansa sẽ bị giết bởi một người con của bà Devaki. Pansa đã giết tất cả sáu đứa con của Devaki. Khi bà này sắp sửa sinh hạ đứa thứ bảy thì thần Vishnu tới cứu bằng cách lấy chiếc bào thai còn trong tử cung mang lại trao cho Rohini, một người vợ khác của Vasu-Deva lúc đó đương sống cùng hai vợ chồng người chàng bò Nanda và Yashoda tại Gokula. Tới kỳ hạn

đứa trẻ tự hạ sinh ra và mang tên là Bala-Râm, (Chính là hóa thân của rắn-thần Ananta mà thần Vishnu vẫn nằm nghỉ ngơi trên đó.)

sau đó bà Devaki lại mang thai đứa thứ tám, vào lúc bà hạ sinh đứa trẻ này, nhã nhạc vang lừng, trên mặt đất các cây đều nở hoa tung búp... Đứa trẻ này chính là thần Vishnu giáng sinh lần thứ tám thành Krishna. Khi vừa sinh ra, Krishna xuất hiện trước cha mẹ với vương niện trên đầu, mình mặc áo vàng, bốn tay cầm bốn vật tượng trưng là vỏ ốc, đĩa tròn, bông sen và cái chùy. Krishna nói với cha mẹ lấy mang mình tới nhà Yashodâ để đánh tráo

lấy đứa con gái Yashodâ sắp sinh. Đứt lời Krishna trở lại bình hài đứa trẻ sơ sinh. Tuy sự hiển hiện ừng lời dặn dò vừa qua rất đổi lạ kỳ. Vasu-deva cũng quyết định tuân theo. Ông đặt đứa trẻ nằm gọn trong một cái lãng, rồi đội lên đầu sửa soạn ra khỏi nhà tù. Những dây xích tự nhiên được tháo tung, cửa ngục mở, các lính canh gác ngục ngủ thiếp trong mê mang và Vasu-Devâ ra đi êm thấm.

Trên đường đi Vasu-Devâ phải lội qua một con sông Yamunâ. Lội tới giữa dòng, đứa trẻ bỗng trở nên nặng quá chừng, nước sông lại gần ngập tới đầu, khó mà lội qua được. Nhưng khi đứa trẻ vừa khỏa chân xuống nước dòng sông bỗng rút cạn, thế là hai cha con sang bờ yên lành.

Khi tới nhà Nanda có tiếng vọng ra bảo Vasu-Devâ cứ vào, cứ đặt đứa con trai xuống bên cạnh Yashodâ và mang đứa trẻ gái Yashodâ mới sinh trở về ngục. Việc xảy ra thật lạ và êm thấm, cả Nanda và Yashodâ đều không hay biết chi cả. Từ đấy Yashodâ

nuôi nấng Krishna mà vẫn tưởng là nuôi chính con mình đẻ ra.

Nghe tin chị sinh, Kansa lại tìm cách giết đứa trẻ lần này cô gái hiện thành hình một nữ thần bảo với Kansa rằng đứa trẻ mà Kansa muốn giết hiện đương sống ở Gokula bên kia bờ sông Yamunâ. Kansa bèn sai bảy âm binh của mình đi giết hết những trẻ sơ sinh của cả vùng này.

Chuyện kể về thời thơ ấu của Krishna thật nhiều. Yashodâ luôn luôn lo lắng về những hành vi lạ lùng của chú bé mới phút trước chú là chú bé thường, phút sau chú đã hiện thành đấng chí tôn của vũ trụ. Bà cũng lo lắng về việc Kansa luôn luôn tìm cách ám hại đứa trẻ. Một lần Kansa sai Pâtanâ, một con ma cà rồng, hiện thành hình một người đàn bà có vẻ đẹp dịu hiền tới bế đứa trẻ lêu lộng cho bú. Krishna hút hết chất độc tự vú con yêu ra khiến nó chết tức khắc và hiện nguyên hình.

Một lần khác Yashodâ đặt chú bé chơi yên lành dưới gầm một chiếc xe bò lớn trong sân, Yashodâ

vừa đi nơi khác, một con quỷ bỏ hạ của Kansa bèn nhảy lên định làm chiếc xe sập xuống, nhưng Krishna đã lấy ngón chân hất phăng chiếc xe nặng đập vào tường đối diện, giết chết tươi con quỷ.

Một lần khác Yashodâ đương cùng chú bé chơi đùa thì một đám mây đen kịt bất chợt sà xuống túm lấy cổ chú bé rồi bay lên cao. Lần đó cơ hồ không còn cách gì cứu được chú bé, nhưng đám mây bị cưỡng bay chậm lại rồi hạ thấp dần... thấp dần xuống làng, chú bé thoát nạn.

Một lần Yashodâ muốn giữ cho chú bé khỏi nghịch bèn cột chú vào trụ một bánh xe. Nhưng chú đầu chịu đứng nguyên một chỗ, chú kéo lết chiếc bánh xe tới phía hai cây cổ thụ lớn mọc sát bên nhau. Chú gắng đi lọt vào giữa, chiếc bánh xe bị mắc chặn, chú vẫn kéo làm hai cây cổ thụ đổ rạp. Bỗng có hai thần linh hiện lên nói họ vốn đã bị cầm tù trong cây từ lâu, nay được Krishna phóng thích họ xin một lòng quy thuận và thờ phụng như bậc thầy.

Krishna thường hay lấy cặp bơ của các bà hàng xóm để phân phát cho khi và cho lũ trẻ khác, nhưng khi các bà tới mách thì bà nào cũng ngạc nhiên nhận thấy rằng Krishna đã lấy cặp bơ ở nhà mình vào cùng một lúc, còn bà Yashodâ lại xác nhận rằng cũng lúc ấy Krishna không hề ra khỏi nhà.

Một lần khác Krishna béc đất bỏ vào miệng, khi bà Yashodâ mở miệng Krishna để lấy đất ra thì được chứng kiến hình ảnh của toàn thể vũ trụ.

Khi lên sáu lên bảy Krishna được phép theo anh là Balâ-râma ra đồng cỏ chăn đàn súc vật. Khoảng thời gian này trong rừng Brindâban thường vang reo những tiếng cười của Krishna cùng lũ bạn mục đồng. Krishna rất thích thổi sáo, tiếng sáo huyền ảo đến nổi dòng sông Yamunâ cũng chạy lạc đường vì mê nghe, và những bông sen khắp vùng đều bồng nở mãn khai trong hân hoan.

Một lần có con rồng khổng lồ ẩn mình rất khéo chỉ để lộ riêng

chiếc miệng há rộng của nó. Lũ trẻ mục đồng ngỡ đó là cửa động bèn chạy ủa vào. Con rồng hít hơi lửa cả cùng đàn súc vật vào bụng. Lũ trẻ la hét kêu cứu Krishna. Krishna bèn tới cho con rồng hít nốt mình vào bụng. Nhưng khi đã vào trong, Krishna trở thành cao lớn dị thường làm vỡ bụng con rồng, lũ mục đồng và đàn súc vật được cứu thoát toàn vẹn.

Một ngày kia có con hạc khổng lồ bằng trái núi tới đậu bên bờ sông. Krishna để cho con hạc cặp mình giữa mỏ. Nhưng hạc chưa kịp nuốt thì Krishna đã trở thành một vật nóng bỏng, con hạc muốn nhả tức khắc, nhưng Krishna vẫn bám lấy cổ làm cho đứt mỏ hạc khiến con chim khổng lồ phải rày chết.

Một lần khác quỷ Metrâsur thiện thành hình một con cừu đực, thoát giả vờ gặm cỏ yên lành, rồi bất chợt lao hết tốc độ về Krishna. Ai cũng nghĩ rằng lần này Krishna tất phải chết, nhưng Krishna vẫn điềm nhiên đợi lúc con quỷ vừa tới, bèn vung tay nắm lấy gáy cừu quay tít mấy

vòng trên không rồi ném thẳng vào một gốc cây, Metrâsur tan xác, máu thịt văng tung tóe khắp nơi.

Vào một ngày nóng nực đoàn mục đồng tới hồ Kâliya uống nước. Chúng không biết nước hồ đã nhiễm độc từ lâu, vì vậy chúng chết hết. Thấy vậy Krishna khóc rống lên, nước mắt tiếc thương nhỏ xuống và các bạn nhỏ đều hồi sinh. Krishna bèn quyết định giết con rắn độc ngụ dưới hồ. Con rắn độc Kâliya này đã phải rời bỏ chỗ ở cũ của nó vì sợ thần điều Garuda (do Vishnu thường cưỡi). Garuda sợ dĩ không tới rừng Brindâban vì có lời nguyện của một đạo sĩ nếu nó tới đó sẽ bị chết. Vì vậy Kâliya vẫn được sống yên lành ở hồ này. Nọc độc của nó tiết ra khiến không một loài cây cỏ nào sống nổi quanh hồ, trừ một gốc cổ thụ. Nguyên do cây này đã một lần Garuda tới đậu; vì Garuda là thần điều của Vishnu nên cây được nhiễm chất linh thiên mà không bị nọc rắn làm chết. Một hôm lũ mục đồng đương chơi banh, trái banh rớt xuống hồ. Krishna trèo lên

cây, nhảy xuống hồ Kālīya thấy nước hồ bị khuấy rợn thì giận lắm bèn ngẩng cả trâm đầu lên quan sát. Thấy chú bé, nó bèn quẩn lấy kéo xuống đáy hồ, định mổ cho chết. Nhưng răng rắn vừa đụng tới thì Kṛishna bắt đầu lớn bụng lên lớn đến mức Kālīya buộc lòng phải thả chú.

Trong khi lũ mục đồng trên bờ hoảng sợ, một vài đứa chạy về báo bà Yashodā và Canda. Bà Yashodā muốn liềm nhảy xuống hồ cứu con nhưng Bala rāma khuyên bà đừng lo ngại Kṛishna quyết thắng trận và trở lên. Đoạn Bala rāma tào lèo cây lấy tù và ra thổi ý báo cho Kṛishna biết rằng mẹ đương lo lắng Kṛishna bẻ trả cho ông sáo của mình nổi lên mặt nước gián tiếp báo rằng mình không sao. Các bạn bạn bè của Kṛishna thấ vậy càng sợ hãi vì chúng cho rằng không bao giờ Kṛishna muốn rời chiếc sáo của mình cả Bala rāma lại thổi một điệu tù và khác xin Kṛishna chứng tỏ rằng mình còn sống. Kṛishna bèn gạt lấy đầu rắn ngoi lên chiếc lông gà trên mũ của chú nhô lên chiếc lông công như nháy

múa trên mặt nước khiến mọi người đều cho là Kṛishna bị giết đến nơi rồi, không lâu Kālīya kiệt sức kṛishna tuồn từ chém rụng những đầu của nó. Lúc kṛishna sắp hạ độc thủ chém nốt chiếc cuối cùng thì lũ vợ con rắn sắp lay xin chú hãy tha sống cho chồng cho cha. kṛishna ưng thuận với điều kiện rắn phải trở về chốn cũ Kālīya đáp nó về chốn cũ thì thần điều Garuda sẽ ăn thịt nó mất kṛishna bảo nó cứ yên chí khi thần điều Garuda thấy dấu chân kṛishna trên đầu nó sẽ không bao giờ tìm cách hại nó nữa. Thế là Kṛishna lên bờ. Lúc đó đã muộn lắm rồi không ai kịp về nhà, mọi người đồng ý ngủ qua đêm trong rừng. Họ tụ tập dưới một cây đa cổ thụ. Nửa đêm rừng phát hỏa đám mục đồng thức giấc kêu cứu Kṛishna ba lần mở

ANACINE

TRỊ PHONG NGŪA
MỀ ĐAY, HO, SUYỀN

miệng hút hết lửa cứu được nạn cháy rừng.

Kṛishna đã lớn dần để trở thành một chàng thanh niên.

Mỗi lần vào đầu vụ gió mùa dân chúng như thường lệ sửa soạn làm lễ dâng lên thần Indra thần Sét. Kṛishna nói lên gì mà cầu cúng thần Indra để xin cho được mùa. Mùa màng xấu bại tới là do số phận của chính mình! Thần Indra giận lắm và chứng tỏ rằng quyền uy của thần lớn nước Kṛishna thần bèn hóa phép mưa to gió lớn nước sông Yamunā biến thành thác lụt tràn bờ.

Kṛishna bèn dẫn dân chúng cùng gia súc lên đường tới núi Govardhana, Kṛishna một ngón tay nhắc bổng núi lên làm nơi trú ẩn cho cả đoàn người và vật. Suốt trong bảy ngày ai nấy sống yên lòng khô ráo.

Indra biết không thể thắng được đành cho mặt trời 16 rạng dòng sông trở lại an lành đoàn người và vật trở về làng núi được hạ xuống y như cũ Indra cuội bạch tượng Airāvata tới ra mắt chịu thần phục Kṛishna.

(Còn nữa)

• Thề

— Anh nói sự thật rằng anh không có vợ, tại sao em không tin?

— Anh thề đi!

— Anh lấy danh dự mà thề trên đầu 5 đứa con của anh rằng...



Ru con

Mớm con gạo tám nanh chồn...
Hồn thanh-khiết tựa gió hồn ruộng vàng
Mắt con sao sáng huy-hoàng
Môi son hé nụ sen hương ban mai.
Gạo thơm diu bước tương-lai,
Ngựa hồng khai-phóng thêm dài lối đi



Mớm con hạt gạo què người,
Mắt con sâu hận, môi cười trong nói.
Màu cờ sắc áo con ơi !
Tấm thân tiêu mọn cần sôi nghịch thù.
Gạo trong bọc hận nghìn thu
Bóng ai gục đày lao tù com đen

NGUYỄN NGOC ANH
(519 NH — GD).

BỨC THƯ TÂY ĐỨC

Bài học Tiệp-Khắc : Đoạn trường của cuộc thí nghiệm nhân hóa chế độ C.S.

□ NGUYỄN-KHẮC TIẾN-TÙNG
Sinh-viên Việt-Nam tại Tây-Đức

DUBCEK, người đã thử một lần đem lại cho Tiệp-khắc một mùa xuân, không còn quyền lực chính trị nào nữa. Diễn trình loại bỏ thân - tượng cải cách chủ trương một chế độ Cộng - sản mang bộ mặt con người, đã gần tới gian đoạn chót ngày 28-9-1969 vừa qua, ngày Dubcek bị mất chức trong Chủ-tịch đoàn Ban Chấp-hành Trung-ương Đảng, đồng thời mất cả chức Chủ-tịch Quốc-hội Tiệp-khắc, một chức vị tượng trưng nhiều hơn là có thực quyền vì cơ quan lập-pháp trong chế độ C.S. không hề giữ một vai trò trọng yếu. Khắc với người bạn đồng chí hướng Josef Smrkovsky và các chính trị gia cải cách

khắc bị trục xuất khỏi đảng và mất hết chức vị trong bộ máy nhà nước, Dubcek hiện vẫn còn là Ủy-viên ban Chấp-hành Trung-ương Đảng, nhưng người ta tự hỏi còn được bao lâu, khi phe bảo thủ giáo điều ngày một nắm ưu thế trong ban Chấp-hành Trung-ương, khi xích xe tăng của Hồng quân Liên-xô vẫn hằn trên những nẻo đường Tiệp khắc, khi «các nước anh em» trong khối Minh - ước Varsovie chưa nhắc đến chuyện rút quân về ?

Khoảng đầu năm 1968 cả thế giới hướng về Praha (Prague) ở đó trong Đại-hội đảng Cộng-sản Novotny, Chủ-tịch Tiệp-khắc kiêm Tổng Thơ Ký Đảng C.S.

người còn lại từ thể hệ Stalin, bị đánh đổ không bằng bạo lực, thanh trừng, mà bằng thể cách dân chủ. Cũng Đại-hội đó đã bầu Dubcek lên lãnh đạo Đảng hướng về một thí nghiệm chưa hề có trong lịch sử các nước xã hội chủ nghĩa: thực hiện một chế độ xã hội nhân bản tại Tiệp-khắc. Đời sống ở Tiệp-khắc trở nên dễ thở hơn. Những nạn nhân của chế độ cũ được phục hồi danh dự, lý thuyết kinh tế của Giáo-sư Ota Sik được áp dụng, kiểm duyệt bị bãi bỏ để báo chí, đài phát thanh, truyền hình, trở thành trung gian độc lập giữa quần chúng và giới lãnh đạo. Thanh niên, sinh viên, say sưa trong không khí hừng hực mới, các nhà làm văn hóa dùng lời nói cà ngòi bút chỉ trích, phê bình, góp phần xây dựng, giai cấp thợ thuyền hết mình làm việc cho chế độ. Có thể nói chưa bao giờ Đảng C.S. Tiệp-khắc mạnh bằng khoảng thời gian sau khi Novotny rời khỏi sân khấu chính trị. Không có 1 khoảng ngăn cách hững hờ giữa quần chúng và Đảng, lòng yêu mến những lãnh tụ cải cách

(Dudecek, Smrkovsky, Svoboda v.v...) bộc phát từ thâm tâm chứ không nhờ ở kỹ thuật tuyên truyền. Trong không khí rạo rạo đó, với tiềm năng kinh-tế sẵn có, với lực lượng quân sự vào hàng tối tân nhất trong khối mình ước quân sự Varsovie, với một tầng lớp trí thức xuất sắc, Tiệp-khắc hy vọng trở lại thành một nước C.S. tiến bộ nhất, nhân bản nhất, tự do nhất, tiến tới 1 chế độ mà ngay cả nhiều nước Á-phi chưa hề được hưởng.

Thí nghiệm kỳ diệu này đã làm gợn lên những nghi ngờ ngay một tầng gia giữa các nước đồng minh của Tiệp, khởi đầu bằng lời chỉ trích của một lý thuyết gia đảng Xã-hội thống nhất Đông đức (tức đảng CS). Moscú dĩ nhiên bần chôn về những biến chuyển tại Tiệp vô cùng. Hoạt động ngoại giao Nga rất ráo riết: Lãnh tụ các đảng C.S. và chính phủ Nga, Cộng-hòa Dân-chủ Đức (Đông Đức), Balan, Hung, Bảo gặp nhau tại Varsovie (14—15. 7. 68) để trao đổi ý kiến về «tình hình ở nước họ và sự diễn tiến của các biến chuyển tại Tiệp-khắc». Chính

Tiệp thì lại từ chối không tham gia cuộc hội họp này. Các phe tham gia cuộc họp tại Varsovie đồng ý gửi tới tập đoàn lãnh đạo Tiệp đứng đầu là Dubcek một bức thư cảnh cáo Tiệp trước «nguy cơ của phản cách mạng» và «sự đe dọa nền tảng Xã-hội chủ nghĩa tại Tiệp».

Tiệp biết «các nước anh em» rất lo lắng những cải cách dân chủ hóa sẽ lan tràn sang nước họ với những hậu quả khó lường, nhưng vẫn vững tin đi con đường mình đã chọn. Ngày 18-7-68 Chủ-tịch đoàn đảng C.S. Tiệp trong bức thư trả lời đã nhắc tới những khó khăn nội bộ của mình (ý nói tới phản ứng của nhóm giáo điều đang bị đẩy lui trước trào lưu cải cách), nhưng thẳng thắn bác bỏ lý luận của các nước Liên-sô, Đông-đức, Cộng-hòa nhân dân Balan, Hung-gia-lợi cho rằng ở Tiệp «đang nguy cơ trực tiếp đe dọa nền tảng Xã-hội Chủ-nghĩa» và vạch rõ ràng hiện nay tại Tiệp «không có chứng cứ thực tế nào để có thể bảo rằng đang ở tình trạng phản cách mạng» (có phản cách mạng chẳng, chính là phe

giáo điều thể hệ Stalin lúc đó dưới con mắt dân chúng Tiệp!). Tập đoàn lãnh đạo Tiệp nhấn mạnh rằng «không hề xảy ra sự nguy hiểm về việc nước chúng tôi sẽ tách rời khỏi Cộng-đồng Xã-hội chủ nghĩa». Đó là sự thực hiển nhiên vì vị trí địa dư, hoàn cảnh kinh-tế, lịch sử không cho Tiệp bước vào con đường này, ngay cả các quan sát viên không Cộng-Sản, các nhà chính trị học, cũng không bao giờ dự đoán việc đó xảy ra. Tất cả chỉ nhìn ở khuynh hướng cải cách tự do dân-chủ-hóa tại Tiệp một cố gắng của những người C.S. nhiệt tình muốn đem một cố gắng mới làm chủ nghĩa C.S. mang một bộ mặt nhân đạo, cởi mở, phóng khoáng hơn. Dubcek và các lãnh tụ C.S. cải cách cương quyết chống lại việc gặp gỡ lãnh tụ các nước cộng C.S. trong một hội nghị chung để bàn về nước mình mà chỉ chấp thuận gặp gỡ trong những cuộc hội đàm song phương tại chính lãnh thổ Tiệp. Nga lùi một bước và tán thành đề nghị của Tiệp: một cuộc hội đàm song phương giữa các nhân viên Chủ-tịch đoàn đảng C.S. Tiệp và các nhân viên bộ chính

trị Đảng Cộng-sản Liên xô được tổ chức tại Cierna kéo dài từ 29-7 đến 1-8-68.

Tại Hội-ngị này đến lần Tiệp lui một bước bằng cách chấp nhận sẽ họp cùng các lãnh tụ C.S. các nước đã kể vào ngày 3-8-68, nhưng ngay trên lãnh thổ Tiệp, tại Bratislava. Nhưng bộ của Tiệp có thể giải thích được một phần nào vì trong thời gian đó quân đội các trong mình nước Varsovie (mà chính Tiệp là một thành viên) đang thao dượt tại Tiệp không có dấu hiệu muốn rút về! Cuộc gặp gỡ tại Bratislava giữa Nga, Đông Đức Balan, Hung Bảo bàn về «các vấn đề chung của các nước xã-hội chủ-nghĩa, tình hình Á-châu và diễn tiến những việc xảy ra tại Tiệp Khắc» kết thúc êm đẹp, ngay trong ngày 3-8 68 và cũng hôm đó quân đội thao dượt của các nước thuộc khối Varsovie rút khỏi Tiệp khắc. Một thông cáo chung được ký kết, trong đó các nước tham dự tuyên bố sẽ, «cộng tác cùng nhau trên nguyên-tắc bình đẳng, tôn trọng chủ quyền, độc lập của mỗi quốc gia, tôn trọng sự nguyên

vẹn lãnh thổ (mỗi nước) (và trên nguyên tắc) giúp đỡ tương trợ lẫn nhau».

Mỗi người thở ra nhẹ nhõm vì như thế là các nước C.S. mặc nhiên chấp nhận cho Tiệp tiếp tục cuộc thí nghiệm cải cách của mình. Những ai «tinh cảm» hơn sẽ nhớ mãi hình ảnh Dubcek đang mệt mỏi vẫn rưng rờ một nụ cười trước sự reo hò hoang nghênh của dân chúng vì đã bênh vực được đường lối mình theo, và bớt lo sợ pháp phòng đề tin tưởng hơn khi thấy Breschnew ôm chàngng Dubcek hôn đầm thắm!

Mười bảy ngày sau, đêm 20 rạng ngày 21-8-68 quân đội các nước vừa ký kết bản thông cáo chung tại Bratislava vượt qua biên giới vào chiếm đóng Tiệp-krhak. Hãng thông tấn TASS loan tin quyết định này đã được thực hiện do lời yêu cầu của «các nhân vật Đảng và chính quyền nước Cộng-hòa Xã-hội Tiệp-krhak» đến «giúp đỡ khẩn cấp, kể cả giúp đỡ trong hình thức võ trang» để chống lại «âm mưu của các lực lượng phản cách mạng» trong nước họp

lực cùng các lực lượng thù nghịch bên ngoài chống lại chủ nghĩa Xã-hội. «Theo Tass,» quân đội các nước thuộc mình nước Varsovie sẽ rút khỏi Tiệp, khi sự nguy hiểm cho những thành quả của chủ nghĩa xã-hội tại Tiệp-Khắc, sự nguy hiểm cho an ninh của các nước thuộc cộng đồng xã hội chủ nghĩa bị loại bỏ, khi chính quyền hợp pháp Tiệp cho rằng sự tiếp tục đồn trú của các đơn vị quân đội này không cần thiết nữa».

Trước sự can thiệp võ trang của các «nước anh em, quân đội Tiệp được lệnh không chống cự, chủ tịch Svoboda kêu gọi dân chúng bình tĩnh và tuyên bố sự can thiệp này của các nước anh em trái với ý muốn của các cơ cấu hợp pháp (tức Đảng và chính phủ Tiệp Khắc). Trong khi đó Dubcek và 1 số chính trị gia cải cách bị bắt về Nga. Dân chúng Tiệp khởi đầu một cuộc chống đối thụ động có một không hai trong lịch sử Tiệp, đến nỗi đã xảy ra những trường hợp binh lính và sĩ quan Nga tự tử vì thực tế khác hẳn lời của các chính ủy đã dặn bảo họ

lúc lên đường: đến nơi không thấy kẻ thù đe dọa chủ nghĩa xã hội đâu mà chỉ thấy sự chống đối căm hờn của một dân tộc bạn, dần dần họ nhận ra rằng mình không đi giải phóng mà chỉ là một công cụ đàn áp.

Những ngày đầu tiên đã qua mà Nga sò, vai chính trong vụ đàn áp, vẫn không kiểm đầu ra được những người hợp tác để chính nghĩa hóa hành động của các nước xâm lược. Để càng lâu thì bộ mặt đàn áp càng rõ rệt hơn nên họ cố gắng một cách tuyệt vọng tìm một giải pháp tương đối ổn thỏa. Nhờ sự cương quyết một lòng của dân chúng đứng sau lưng các nhà chính trị cải cách để bảo vệ đường lối xã-hội nhân bản, nhờ sự đoàn kết nhất trí của ban chấp hành Trung - ương đảng C.S. Tiệp khắc không cho phe giáo điều bảo thủ có cơ hội lấn át mặc sự nâng đỡ che chở của Nga Sò, Chủ - tịch Svoboda đã sang Nga điều đình đòi thả Dubcek và các đồng chí để họ được tham dự phái đoàn điều đình. Ngày 26-0-68 phái đoàn Tiệp khắc trở về trong sự hân

hoan của dân chúng.

Nhưng những người biết phán đoán thực tại — trong đó có các nhà cải cách Tiệp-khác — hiểu rằng không thể nào trở về được tình trạng trước ngày quân đội các nước khối mình ước Varsovie can thiệp nữa, một khi thể yếu Tiệp-khác đã phải chấp nhận những đòi hỏi cưỡng bách của kẻ mạnh (Hiệp-ước được đóng quân ở Tiệp) để cố cứu vãn một phần những thành quả của cuộc cải cách, ngăn phe giáo đều trở lại nắm bộ máy Đảng và Nhà Nước, để quân đội chiếm đóng sớm rút lui (vì bất cứ ở đâu, trong trường hợp nào sự hiện diện của quân đội ngoại quốc cũng là yếu tố bất lợi!). Địa hạt vẫy vùng của các chính trị gia cải cách ngày một thu hẹp lại, nhiều khi họ phải nén lòng tuôn bỏ những lời mà thâm tâm họ không muốn vì trái hẳn với chủ trương đích thực của mình.

Để đáp lại, những nước chiếm đóng vẫn chưa có một hành động cụ thể nào, trái lại quân đội các nước này vẫn đóng lại mà không hề nhắc tới chuyện

rút khỏi Tiệp. Họ chỉ mong có thêm cơ để ở lại tảo Tiệp, đập tan khuynh hướng tự do dân chủ hóa vừa manh nha có nguy cơ ảnh hưởng sang nước họ và trong khi không khi cải cách. Tiệp chưa lắng trong hẳn, cố tìm một người có thể còn được dân chúng chấp nhận đưa ra thay các nhà cải cách để dọn đường cho phe bảo thủ trở về địa vị cũ.

Dịp thuận tiện đã đến khi trong trận đấu tranh chức vô địch quốc tế về môn chơi Hockey trên tuyết tại Stockholm Tiệp đã thắng Nga. Từ địa hạt thể thao đã nảy sinh những hành động mang màu chính trị; tin chiến thắng «người Anh Cả vĩ đại» nhắc lại rõ rệt hơn thân phận nhỏ bé của địa vị một nước chư hầu bị chiếm đóng và trong lúc bùng bột tập thể, dân chúng Tiệp đã châm lửa đốt trụ sở hàng Hàng-không Nga Aerolot tại công trường Wenzel tại Prague và bầy bỏ thái độ chống Nga tại Prague cũng như tại một thành phố lớn khác là Bratislava nơi đã có cuộc hội họp giữa các nước thuộc khối Varsovie, nói

Breschnew đã ôm Dubcek hôn bằng cái hôn Juda không bao giờ có thể phai nhạt hẳn trong ký ức người dân Tiệp. Thái độ chống Nga đó, theo chủ tịch Svoboda, đã làm hại cho lợi ích của Tiệp và ảnh hưởng không hay đến giao tình với Nga Sô. Nga đã nhân dịp này thay thế Dubcek ngày 17-4-69 bằng Husak trong chức vụ Tổng Thư ký đảng C.S. Tiệp, mà theo ngôn từ chính thức vì «lý do sức khỏe» Dubcek không còn đảm nhận được. Dubcek được đổi sang giữ một chức vị cao nhất về Lập-pháp: Chủ tịch Quốc-hội liên bang, và tạm thời vẫn còn là Ủy-viên trong Chủ-tịch đoàn đảng Cộng-sản.

Tàn Tổng Thư Ký Husak, khuôn mặt rất khó hiểu trên chính trường Tiệp, người đã chịu đau đớn cả thể xác lẫn tinh thần dưới thời Stalin, từng bị gọi là «tên tư sản quốc gia Slovaquie», sau đó được phục hồi danh dự, người được kể vào hạng cải cách nhưng đã nhiều lần lên tiếng chỉ trích Dubcek. Báo chí Việt-Nam gọi Husak là Tiệp gian, nhưng xem

tiêu sử Husak và nhìn vô tư hơn có thể thấy ở Husak nhiều điểm của người ái quốc. Với óc nhận xét sáng suốt của một luật gia (Husak đỗ Tiến-sĩ Luật) và những trải nghiệm thực tế của chính mình cùng hoàn cảnh trên đề dưới búa của Tiệp-khác trong ngõ bi bây giờ, con đường hợp lý nhất trong giai đoạn hiện tại là phải công nhận sự có mặt của Nga và phải cố gắng cứu vãn một phần nhỏ nhất những thành quả của trào lưu cải cách trước những đòi hỏi nhượng bộ lớn nhất của Nga. Biết mình không được dân chúng mến yêu như Dubcek, cho nên soi-sáng bởi lý tính thực hành — Husak đã chọn con đường cứng rắn, nhưng có lẽ là con đường độc nhất ngoài việc tự tử chung toàn thể quốc gia Tiệp-khác. Husak đã muốn áp dụng kỷ luật khắt khe trong nước để gây lại niềm tin tưởng đã mất của Nga, với hy vọng Nga sẽ nới rộng vòng tay kiềm tỏa. Nhưng cũng chính vì thế mà Husak bị nghi ngờ: dân chúng nghi ngờ Husak là con rối, là quân cờ của Nga, Nga thì nghi ngờ Husak chưa cứng

can đủ như Nga muốn và chưa cương quyết loại trừ hẳn những phần tử thuộc phong trào cải cách. Nói cách khác, Husak muốn tránh những lỗi lầm của những nhà cải cách và của cựu chủ tịch Novotny, con đường của Husak là lối đi trung dung, chệnh vech giữa phong trào cải cách và chủ nghĩa giáo điều, giữa đồng bào cô thế của mình và người bạn đồng minh vĩ đại sẵn sàng dùng bạo lực.

Nếu ta có thể nói đến một bi kịch Dubcek thì ta cũng không ngần ngại gì mà không nói tới một bi kịch Husak. Vì cho đến bây giờ Husak vẫn không thành công nếu không muốn nói là thất bại nặng nề.

Dưới quyền lãnh đạo của Husak, nhà nước chưa xác định được một chính sách kinh tế rõ rệt, trong khi kinh tế lâm vào tình trạng trầm trọng hơn trước ngày Tiệp bị xâm lăng. Thọ thuyên, giai cấp nông cấy của chế độ Cộng-sản, không thiết làm việc. Đồng Krone Tiệp (Kcq) bị hạ giá bằng nửa, tin đồn lạm phát loan truyền. Bao

chỉ bị kiểm duyệt trở lại, các báo có khuynh hướng cải cách như Rephrter, Lirty, Politika lợt bị đóng cửa. Thái độ chống Nga của dân chúng không hề giảm bớt, bằng chứng là khoảng 1/2 tháng trước ngày kỷ niệm một năm các nước C.S. xâm chiếm Tiệp, công nhân tại xưởng Avia ở Prague — Letvany đã ném đá và xỉ vả một phái đoàn Nga thăm viếng và nhiều nơi khẩu hiệu «Ivan ga home» vẫn được kẻ trên tường. Thanh niên, sinh viên, trí thức, các nhà làm văn hóa đứng đưng vờn chế độ. Một trong những ước mong tha thiết của Husak là lấy lại được lòng tin tưởng của Nga sô và các đồng minh đa nghị để họ sớm rút quân về, nhưng điều này vẫn chưa biết bao giờ họ mới chịu thực hiện ! Phe bảo

REGAST .T

TRỊ CÁC CHỪNG ĐAU
BAO TỬ. Bào chế theo
công thức Hòa.Lan

thủ đo áp lực của Nga dần dần trở lại trong bộ máy nhà nước và đảng. Ngày 21-8-69 kỷ niệm 1 năm chiếm đóng của quân đội khối Varsovie có tin đồn là phe này cho người sách động dân chúng gây bạo lực để Nga sô có cơ loại bỏ Husak cho họ ra nắm quyền lãnh đạo Tiệp-khắc. Indra và Bilak đã chực sẵn, một khi cần quyền họ sẽ tuyên bố luật chiến tranh và mở đầu một cuộc thanh trừng đại qui mô.

Nhưng dù nhóm này có không ra cầm quyền thì chính sách của Husak hiện nay cũng bị bó buộc tiến dần về hướng đó. Nhiều vụ tự phê bình của các nhà chính trị cải cách đã xảy ra như trường hợp Cesium hạ tuần tháng 9 trong một bức thư gửi cho tờ báo (Tribuna) của nhóm bảo thủ. Tự phê bình đối với Nga là một (truyền thống quốc gia) (trong các bi kịch của Tolstoi đã có những cảnh kẻ có tội phải quỳ xuống trước dân làng và tự kể tội !) nên Nga sô bây giờ cũng đòi hỏi điềm đó các nhà chính trị Tiệp. Chỉ có

Dubcek là từ chối tự phê bình nhưng mới đây đã bị loại khỏi các chức vụ tượng trưng cao cấp, cũng như chức vụ có thực quyền). Gần đây nhất chính phủ Tiệp-khắc của Thủ-tướng Cernik — không còn cải cách ! đã rút lại lời tuyên bố ngày 22-8-68 của chính phủ Cernik — thời còn cải cách — kết án cuộc xâm lăng Tiệp là tuyên bố năm ngoai đã bị bợn (phản mạng) tức phe cải cách Dubcek (lúc đó còn gồm tư tamik dùng căn bản hợp pháp cho những hành động phi pháp ! Ủy-ban Trung-ương đảng Cộng-sản Tiệp cũng mới (tự kiểm thảo) nhấn mạnh rằng cuộc can thiệp vô trang 21-8, (không hề là 1 vụ xâm lăng chống dân Tiệp, chiếm lãnh thổ Tiệp, cũng không phải

MIDOL

TRỊ CÁC CHỪNG
ĐAU NHÚT, CẢM CÚM

là sự đàn áp tự do và trật tự xã hội chủ nghĩa trong nước chúng ta) mà thực ra là một thái độ thân hữu (để bảo vệ lợi ích của chủ nghĩa xã hội. Tiệp khắc chống lại những lực lượng hữu khuynh thù nghịch chủ nghĩa xã hội, những lực lượng phản cách mạng, và vì lợi ích an ninh chung của khối xã hội, của giai cấp thợ thuyền trong phong trào cộng-sản quốc tế !

Tài biến hóa ngôn ngữ của những nhà đạo diễn Liên xô thật có một trên đời ! Dù sao thì lịch sử vẫn còn đó, hay nếu Nga có khả năng viết lại lịch sử nhiều lần theo ý họ như đã từng làm thì vẫn còn (bìa miệng) truyền sự thực đến mai hậu. Trên 50 năm sau cách mạng tháng 10, qua những vụ biến động ở Hung-giá-Lợi, Balan, Đông Đức, Nga vẫn chỉ đi trên những nẻo đường mòn và khiếp sợ ánh sáng của những chân mới. Cuộc can thiệp thô bạo vào Tiệp-khắc của họ là một lỗi lầm, nên ngoại giao Nga phải cần một thời gian khá lâu mới có thể lấy lại được uy tín cho

Nga trên trường quốc tế, nhất là đối với các dân tộc nhược tiểu và thế giới thứ ba. Nga đã làm mất ở Tiệp khắc một dân tộc thân hữu, khi muốn cứu vãn 1 chế độ. Tinh thần của lý thuyết Breschnew chỉ muốn thay thế sự hợp tác giữa các nước trong khối C.S. bằng bạo lực và không muốn có những đồng minh bình đẳng mà chỉ chấp nhận những nước chư hầu.

Việc thanh trừng Dnbek theo chính sách của Nga là cái mốc chấm dứt phong trào cải cách dân chủ hóa tại Tiệp khắc. Với vụ xử án tướng Wazlav Prehlic (người đã đòi quyền bình đẳng quân sự giữa các nước trong khối (Varsovie người ta chờ đợi màn chót của tấn bi kịch. Tiệp khắc đang trở về tình trạng trước khi bắt đầu cải cách. và bây giờ chỉ còn thiếu có Novotny !

4-10-1969

NGUYỄN-KHẮC TIẾN-TÙNG
(Mumich, Tây Đức)



PHỔ-THÔNG — 246

NGẢI VÀ BÙA YÊU

●●● VUY-UYÊN

Tại sao lại có Ngải, bùa mê hay bùa yêu và các thứ bùa khác... Vậy nó là cái gì, và ở đâu ra. Ai sáng lập ra nó và từ đâu đến... Ôi ! thật là mơ hồ, thật hoang đường, như vậy, không ai có thể giải đáp nổi ? ? ?

THẬT ra Ngải hay bùa nó đã có từ lâu, có lẽ từ đời thượng cổ, khi con người còn trong thời kỳ «*ăn lông ở lỗ*». Phải chăng bùa, ngải này được dùng thay cho vũ khí rất lợi hại để chống lại những cảnh vật thiên nhiên và huyền bí, hay chống các ma quỷ cùng thú dữ. Nhưng ngày nay ta chỉ được nghe qua bùa, ngải rất ít và hiếm, có lẽ nó quá thâm hiểm cho nên sự truyền lại rất ít vì nó không được phổ biến, lý do là người biết thường dấu kín, họ chẳng chỉ truyền lại cho con cái mà thôi. Còn con cái tuyệt đối cũng không được truyền cho ai ngoại

trừ người trong gia đình và họ hàng. Vì vậy ta không biết là lẽ thường và không ngạc nhiên cho lắm.

Những người biết bùa, ngải này phần nhiều là thổ dân sống trên miền đồi núi hoang vu như Thượng. Thổ, Chàm, Miên và nhiều giống người khác nữa... Nhưng ngày nay, người Việt cũng có biết chút ít. Họ dùng bùa, ngải để chữa bệnh cũng có, để trừ ma, quỷ, hay để phòng thân, hoặc để đoán biết về quá khứ, tương lai và hiện tại. Như ta được biết, các thầy bói danh tiếng là «*rờ mù rừu hay*» phần nhiều họ dùng

PHỔ-THÔNG — 246

99

bùa ngải. nếu không tại sao họ có thể biết được *nốt ruồi* ở trong mình, hay *tên họ* và *ngày sanh tháng đẻ* của người khác, mặc dù họ không hỏi tới mà họ vẫn biết như thường. Cũng như họ dùng ngải để chữa các bệnh *phong tê thấp*, phần nhiều ta thấy ở các lễ đường hằng ngày ở Sài Gòn cũng như Chợ Lớn và các tỉnh khác. (như họ đổ chất nước vàng vàng lên chỗ đau, thì máu thâm đen sẽ chảy ra) nước đó chính là củ ngải luyện lâu năm có thể chữa nhiều thứ bệnh... mà ngày nay các loại thuốc Tây âu không thể chữa trị tuyệt được hết các chứng bệnh đó.

Nói về ngải, sự thực có nhiều thứ ngải, như ngải bằng củ, bằng các lá cây, hay những loại cây cỏ. Có một thứ ngải giống như rau họ loại này rất độc, khi chạm tới thì sẽ bị ngải ăn lần mòn như bị cùi, có khi còn ghê tởm hơn cùi nữa là đằng khác. Khi mắc phải thì không có thuốc nào trị nổi, ngoại trừ người nuôi ngải mới có thể khắc phục được nó thôi. Tuy nhiên, ngải có thể phản chủ khi người nuôi ngải không giữ

được đàn hoàng, cũng có thể chết về ngải của mình, người ta nuôi ngải loại như lá họ, bả g cách cho nó ăn gà. Đến thời kỳ, người ta bắt con gà bỏ vào trong lá ngải, chỉ một thời gian sau con gà sẽ biến mất còn trở lại bộ xương khô, loại ngải này chẳng khác nào loại cây ăn thịt như ở rừng Phi Châu vậy. Nói tóm lại ngải cũng có thứ có lợi và có hại, Vì vậy người ta lấy ngải để làm hại người, như làm cho điên, dại, làm cho chết dở, sống dở, phần nhiều ta thấy các cuộc thù ghét v.v... Người ta bỏ ngải vào người đó, kết quả khó lường được.

Ngải cũng là một thứ bùa phép hộ mệnh rất linh thiêng như khi đi trận, ta tránh được các súng đạn, ngoại trừ bom hay chất nổ như lựu đạn thì không kể tới... Tôi được

TELMIN
TRỊ CÁC LOẠI LÃI
THOM * NGON * NGOT

trục kích một vụ hai người đầu có ngải hộ mệnh đã thử nhau, họ đứng khoảng cách không đầy năm thước, rồi họ lấy súng bắn vào nhau mà không chết, tuy nhiên áo quần của họ tách tả tơi vì đầu đạn xuyên qua đã cháy xém nhiều chỗ; nhưng da thịt họ vẫn như không; cũng có khi họ lấy dao đâm, mà thịt không lủng như thế biết gông vậy.

Nghe đầu xác cô Năm (nhiều người đồn đãi, hiện cô đang ở tại Sài Gòn) đã cầm dao mổ những chỗ bị đau, (như đóng một cục máu thâm đọng ở trong thịt mà các bác sĩ điều trị không hết). Cô đào khoét lấy máu hư đó ra rồi lấy bàn tay xoa lại thì thịt da lại lành như xưa không có vết sẹo gì cả, mà người bệnh đó cũng không cảm thấy đau đớn gì. Những người bệnh lâu năm chữa thuốc không khỏi, đến khi xác cô Năm chữa thì dứt tuyệt, há chẳng phải cổ đã dùng ngải để chữa bệnh nan y hay sao? Cũng có ngải để ướp xác chết được hai ba năm mà không thối nát, thịt vẫn tươi tốt hồng hào như một người đang ngủ say trong

giấc ngủ vô tưởng tượng.

Còn về bùa thì cũng nhiều loại lắm, có loại dữ và loại hiền. Bùa phần nhiều là câu thần chú. Người có bùa luôn luôn phải kiêng cử rất phức tạp nghĩa là những đời dư, hành, tội v.v... là không được ăn, tuyệt đối là không chui qua dây phơi quần áo và nhất là quần của đàn bà thì rất kỵ, nếu không bùa sẽ hết linh nghiệm.

Bùa chỉ là thứ bùa thường làm cho người ta đau khổ không ít, chỉ trừ người bỏ bùa, tay người biết căn bùa đó mới giải được thôi. Sau đây tôi xin kể trường hợp bạn tôi bị mắc phải bùa của một cô gái Miền.

● Phải, cách đây không lâu lắm khoảng chừng ba năm thôi, hôm đó các bạn tôi đổ nhau ai mà «cua» được cô gái Miền học cùng trường sẽ được các bạn khao một bữa và tôn lên người hùng tán gái. Không hiểu sao anh bạn thân của tôi nổi hứng đem khoa tán gái ra. Kết cuộc cậu được cô nàng Miền, tên của nàng là Stlan. Thế là tình yêu chớm nở thực sự, nàng yêu anh

bạn tôi say đắm và đã nằm gọn trong lòng tay của anh bạn tôi một cách ngoan ngoãn, nhưng anh bạn tôi nào có yêu nàng, tán nàng cốt dành phần thắng về cuộc đố đớ mà thôi, thế rồi bạn tôi dứt bỏ nàng Stlan đi «cua» nàng khác. Thì hồi ôi, anh bạn tôi ngã lăn ra đau khắp mình mẩy có chỗ sưng u lên, chạy chữa thuốc bao nhiêu không khỏi, rồi đi chiếu điện, lạ thay trong chỗ sưng đó lại có một nắm tóc và ít mảnh chai, nhưng khi đem lên bàn mổ xẻ ra thì không thấy gì cả, đến hồi chiếu lại vẫn thấy y nguyên. Biết là bị bỏ bùa, anh bạn tôi đã lo chạy các tay bùa, ngãi danh tiếng để giải nhưng không kết quả. Thôi thì đành quay trở lại với nàng Miên Stlan, chấp nối lại mối tình xưa, thì huyên bí thay căn bệnh dứt hẳn như uống phải thuốc tiên, thế là âu cũng số trời đã định sau một cuộc cá vờ tư của tụi học trò quí sứ. Bây giờ anh bạn tôi đang sống với cô nàng Miên, nay đã gần một con rươi rồi còn gì, mặc dù nàng không đẹp nhưng không đến nỗi tệ

lắm. Có hôm chúng tôi đem chuyện này kể cho cô nàng nghe, thì nàng mỉm cười đáp lại rằng «nếu không có các anh thì làm sao tôi lấy được chồng người Việt Nam», trong khi đó anh bạn của tôi chỉ khe khẽ lắc đầu... Nhắc lại chuyện này tôi cảm thấy sờ sờ trong lòng làm sao. Bùa của mấy ông thầy cúng, thầy mo, thầy phủ thủy thì rất tai hại. Họ niệm chú để bắt tà ma và bắt áu làm cho loài ma, quỷ không thể hoành hành được nữa. Trong khi cúng họ cần những miếng sắt được nung đỏ, hay cày, hoặc đâm lên mà họ chẳng sao, chân tay họ vẫn nhưng thường. Cũng có khi họ nhai và nuốt vào bụng những mảnh chai sắc bén, có khi nuốt cả những cây kim,

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chích PENICILLINE-G.

họ không biết kim đó đã bị rỉ sét, nếu đâm vào ruột sẽ chết như bôn chứ chẳng không, còn ghê hơn nữa là họ lấy cây kim xuyên qua má bên này rồi lòi phía má bên kia mà máu vẫn không chảy. Lắm lúc họ uống máu dê thề thốt, thì họ chỉ cần lấy sợi chỉ đặt lên cánh tay rồi niệm thần chú, máu sẽ chảy từng giọt theo đường chỉ (chứ không cần lấy đao cắt) xuống ly.

Về bùa yêu thường làm cho người ta say mê, còn bùa mê cũng vậy, khi ai mắc phải khó mà dứt cho được. Bùa mê chỉ được xử dụng khi mình để ý đến ai hay đã thương người đó mà người đó không ngó ngang gì tới mình, có khi ghét cũng có : khi mắc phải bùa yêu rồi. Mặc dù ghét cũng trở thành thương yêu rất đậm đà, một ngày không trông thấy nhau có thể chết được, chẳng khác nào như bị trong tư.

Xin nhắc lại các bạn gái cũng như các bạn trai hãy coi chừng mắc phải bùa yêu đấy nhé, nếu mắc phải thì khỏi nói, sẽ biết ra sao. Nhất là ở Saigon này dễ bỏ bùa lắm. Khi một người con trai

muốn bỏ bùa cho người con gái mà mình để ý, thì chỉ cần đọc câu thần chú rồi khe vuốt nhẹ mái tóc người đẹp một cái, hay nắm lấy đôi bàn tay xinh xắn của nàng, hoặc mời nàng ăn quà, uống nước. Thế là nàng sẽ ngã vào lòng ngay không cần đem những lời ong bướm ra tán khô cả cuống họng. Khi muốn vuốt tóc người đẹp rất dễ, nhất là ngồi xe lam chỉ có nước đưa tay ra đằng sau là vuốt được rồi, có thể vuốt tới hàng trăm cái cũng được. Còn vấn đề cho ăn bùa cũng rất dễ nữa, vì mấy cô hay vào hiệu ăn kem hay ăn chè, thì chỉ cần bỏ ít ngãi hay bùa vào đó, các nàng sẽ dính như đĩa dói ngay. Còn một diêm nữa là chỉ cần cầm vật áo của người đẹp mà mân mê đôi ba lần thì cũng đủ, vì ngày nay thì rất dễ, nhất là đi xe ngồi bên cạnh nhau người sát người, đôi kẻ đôi thì còn gì hơn — ngày xưa thì khó thật, vì «*Nam nữ thọ thọ bất thân*», nên lắm lúc muốn bỏ bùa là cả vấn đề nan giải, chỉ có cách là nhờ người ta bỏ dùm mà thôi.

Tôi chỉ nêu lên một ít diêm để

các bạn biết sự lợi hại của *bùa mê thuốc lú*, các bạn đã thấy sợ chưa? Nếu các bạn biết câu thần chú thì các bạn làm thử coi sẽ hiệu nghiệm ngay tức khắc, lúc đó bạn tha hồ có khối người yêu chạy tò tèo theo sau để xin tình yêu bỏ thừa của bạn. Cách bỏ bùa này không riêng gì các chàng trai mà các nàng bỏ cũng được... xin mời các bạn thử làm một lần xem sao...

Nhưng lại có bùa làm cho người ta chán ghét nhau, hoặc bỏ nhau, phải nhiều người ta xử dụng vào lúc người chồng hay người vợ ngoại tình, khi có vợ nhỏ (vợ bé) người ta sẽ bỏ bùa ghét chán chê vào vợ lớn để cho vợ lớn ghét chồng mà xua đuổi chồng, còn vợ nhỏ thì sẽ bỏ bùa yêu vào chồng, cho chồng yêu thương mình thêm... ngược lại vợ lớn bỏ bùa yêu cho chồng còn bùa ghét chán cho vợ nhỏ để cho chồng chán ghét mà quay về với mình. Vấn đề này phần nhiều xảy ra hàng ngày như cơm bữa.

Nhưng còn bùa để mà vui chơi, chọc ghẹo thì rất hiếm, như biến hóa thành nhiều thứ như dây nịt

hành con rắn để dọa người chơi. Khi vào trong tiệm uống nước hay trong bữa nhậu, các tay bùa sẽ hóa phép làm cho các chén, đĩa, tô, ly nước nhảy múa trên bàn có thể đuổi bắt nhau, mà nước, thức nhậu không đổ, họ làm vậy cốt để mua vui và để lé mắt thiên hạ chơi cho biết mặt, đừng tưởng bỏ các anh người Mán lần đầu trong rừng mới ra tỉnh. Còn nhiều bùa, ngãi lắm nhưng tôi chưa thể kể hết ra đây một lúc, vậy xin hẹn gặp các bạn ở các kỳ sau. Và một lần nữa, mời các bạn đón đọc về «*Người tàn hình*» có phải là huyền bí không, vì khoa học chưa được chứng minh?

VUY-UYÊN



ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỄN

PHỒ-THÔNG — 246



tình qua lớp học đêm

*đêm đêm khóc, ko thân đời hoang dã
đêm va đêm ta uống cả hồn em
tình đã chín hoa ơi lòng chưa thỏa
ta vẫn mơ hoa trong giấc mộng thăm*

*ngày mở hương rong chơi miền u-uẩn
đi lang hoài nay ta vẫn nghèo xơ
với bóng hoa lớp đêm tan mù mẫn
đam mê rồi ta thầm khóc trong mơ*

*em cứ đến và đi ta tiếc nhớ
mùa hạ buồn trong chặng phố nao nao
kỷ niệm học trò xanh xao bé nhỏ
mây trắng lưng trời ta vẫn ước ao...*

*xứ huế hôm nay ta nhìn ngơ ngác
dòng hương đời buông mặt nước xanh xanh
em cứ đến dù mong manh mờ ảo
cho hồn ta được tắm áo thiên thanh*

*màu áo thiên thanh, trong chiều lớp học
gió lùa qua phủ má tóc hãy hãy
mắt sáng quá — ta nhìn em muốn khóc
ta sợ rằng rồi em sẽ xa bay...*

NGÔ CANG
(huê)



ĐỌC SÁCH

Một người đi xa mới về

●●● LAN-ĐÌNH

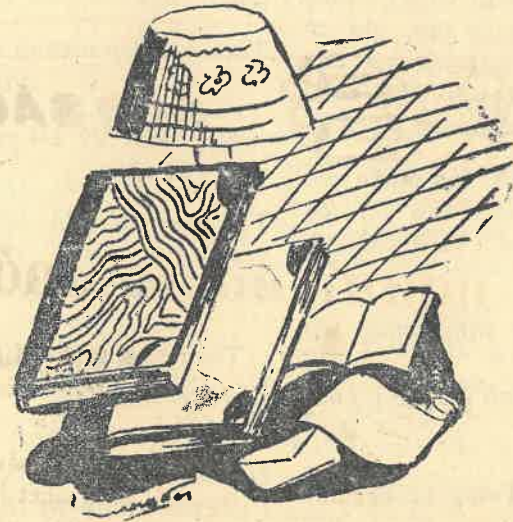
NGẮM nghĩa ngoài bìa «Sầu ở lại» (1) đề danh Tạ Ký, tôi đã thú vị thêm cả chút trịnh-trọng. Tôi vẫn có cảm giác này vào những lần chợt gặp lại một ai của những năm 1950 không hiểu sao đã bỏ đi. Có lẽ, tôi đoán, họ không thể hòa đồng được với xã hội văn nghệ bây giờ. Tôi muốn nói tự họ không vào cuộc chứ không phải không theo kịp (mười mấy năm, so với một sự nghiệp sáng tác, thì mới đây thôi). Chẳng hạn, xã hội văn nghệ bây giờ đến lắm... «cậu chó»,

giai cấp độc giả hầu như đã thay đổi hẳn, «chết hết» những Tố Tâm điền vào những poulespayantes !

Tôi nhớ Tạ ký đã đạt đúng kích thước thi-sĩ lâu rồi. Từ những năm 1950. Kề đã là kỳ cựu. Có thể nói tên anh là một sự kiện bảo đảm. Hình như tôi đã biết anh, lần đầu, ở «Hạ» :

*Vàng dăng ngập cả mái mơ
xưa*

(1) Quế Sơn xuất bản, 1970, Đẹp.



*Chim gáy lê thê rộn khóm
dừa* thường» trong «Sầu ở lại». Chứ không phải lỗi Tạ Ký.

.....
Ý niệm «kỳ cựu» đã làm tôi trở thành kỳ vọng vào «Sầu ở lại». Chẳng hạn, kỳ vọng một kẻ sau bao nhiêu năm *gối đầu trang sử cũ*, xây chí lớn kỳ vọng «một người về từ đỉnh núi» làm nên chuyện phi thường. Lỗi ở tôi đã quá cầu toàn, mơ mộng, đề không tìm thấy «chí lớn» và «chuyện phi

Tôi sực nhớ sáng hôm 13-10-1969, ngồi xem các ông Bàng-bá-Lân, Nguyễn-Vỹ, Vũ-hoàng-Chương, và Thanh-tâm-Thuyền chọn thơ cho giải Văn Học Nghệ Thuật 1967-69.

Ban đầu tranh luận, bỏ thăm, ai cũng... cầu toàn. Nhưng rút cục cả hội đồng, từ tiêu chuẩn tuyệt đối, đã tụt xuống trọng đối, và gặp

nhau ở câu nói, đại ý : Thông thường, một tập thơ chỉ có một bài thơ hay, một bài thơ chỉ có một câu hay. Thế thôi, cũng đủ làm nên một thi sĩ.

Nếu vậy, tôi còn muốn nói thêm : một câu thơ chỉ có một chữ hay. Ví dụ, Quách Thoại :

*Có sao trăng sáng ngoài kia
nhỉ
Làm động tình tôi giữa buổi
đêm*

(Trăng Thiếu Phụ)

Chữ «buổi» đã làm tôi bực mình không chịu được, «quê» hẳn cả một câu... tầm thường ! Tuy vậy, tôi nhớ «Trăng Thiếu Phụ» cũng là một bài thơ đã làm nên Quách Thoại.

Ngẫm nghĩ, tôi thấy quả thật mình chỉ nhớ Nguyễn Bính nhất ở câu : *Tôi buồn không biết làm sao tôi buồn.* Thì, tôi cho rằng, giá trị của một thi sĩ, trước hết phải là «giá trị truyền tụng». Chẳng hạn, bài Ngập Ngừng của Hồ

Zéch, câu :

*Tình chỉ đẹp những khi còn
đang dở...*

Đây Thôn Vỹ Dạ của Hàn Mặc-Từ, câu :

*Thuyền ai đậu bến sông
trăng đó,
Có chở trăng về kịp tối nay?*

Tương tự, tôi đã tán phục Huy Cận bài Buồn Đêm Mưa, và 2 câu :

*Đồn xa quần quai bóng cò
Phát phơ buồn tự thời xưa
thời về.
của bài Chiều Xưa,*

Lưu-trọng-Lưu, 2 bài Tiếng Thu và văn thơ Sầu Rụng.

Vâng. «giá trị truyền tụng» đối với tôi : Mười Hai Tháng Sáu và Bài Ca Sông Dịch là Vũ-hoàng-Chương. Đôi Mắt Người Sơn Tây và kẻ ở là Quang-Dũng. Xuân Ca là Thanh-tâm-Tuyền :

*Yêu nhau không dám ngó
trời*

*Trời xanh, mây trắng, xuân
đời bỏ hoang*

(Dĩ nhiên, cũng có thể là một cửa sổ, hai cửa sổ, ba cửa sổ,...)

Về Tạ-Kỳ, bằng Sầu ở Lại, tôi nghĩ «Giá trị truyền tụng» của anh phải là những trường hợp như :

*Trời mùa đông rùng rợn
Đời mùa đông vô cùng
(Anh cho Em Mùa Xuân)*

*Tôi từng nghe chó sủa suốt
đêm thâu,
Và chim hót suốt mùa đông
lạnh lẽo
(Thêm Buồn)*

*Chàng trai trẻ mơ phương
hoàng sẽ gây,
Thời hoàng kim cửa mở
suốt năm canh,
(Chuyện Buồn)*

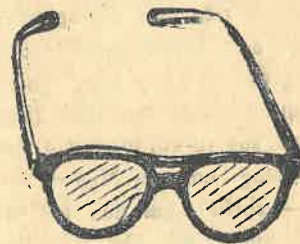
*Nghiêng mái tóc soi trên
dòng mắt nhỏ,
Kẻ thư sinh gối đầu trang
sử cũ,
(Câu Chuyện Mười Năm)*

Tôi cũng đã cảm khái với Tạ Kỳ, về một thời *giày vỏ*

xe hơi mòn gót liền khu cái ngày khởi chiến, những «Đoàn quân Văn Hoa» và những «nhà thơ giết giặc», hăm hở dân thân. (Tôi đã từng định nghĩa cảm khái này là sinh khí văn nghệ, để phân biệt giữa văn nghệ có hồn và văn nghệ mất máu).

Tựu trung, khái niệm của tôi về Tạ Kỳ là vóc dáng khó quên, và lối quên lại nhớ ra ngay. Nhưng nếu ai hỏi một kết luận cho «Sầu ở lại», tôi sẽ mượn câu nói của Franz Kafka (trong bản Pháp ngữ «Préparatif de Noce à la Campagne») rằng :

Croire au Progrès ne veut pas dire qu'un progrès s'est déjà produit. Cela ne serait pas une Croyance.





Tình yêu mùa phượng

● THỤY-NHÂN

TRINH bừng mắt dậy trong hốt hoảng bởi tiếng rú của đoàn công voa dưới đường nhựa, nhìn đồng hồ đã tám giờ hơn, ánh nắng chập chờn xuyên qua khung cửa sổ in trên màn những bóng lá mờ ảo. Trinh bước xuống giường đầu óc rung rung nhưc. Hậu quả của một đêm thao thức với bao suy tư rối loạn của tâm hồn. Tiếng nói của Nga — bạn nàng — chiều hôm qua khi đi xem kết quả về như còn vang bên

tại «Trinh ơi ! bỏ đậu rồi. Nga cũng đậu nữa, trời ơi, lớp Đệ I của mình năm nay đậu nhiều ghê à ! Mà anh chàng Nguyễn học khá lại rớt cả các cậu...» Trinh đứng như chôn chân ở ngưỡng cửa không còn nghe thấy gì về những lời kể lẽ dài dòng của Nga nữa. Nỗi vui sướng cao độ làm nàng nghẹn ngào và nỗi đau buồn cũng làm nàng chết lặng Trời ơi ! Nguyễn rớt ! Trinh đậu ! Sự thật sao quá tàn nhẫn. Hai mái đầu xanh đã bao nhiêu năm sống

trong mỗi tình học trò vô cùng tha thiết êm đẹp, thế mà nay năm học cuối cùng ở trường Trung-Học lại kết thúc một cách quá đau buồn. Nguyễn ơi ! đã bao nhiêu lần em cầu nguyện cho anh, cho chúng mình, thế mà định mệnh đã phủ nhận tất cả và đặt em trong một hoàn cảnh hết sức khó khăn không biết xử sự ra sao. Đến thăm anh sợ khơi lại chuyện buồn cho anh còn không đến thì tình chúng mình sẽ ra sao. Không thể được ! Không thể được... Trinh nói to lên và ràn rụa nước mắt.

— Gì thế Trinh ?

Trinh giật mình quay lại. Anh Tân đã đến bên cạnh : — Sao hôm nay dậy muộn quá vậy cô ? Người lớn rồi nghe, ở nhà mình thì được chứ mai một về nhà người ta họ mắng vốn cho ! Nói xong anh cười lên khảnh khảnh.

Ahh Tân thật vui tính, lúc nào cũng cười đùa nhà có anh nhộn nhạo lên. Tuy cuộc sống của anh rất cực nhọc vất vả ngày làm ở sở, tối về kiếm việc làm thêm để giúp mẹ nuôi bốn đứa em ăn học.

Anh Tân cầm nón bước ra : — Thôi anh đi làm à mẹ gọi em ở ngoài trước đây ! Trinh bình thần bước ra ngoài cố giữ vẻ mặt tự nhiên.

— Thưa má gọi con.

Mẹ Trinh ngồi trên ghế nhai trầu vội quay lại : — Ừ, con có đau không mà dậy trễ quá vậy Trinh.

— Dạ không, hôm nay con hơi nhức đầu thôi. Anh Tân dắt xe đã đến cửa còn quay lại : — Trinh thi đậu, nó mừng quá ngu không được nên nhức đầu đó má à !

Trinh nhủ thầm : Anh chỉ nói đúng một phần kết quả là ngu không được nhưng nguyên nhân chẳng phải là mừng.

Mẹ Trinh cười lên thành tiếng :

— Phải, con ngu không được, nhưng Trinh à con sẽ còn nhiều đêm không ngủ không được nữa nếu con nghe cái tin vui vậy.

Trinh tròn mắt ngạc nhiên : — Tin vui gì vậy má. Má trúng số hay là anh Tân có vợ ?

— Không, những chuyện đó nếu có cũng không vui bằng chuyện này là chuyện của con.

— Chuyện của con ?

— Phải, con biết ông Thành không ? Chủ xuất nhập cảng có tiệm buôn ở Chợ Lớn đó ! Ông Thành nhờ người đến xin cưới con và hôm nay thì má trả lời lời dứt khoát với người ta đó ! Trinh kêu lên :

— Trời ơi ! Ông Thành lớn hơn con mười mấy 20 tuổi mà hỏi con cái gì ? Vậy sao má không trả lời với người ta là không được cho rồi.

— Trinh ! con không biết nên nói từ chối, nếu con bằng lòng thì chẳng những con được sung sướng vì ông Thành hứa sẽ giúp vốn cho anh Tân con làm ăn, gia đình mình có cơ hội phát đạt, các em con có thể ăn học đến nơi đến chốn.

Trinh rưng rưng nước mắt :

— Đành vậy nhưng con vừa thì đậu má để cho con vào Đại

học vài ba năm con sẽ làm việc giúp các em con ăn học không đũa nổi phải nhờ cậy người khác.

— Tiền đâu con đi học ? các em con ngày càng lớn, chi tiêu càng nhiều. Gia đình mãi thiếu hụt anh Tân con gánh vác sao hết ?

— Nhưng con không thương yêu được ông ấy.

— Thì ngày xưa má có thương yêu ba con trước đây. về sống với nhau mới thương yêu được chứ, nhất là vật chất đầy đủ sung sướng mới có hạnh phúc con à, con không thấy chung quanh mình bao nhiêu gia đình thiếu hạnh phúc chỉ vì túng thiếu đấy sao ?

Bà cao giọng đánh thêm đòn tâm lý :

Thôi má nói cạn lời rồi. Con nghĩ kỹ đi rồi trả lời ngay cho má biết. Nếu con còn biết thương má thương anh Tân con và nghĩ đến các em thì con không từ chối...

Trinh ôm đầu gục xuống bàn.

Bao nhiêu chuyện trái lòng lại dồn dập đến với nàng Nguyễn ơi ! Em phải làm gì trước bao nhiêu lối rẽ của cuộc đời mà lối rẽ nào cũng mang lại cho em ít nhiều đau đớn.

Trinh lau nước mắt vào trong nói với mẹ :

— Thưa má, chuyện đó má để con nghĩ lại đã giờ má cho phép con lại chị Nga có chút chuyện cần.

Mẹ Trinh cau mặt lộ vẻ bất bình :

— Má đã nói cạn kẻ rồi còn suy nghĩ nữa. Nhưng thôi, được con có đi thì đi nhớ về sớm...

Trinh bước lên phòng, qua tủ kính bóng nàng hiện ra buồn thâm lạ lùng.

Ra đến đường, Trinh đón xe buýt lại nhà Nguyễn. Ngồi tựa cửa xe thẩn thờ nhìn ra đường phố như kẻ vô hồn... Vài cô bạn cùng lớp không biết đã lên từ trạm nào riu riu gọi Trinh, trông họ tươi như buổi bình minh.

— Trinh đi đâu đấy ! năm nay định học gì ? ghi tên ở đâu chưa ? thi cái gì chưa ?

Trinh gượng cười gạt dần :

— Học chứ ! À mình cũng chưa biết học gì..

— Ủa ! Sao Trinh trông buồn vậy ? Đau hả Trinh ?

— Mình đau... Thốt xong nước mắt chực trào ra Trinh quay mặt đứng yên. Thôi, mình xuống, đến trạm kia rồi.

Buổi trưa con đường vào nhà Nguyễn lặng lẽ vô cùng nắng bốc lên cao nhảy múa trước mắt Trinh, gần đến cổng Trinh ngập ngừng dừng lại đắn đo suy nghĩ gặp Nguyễn làm gì trong giờ phút này ? Nói với Nguyễn lời nói nào để khỏi đau đớn cho nhau ? Nhưng dù sao cũng phải gặp Nguyễn. Trinh bước đi chậm chậm cố đè nén cho lòng thôi thốn thức. Một người con gái lướt qua mặt Trinh. Trinh vội kêu lên : Thảo ! Thảo đi đâu về đấy ? — Người con gái quay lại : — Kia chị Trinh, em đi

học về chị ạ ! Chị đi đâu đấy ?

— Chị đến nhà Thảo đây. Vào nhà nhìn quanh không thấy Nguyễn đâu. Trinh ngập ngừng : Thế anh Nguyễn có nhà không Thảo ? Gương mặt Thảo đậm buồn : — Anh Nguyễn em thật kém may mắn, thi rớt anh buồn ghê lắm ! Anh mới đi hồi sớm mai này.



— Đi đâu vậy Thảo...

— Vào Thủ Đức chị ạ ! Anh

ấy có để lại cho chị một phong thư, em định mang lại cho chị nhưng anh ấy không cho, bảo nếu chị đến thì đưa thư còn chị không đến thì thôi...

Sự việc xảy ra quá bất ngờ khiến Trinh nghẹn ngào không thốt được một lời thăm hỏi nữa nàng đứng dậy cầm phong thư.

— Thôi ! Chị về nha Thảo...

Những giọng lệ được dịp tuôn trào ngập đôi gò má. Về đến cổng nhà, nhìn thấy mẹ và anh Tân đang ngồi nhà trước biết không thể nào dọn ngay một gương mặt tự nhiên Trinh vội lảo sang bên hông nhà, vào cửa sau, thẳng lên phòng nằm úp mặt vào gối mệt mỏi. Nàng nghe loáng thoáng những lời đối đáp ở dưới nhà : — Nó không bằng lòng nhưng má đã quyết định rồi. Tiếng anh Tân nhỏ nhẹ : — Nó bằng lòng thì tốt, nhưng nếu nó cương quyết từ chối thì thôi, con còn có thể lo cho các em con được.

Trinh nghe lòng rạt rào niềm thương cảm. Tấm lòng người anh thật bao la. Trinh mở thư Nguyễn ra đọc, nàng không khỏi

đau buồn khi thấy một mảnh giấy vơi đôi giòng chữ nguệch ngoạc :

Trinh mến.

Khi Trinh đọc thư này anh đã vào quân ngũ, một cuộc sống mới tuy nhiều gian khổ nhưng chắc sẽ giúp anh sống một cuộc đời có ý nghĩa và quên đi những bất hạnh của đời mình. Nay may Trinh sẽ



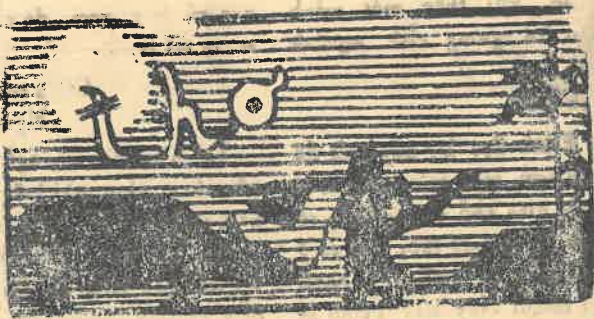
là một nữ sinh viên tương lai đây hứa hẹn thêm vào đó gia đình đã chọn cho Trinh một người chồng xứng đáng. Nguyễn mong Trinh hãy dứt bỏ tất cả những kỷ niệm của chúng mình trong mấy năm

qua và hãy xem đó chỉ là giấc mộng mà thôi.

Chúc trinh vui
Nguyễn

Trinh ôm đầu suy nghĩ : Chuyện của nàng, nàng mới biết ngày hôm nay, còn Nguyễn, Nguyễn hay biết tự bao giờ ? Thì ra bấy lâu nay vùi đầu bên sách vở Trinh không để ý gì đến những chuyện xung quanh chắc bấy lâu nay mẹ Trinh đã gây nên một luồng dư luận to lớn về việc ông Thành xin cưới nàng. Nay lại thêm một kết quả bí ẩn về thi cử nữa bảo sao Nguyễn không buồn lòng và tự ái mà đoạn tuyệt cùng Trinh. Nhưng Nguyễn ơi ! những thứ đó không thể nào thay đổi được lòng Trinh, tình yêu đối với anh không vì thế mà phai nhạt. Trinh đã bao lần nói với anh đừng quan trọng hóa việc thi cử vì nó chẳng phải là một giá trị tuyệt đối. Nguyễn ! Nguyễn hãy hiểu cho em. Trinh nhắm nghiền đôi mắt nằm yên suy nghĩ sau cùng nàng đứng lên với một quyết định dứt khoát : — Ngày mai vào quân trường thăm Nguyễn !

THỤY NHẬN



● MỘT

Một lần cũng đủ làm thơ
Một tình cũng đủ bỏ phờ cho xuân
Một mình cũng đủ băng khuâng
Rồi nghe từ ấy cần phần cỏ rêu

● VỚI MÌNH

Tình yêu nào cho hết
Nỗi nhớ nhưng bây giờ
Băng khuâng nhìn mây nước
Vẫn thấy mình bỏ vơ

TRẦN-HỮU-NGHIÊM (Huế)

● PHONG KIẾN

Ngày xưa dân chúng bị cơ hàn,
Cũng tại nhà vua quá dã man.
Nước mất không lo lo hốt bạc...
Nhà tan chẳng biết; biết làm quan
Thù người phong kiến chôn dân tộc
Oán bọn thực dân đốt xóm làng...
Nếu biết noi gương, Minh-Trị Nhật,
Lạc hồng đâu đến nỗi gian nan.

THẾ-NHĨ

Anh khờ

● Bút ký của Cụ Sào Nam PHAN-BỘI-CHÂU

Đây là một bài «Bút ký» của cụ Sào-Nam mà ít người biết, xin đăng nguyên-văn, do cụ Đông-Tùng sao lục.

ANH Khờ, anh người ở đâu không ai biết, có kẻ bảo rằng anh người Quảng-Nam, cũng có người nói anh là người xứ Nghệ-Anh biết nói theo nhiều thứ tiếng, gặp người Quảng anh nói tiếng Quảng, gặp người Nghệ anh nói tiếng Nghệ; anh nói tiếng xứ nào in đúc như người xứ ấy. Vì vậy không ai biết đích xác anh là người xứ nào cả.

Hỏi đến tên họ anh, anh cũng chẳng bao giờ nói thật. Ai hỏi đến tên làng xã anh, anh cũng chẳng bao giờ nói thật mà chỉ làm thinh, không bao giờ nhếch mép trả lời. Vậy nên ai thấy anh, họ đều gọi anh là khờ, mà hề ai kêu anh là khờ thò anh cũng dạ ngay.

Vì thế mà hai chữ «Anh Khờ» thành ra một cái tên đặc-biệt cho anh.

Khờ không vợ không con, không nhà cửa nhất-định, nhưng vẫn có giấy căn-cước. Trong giấy có gắn tấm hình anh, đầu tròn, miệng vuông, tai lớn, mắt sắc như lưới gươm tứ bề có tia máu đỏ.

Anh đi tới xứ nào, nhập tịch xứ nấy. Thành ra giấy căn-cước của anh, thường có ba bốn tờ là ít. Nhưng đến cái tên anh Khờ thì chẳng bao giờ đổi. Như vì nước Nam mình sự trùng tên là thường lắm, nên cái anh Khờ lại thành ra cái tên rất phổ-thông.

Một năm kia, anh đến ngụ ở

xứ Nghệ, xã Cát-Ngan, huyện Thanh Chương. Xã ấy thường bị cướp, tướng cướp tên là Khôi, cỡi ngựa tài, bản súng giỏi; sức Khôi địch cả trần người, do đó bộ hạ của Khôi rất đông. Xã Cát-Ngan khổ sở vì cướp, tháng nào cũng xảy luôn luôn. Dân thường cầu cứu với quan, nhưng quan đến thì Khôi đi, Khôi đi rồi quan đến, có khi nhiều đồ đảng của Khôi gặp lính quan, Khôi cũng trị cho lính quan những trận rất máu; vì vậy, quan dân xứ đó, hết thấy khổ sở vì Khôi.

Một bữa kia, Khờ ta áo rách nón cời dâm vào cửa trại Khôi, lay Khôi hai lay rồi thưa:

— Thưa cụ lớn, tôi cực khổ quá không nghề làm ăn, cụ thương tôi, cho tôi làm tên chăn ngựa.

Khôi nói: «Ngựa ta dữ lắm, mày làm gì chăn nổi!».

Khờ nói: «Xin cụ lớn hãy thử xem, trong vài ba ngày, tôi không làm nổi, thời xin cụ lớn cắt đầu tôi».

Khôi nói: «Ừ! Mày xuống xem trại ngựa, ngựa nào tốt nhất tùy ý mày lựa chọn mà chăn».

Khờ ta vâng mạng, liền xuống xem ngựa; nắm đầu một con ngựa kéo lên trước mặt Khôi. Quả nhiên là con ngựa tốt nhất trong bầy. Khôi cũng lấy làm lạ: Ủa thằng này mà có cặp mắt tài xem ngựa chó. Đoạn Khôi nói:

— Ừ! Ta giao con ngựa ấy cho mày, mày thử chăn nó trong một tuần lễ coi. Nhưng ta nói cho mày hay trước rằng nếu mày không rành nghề chăn ngựa thời mạng mày chết dưới chân ngựa ta đó nhé!

Khờ dạ dạ, dắt ngựa ra đi chăn. Lại thay! ngựa với Khờ hình như có quen biết sẵn, xem ý ngựa muốn ăn, Khờ liền đưa cỏ tới, ý ngựa muốn uống, liền đưa nước tới, ý ngựa muốn nghỉ liền dắt ra bóng mát, ý ngựa muốn dong chơi liền mở bành lột cương, Khờ cầm roi theo ngựa, tùy ý ngựa đi đâu thì đi. Trong mấy ngày

ngựa yêu Khờ lắm, mà Khờ cũng xem ngựa như người bạn chí thân. Cách sau đó một tuần tướng giặc Khôi thấy Khờ chăn ngựa tài thì hẳn vui vẻ, mà Khờ lại càng làm cho hẳn mẹo phục mình hơn nữa. Những lúc Khôi toan đi đâu, chưa kịp nói ra, thì đã sửa soạn yên bành cho ngựa, dắt ngựa tới trước Khôi. Thấy lẽ Khôi càng thích hơn, càng ngày càng thân thiết quý mến, xem Khờ như con cưng của mình. Lúc đi đứng ăn ngủ, luôn luôn có Khờ bên cạnh, như hình với bóng.

Một hôm Khôi sửa soạn đi ăn cướp ở xã Võ - Liệt. Khoảng 6 giờ tối tụ họp đồng đảng, bày tiệc ăn uống, tuyên bố hiệu lệnh. Đúng 12 giờ xuất phát. Sau khi ăn uống xong Khôi truyền lệnh cho ai nấy về nghỉ, hẹn đúng 11 giờ phải hội họp đầy đủ, sau đó Khôi cũng vào nằm nghỉ, bảo Khờ mang súng đứng gác bên cạnh. Vì đã quá chén, nên vừa đặt lưng xuống là Khôi đã ngủ khò khò.

Nhè dịp tốt này, Khờ lấy cớ súng thanh toán Khôi trước đảng cướp tề tập theo đúng lời hẹn.

Đúng giờ, bọn cướp tới trước cửa, ngạc nhiên tại sao trong nhà chủ tướng hôm nay lại vắng vẻ thế? Lặng tiếng gọi Khờ, thì Khờ lại cũng đi đâu mất. Bọn cướp liền đi vào nhà rồi tới mừng chủ tướng họ thường nằm, thì ời thôi chủ tướng của chúng chỉ còn là cái xác không hồn, nằm trên máu me lây lưa.

Bọn cướp kinh hoàng chạy tán loạn, nhưng hura kịp chạy khỏi vườn thì tứ bề đã đông nghịt những đàn phu hương đồng bao vây, không còn đường chạy, cả bọn đều giơ tay lên hàng, rồi chịu bắt hết.

Thì ra sau khi Khờ hạ được Khôi rồi liền đi báo cho lý dịch. Họ biết Khôi đã chết rồi mới dám đem dân phu tới vây bắt đồng đảng theo tin Khờ cho hay.

Thanh toán xong Khôi và đồng đảng cướp, xã Cát Ngạn hết tai nạn cướp bóc. Nhưng ít kẻ biết đó là công lao của Khờ vì từ vụ này, Khờ bỏ đi nơi khác mà không ai biết đi đâu hết.

Được ít lâu sau đó xứ Quảng lại nổi ra một sự việc hết sức lạ lùng. Phủ Tam-Kỳ, tỉnh Quảng-Nam, ở cạnh bờ sông Tam-Kỳ, có ông Bá Hộ họ Trương tên Hùng. Ông đã gần 70 tuổi người trong xứ thường gọi cổ bá Hùng. Cổ nhờ gia-nghiệp của ông cha để lại ruộng chừng 30 mẫu, có vườn quế ước chừng vài trăm cây. Cổ rất hay về nghề đặt nợ lời, đặng năm quế lên giá đắt, thì bao nhiêu tiền bán quế được, cổ dành trừ để đặt nợ lời. Cổ cho vay lời một thành hai, nhưng khi người ta viết giấy vay chẳng bao giờ cổ để chữ lợi tức mấy phần trong đó, nhưng bức hiếp người ta phải viết số nợ gấp hai, tỷ như nợ vay 100, tất phải viết lên 200. Dân nghèo đói cùng túng ở xung quanh gặp mùa xấu thuế tới nơi họ phải vay lời nặng của Cổ đến kỳ hạn chưa kịp trả, thì cổ bắt viết đổi giấy nợ khác, và viết thêm một phần nữa. Tội dân nghèo vì sự vạ bất đắc dĩ cũng phải thọ tay vào điểm chỉ.

Nhờ cách cho vay cắt hòng đó mà trong bấy nhiêu năm

nhà cổ giàu gấp 10 thuở xưa, những người vay nợ đến nỗi phải cầm vợ bán con để sống qua kiếp nợ, thời không biết bao nhiêu mà kể.

Anh Khờ lúc đó đang làm tên cu-ly ở phủ Thăng - Bình, nghe tiếng cổ bá Hùng như sấm dội, anh ta nóng ruột quá, liền bỏ quê nghề cu-ly, vai mang bị tay cầm gậy, giả dạng một tên ăn mày, đi từ phủ Thăng-Bình đến huyện Tam - Kỳ, tìm đến cửa cổ bá.

Khi tới cửa, nhằm lúc cổ xơi cơm trưa, Khờ đứng ngoài cửa kêu ra vẻ thăm-thiết.

Lạy ông, lạy bà cho tôi xin một bữa.

Kêu rêu hồi lâu, chó sủa mãi, người nhà đuổi anh, và cố mắng anh rằng : Đồ chó chết, mặt mũi sức lực như mày không kiếm được ăn sao ? Ra mau, không tao đánh chết.

(Còn 1 kỳ nữa)

PHỒ-THÔNG — 246



● HOÀNG THĂNG

Làng Báo bị ... động !

TỪ khi Qui Chế Báo Chí ra đời, trong vòng tháng 5-1970, các nhật báo đã bị... bố toi bời. Không bữa nào là không có tờ bị... hốt lên xe cây. Có bữa có đến 3, 4 tờ dật diêu nhau theo lệnh tịch thu vì một điều số mấy nào đó của Qui Chế Báo Chí. Có tờ trong một tuần lễ bị tịch thu tới 2, 3 lần như

tờ báo của dân biểu Ngô-Công-Đức, một tờ báo được coi là đối lập... thật sự với chánh quyền. Kể đến là tờ của ông Nguyễn - Kiên - Giang — chủ tịch hội ký giả Nam Việt.

Ngay cả tờ Tiền Tuyến, tờ báo của Quân Đội cũng hân hạnh được... ra đi không về một lần.

PHỒ-THÔNG — 246

121

Đến như những tờ *Trảng-Đen, Tin sớm* cũng bị tịch thu một lần vì lý do... loan tin thất thiệt (Tuy nhiên 2 tờ này có cái lại là tin đó có thiệt).

Kề ra trong thời buổi kiệm ước, giá giấy báo chánh thức chưa được đựng tới, vẫn phải... li ra mà trả tiền theo giá chợ đen, mà không được «hưởng» số báo bán không hết để bán kí lô cho thiên hạ gói đồ để thu lại chút vốn thì cũng... rầu thấy... hết ham làm báo !

Cũng vì vấn đề giấy báo mà có tờ đang ra 8 trang phải dặt lùi 4 trang, có tờ từ 4 trang tiến lên 6 trang để rồi cũng trở lui về vị thế 4 trang như cũ. Ngoài ra, còn năm ba tờ khác cũng bắt chước nghĩ xả hơi chờ một ngày mai tươi sáng về... giấy kiệm ước.

Và cũng vì vấn đề giấy mà có nhiều tờ nhật báo đã có giấy phép xuất bản mà cũng chưa dám rục rịch.

● Chỉ vì một bức tranh.

Họa sĩ Phạm Văn Hạng, hội

viên của phân hội Hồng Thập Tự Quảng Trị đã giải vào Saigon một bức tranh đề trưng bày tại một gian hàng Triển lãm được tổ chức tại trụ sở Trung Ương Hội Hồng Thập Tự. Tuy gọi là bức tranh, nhưng nó lại được hình thành bởi sự ghép những xương sọ, những khúc ruột lòng thông, nằm vất trên sợi giấy kẽm gai, những mảnh lựu đạn. Những «chứng tích» này được «nằm» trên một tấm ván quét sơn đỏ như máu và mang tên là *Chứng Tích*.

Nhưng bức tranh này đã không được trưng bày vì không được sự chấp thuận của được sư La thành Trung. Được sư Trung có chân trong ban tổ chức đi

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chích PENICILLINE-G.

duyet các gian hàng trước khi Hội Chợ khai mạc và ông được sư đã ra lệnh cắt ngay bức tranh «Chứng Tích» vào kho để các quan khách khỏi phải nhìn thấy một hình ảnh... ghê rợn.

Nhiều nhật báo đã phê bình hành động trên và cho rằng «người ta» đang đặt kế hoạch thủ tiêu tác phẩm này.

Nhiều người lại mong muốn tác phẩm phải được trao trả lại cho người đã khai sinh ra nó để «chủ» nó trình bày cho mọi người coi.

Ít hôm sau, có ông Trần Đạo Đồng, trưởng phái đoàn Hồng Thập Tự Quảng Trị tham gia Hội Chợ Phụng sự tại Saigon đã lên tiếng minh xác về bức tranh bằng... xương, thịt người như sau :

1) Khi bức tranh hoàn thành, trong ban chấp hành Phân bộ HTT Quảng Trị có những ý kiến đối nghịch nhau, một số muốn đem trình bày tại Hội Chợ để gây thị hiệu

khách hàng, một số cho rằng bức tranh đó quá táo bạo, không hợp vệ sinh và phần nhân đạo, trình bày không tiện. Trước sự bàn cãi gay gắt, được sĩ chủ tịch phân bộ Quảng Trị đành cho đem theo nhưng chỉ được trình bày khi có sự thỏa thuận của ban chấp hành HTT trung ương.

2) Sau khi bàn cãi, mọi người nhận thấy bức tranh có công phu nhưng quá táo bạo, gần như phi nhân đạo vì bức tranh đã trình bày bằng 1 phần xác người thật, nên tất cả đã bằng lòng không trình bày bức tranh đó.

3) Và vì bức tranh quá ghê rợn và đã có mùi khó chịu nên đã được gửi lại kho hàng của Trung Ương. Chứ không phải trung ương đã thủ tiêu như một vài tin đồn.

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM * NGON * NGOT

● **Nghệ-sĩ với kiều bào ở Cambodge hồi-hương**

— «Tổ chức thân hữu các dân tộc» cùng ban Quê Hương do nữ ca sĩ Khánh-Ly làm trưởng ban, đã tổ chức một đêm văn nghệ lấy tên là «Đêm Tình Thương» tại Queen Bee (lầu 2) để gây quỹ giúp vào việc cứu trợ Việt Kiều ở Cambodge hồi hương.

Đêm văn nghệ này đã được nhạc sĩ Phạm Duy cùng các con, cô Khánh Ly cùng toàn ban Quê Hương, nữ ca sĩ Thanh Lan cùng các cô Ngọc Dung, Ngọc Swơng, Ngọc Anh góp sức.

● **Hội quán Nghệ sĩ**

Nhà văn Vĩ Duy đã đứng ra khai thác quán Chiêu Tím ở đường Võ Tánh và đặt tên lại là «Hội quán Nghệ Sĩ» và quán này đã là chốn gặp gỡ của những người làm văn nghệ, và cả những người chưa bao giờ làm văn nghệ hay sẽ và muốn làm văn nghệ.

Nơi đây còn đón tiếp các bạn nào muốn giới thiệu tác phẩm, nhạc phẩm mới của mình.

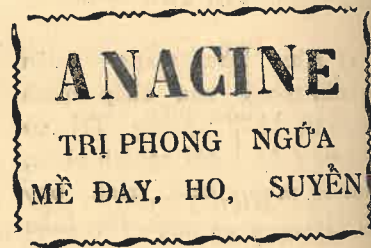
● **Điện ảnh**

Nếu được Nha Điện Ảnh chấp thuận hợp tác, năm 70, Việt Nam ta sẽ có thêm 3 phim mới nữa. Đó là :

1) *Người tình không chân dung*, truyện phim của Hoàng Vĩnh Lộc do «Giao Chỉ Phim» của nhóm Kiều Chinh, Hoàng Vĩnh Lộc thực hiện.

2) *Tà áo xanh* truyện phim của Trần văn Bửu do hãng «Lidac» của Lê Hoàng Hoa và Phạm hoàng Kim thực hiện,

3) *Như hạt mưa sa*, một tác phẩm của Ngọc Linh, Đinh Phong, Mạnh Vũ viết thành truyện phim do hãng Nam Phương phim thực hiện.



● **Giải Văn-Học Nghệ Thuật 70**

Theo ông Trần văn Ân, phụ tá đặc biệt nghiên cứu Chính trị Văn Hóa Phủ Tổng Thống cho biết thì năm 1970, giải thưởng Văn Học Nghệ Thuật của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa sẽ do ông Mai Thọ Truyền Quốc vụ Khanh đặc trách Văn Hóa đảm nhiệm.

Giải thưởng Văn Học Nghệ Thuật gồm những giải thưởng riêng cho mỗi ngành. Văn học (Truyện, Kịch, Thơ, Biên khảo) Âm nhạc (quốc nhạc và Tây nhạc, nhạc hòa tấu loại A và nhạc ngắn loại B) Điều Khắc, Hội Họa, Điện Ảnh (Nam Nữ tài tử, cốt truyện, kỹ thuật, đạo diễn), Nhiếp ảnh (màu và đen trắng).

Tin Văn-Hóa

— Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa mới xuất bản 2 cuốn biên khảo có giá trị :

— *Hiện-Tượng Luận về Hiện Sinh* của Ô. Lê Thành

Tri, Tiến-Sĩ, Giáo-sư Triết-Lý, Đại-học Văn-Khoa Saigon. Sách in đẹp, dày 480 trang, giá 300đ 00

— *Quốc - Hiêu Nước Ta* của Ô. Bửu-Cầm, Giáo-sư Diên-Giang, Đại-Học Văn-Khoa Saigon. Sách trình bày mỹ-thuật, dày 148 trang, giá 150đ 00

— Ngoài ra, Nha Văn-Hóa (trực thuộc Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa) đã xuất bản 3 loại sách báo.

— *Văn - Hóa Tùng - Thư* (phiên dịch, ấn loát và phổ-biến Bộ Sử-Địa Đại-Nam Nhất Thống Chí.

— *Văn-Hóa Tập-San*, với những bài khảo luận về mọi bộ môn Văn-Hóa.

— *Vietnam Culture Series* hay *Aspects Culturels Du Vietnam*, viết bằng Anh-Ngữ hay Pháp-Ngữ để phổ biến văn-hóa dân tộc ra ngoại-quốc.

Tất cả sách báo nói trên, có bán tại Nha Văn-Hóa, 8 Nguyễn-trung-Trực, Saigon.

SÁCH MỖI BÁO

● **Loạn trung bút.**

Của Vũ-Hoàng-Chương một tập tùy bút bằng văn xuôi của nhà Thơ Vũ-Hoàng-Chương.

Dày 250 trang. Khai Trí xuất bản.

● **Phát hành 15/5/70 :**

Đêm ảo tưởng

Tuyển truyện của 8 nhà văn danh tiếng nước ngoài : Damont Knight — August Derleth — Harlan Ellison — Pat McMahon — Louis Golding — Anthony Abbot — Guy de Maupassant — Theodore R. Cosgwell.

Bản dịch của THANH VIỆT THANH và LÊ KHOA

«... Đây là một câu chuyện có tính cách chống đối chiến tranh và mô tả sự khao khát sống của con người một cách chân xác, tế nhị và phong phú nhất... Những nhân vật đề ra trong truyện đều là những người đã chết, chết vì chiến tranh, chết vì lừa đạn... ấy thế mà họ vẫn cứ ngỡ mình hiện đang còn sống với những niềm ưu tư không lối thoát, hẳn cho ta nhiều cảm giác lạ...»

● **Hong buồn**
Thơ của Hà-thị-Châu

Vũng Tàu.

Quay Ronéo

● **Thơ con cóc**

của Đông Tùng

«Bạt gió bay dài chim mỗi cánh,

«Giận trời nghiêng mái cóc mùa rặng»

Đó là 2 câu thơ của ông Tôn thất Đê, (1916) Nhà Thơ Đông Tùng ghi trên bìa tập thi-tuyển của ông.

● **Khoảng cách**

Tuyển tập truyện ngắn của Chim Việt văn đoàn, gồm 8 truyện của 8 tác giả. Hộp thư 175 Chợ Lớn.

● **Con đường Tình - sử Việt Nam qua hai Thế - hệ Phạm duy, Trịnh Công Sơn.**

Của Hà-anh-Tuấn.

● **24 bài thơ viết trong 24 giờ hưu chiến**

Của Hà-anh-Tuấn

Kim quy xuất bản

Phân ưu

Đau xót phân ưu cùng chị

PHAN-KHẮC-SỬU

và tang quyến.

NGUYỄN-VỸ

trị: **IA CHÁY. NHIỄM ĐỘC**
Ở RUỘT
KIẾT-LỰ CỎ ĐÀM MÁU
Dùng thuốc

TANIGELAMIDE

PHONG-PRO

Thuốc viên cho người lớn
Thuốc bột cho trẻ em.

*Hợp với
người lớn
trẻ em*

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
20bc/STT/17-8-67



NUỐC NGỌT

"CON CỌP"



**Ở mọi nơi,
Thôn quê,
Thành thị.**

*Nước ngọt Con Cọp
ở đâu,
Đấy là Khỏe Mạnh,
Sống lâu, Yên Đồi.*

Brasseries et Glacières
de l'Indochine
6, Hai-Bà-Trung, Saigon Tél: 20.311

Nhà hàng Đại - La - Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31 — 33 đường Lãng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- ★ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ p ép
- ★ Có máy điều hòa không khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Gần đến kinh kỳ, Bàn thần đã dượt hay là đang hành
kinh mà đau bụng. uống **Lối Công Hoàn « Ông Tiên »**. Các tiệm
thuốc Bắc có bán lẻ. Nhà thuốc Ông-Tiên Phú-Lâm Cholon.
K.N.BYT. số 9.5-63

Phong ngứa Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đâu ăn lan tới
đó không phải thoa phết sớ sai ngoài da mà hết. Uống **Giải
phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên »** Trên 30 năm danh
tiếng. Có bán lẻ ở các tiệm thuốc Bắc.

Nhà thuốc Ông Tiên Phú-Lâm, Cholon
(K.N. BY. số 3 — 9-5-63)

Giấy phép số 292 CDVTTINH ngày 9-10-1961

Chủ-nhiệm : NGUYỄN-VỸ

In tại nhà in riêng của PHỒ-THÔNG

231, Phạm-Ngũ Lão — SAIGON

Đ.T. : 25.861

GIÁ : 50 đ

Công sở : gấp đôi